

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



38

THÁNG 01.2015



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: C.H.

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **HAI THẾ KỶ ĐẦU (CỦA PGVN)** (Nguyễn Lang), trang 8
- ♦ **BÓN MÙA** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 9
- ♦ **SẮC MÀU THỜI GIAN** (thơ Mặc Phương Tử), trang 12
- ♦ **VẤN ĐỀ THỜ CÚNG VÀ LỄ BÁI - tiếp theo** (Ht. Thích Thắng Hoan), trang 13
- ♦ **CHỈ LÀ NHO NHỎ** (thơ Giới Định), tr. 16
- ♦ **PHẬT GIÁO YẾU LƯỢC / Luân Hồi** (Thích Trí Chơn dịch), trang 17
- ♦ **NGHE KINH** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 21
- ♦ **SỰ SỐNG QUÝ GIÁ CỦA CON NGƯỜI** (Hoang Phong), trang 22
- ♦ **PHÂN ƯU: HT. THÍCH THANH AN VIÊN TỊCH** (GHPGVNTN HK), trang 23
- ♦ **CHỜ EM MỘNG MỊ XANH XAO...** (thơ Phù Du), trang 24
- ♦ **THÔNG BÁO: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)**, trang 25
- ♦ **NHÂN QUẢ** (Tâm Minh Ngô Tăng Giao), trang 26
- ♦ **CỎ VÀ ĐÁT** (thơ Hàn Long Ẩn), tr. 28
- ♦ **SÓNG MẮT KHUYNH THÀNH** (TN Như Thủy), trang 29
- ♦ **TÂM TÍN HAY TÂM TƯỜNG** (Ns. TN Trí Hải), trang 30
- ♦ **THIỆN VÀ ÁC - Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ **BỒI DƯỠNG TÂM - Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **NHIỆT TÂM - Lá thư đầu tuần** (GĐPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ **ĐÔI NHỊP CHÂN** (thơ Tâm Thường Định), trang 34
- ♦ **DUY THỨC HỌC ĐỐI VỚI NGƯỜI NIỆM PHẬT** (Thích Đức Trí dịch), tr. 35
- ♦ **HOA ĐĂNG NGUYỄN CẦU** (thơ Thích Viên Thành), trang 36
- ♦ **KHÔNG CÓ PHƯỚC ĐỨC NÀO LỚN BẰNG SỰ THÔNG THÁI CỦA TRÍ TUỆ** (Đào Văn Bình), trang 37
- ♦ **NGUỒN THƯƠNG LỄ SỐNG** (thơ Thích Minh Tuệ), trang 38
- ♦ **BÓNG MẮT CUỘC TÌNH** (Nguyễn Văn Sâm), trang 39
- ♦ **ĐỜI NGƯỜI TRONG MỘT CÂU** (Tâm Phước), trang 47
- ♦ **KHÔNG** (thơ Chân Minh Trí), trang 47
- ♦ **THƯƠNG TƯỜNG...** (thơ Hoàng Xuân Sơn), trang 48
- ♦ **LẠNG THINH MÀ TÒA SÁNG** (Huệ Trân), trang 49
- ♦ **NHỚ QUÊ** (thơ Diệu Đức), trang 50
- ♦ **TRUYỆN NGÁN TRĂM CHỮ** (Steven N.), trang 51
- ♦ **VÌ HIỆN TẠI HÃY LÀM MỘT CHÚT GÌ ĐÓ** (Lâm Thanh Huyền), trang 53
- ♦ **TÔNG KẾT BUỔI CƠM GÂY QUỸ XÂY DỰNG CHÙA KHÁNH ANH, PHÁP** (Huỳnh Tấn Lê), trang 55
- ♦ **NẤU CHAY: BÁNH CHƯNG CHAY** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ♦ **TẮM LÒNG CỦA MỘT NGƯỜI CHA XA XỨ** (Bạch Xuân Phê), trang 59
- ♦ **BƯỚC CHÂN LĂNG TỬ** (thơ Nguyệt Bình), trang 61
- ♦ **TÌNH, RƯỢU, GIÓ** (thơ Lưu Trọng Tường), trang 63
- ♦ **VAI TRÒ CỦA DINH DƯỠNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 64
- ♦ **TRÚT BỐ OÁN THÙ** (Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 66
- ♦ **CHÙA HỘI PHƯỚC NEW MEXICO...** (Bình Sa), trang 69
- ♦ **STORY OF.... THERA ANANDA** (Daw Mía Tin), trang 71
- ♦ **NHỮNG BƯỚC CHÂN ĐI** (thơ Ân Kiên), trang 71
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG, Chương 1, kỳ 1** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 72

Báo Chánh Pháp số 38, tháng 01.2015, do Chùa Trúc Lâm (IL) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

SAO MAI, MỘT SỚM TRỜI PHƯƠNG ĐÔNG

Từng đợt lá thay nhau úa vàng, héo khô, lá tả rơi theo gió mùa.

Từng cơn mưa nặng hạt, rơi xuống những mảnh đất đã cằn khô, nứt nẻ.

Mưa tuyết rơi xuống làng mạc yên ngủ, phủ đầy những đồng cỏ hoang.

Máu lệ rơi trên xác thân người hiền, kẻ ác, người vô tội, kẻ vô minh.

Khô đau đổ xuống những thân phận giàu-nghèo, sang-hèn, tự tôn hay tự ti.

Ngày tháng rớt theo những tờ lịch, ảo vọng vui theo thời gian.

Thời gian tàn theo bóng nắng, và đời người phai theo phút giây.

Ý nghĩ rời, trôi trong dòng tâm lắng.

Đĩ văng buồn lạc về giữa cơn mê.

Ồi thời gian, dằng dặc chuỗi dài mộng lung không đầu mối, không chỗ cùng tận.

Bao nhiêu lâu đài thành quách đã xây bên bờ nước lấp lánh ánh triều dương, lạ lùng chi, dưới bóng hoàng hôn hiu hắt, thoát đã xiêu vẹo ngổn ngang trên bãi quạnh, điêu tàn.

Thảng thốt bao năm, trong giấc mộng vật vờ, chỉ để dựng nên một cái gì bền vững, dài lâu. Từng đêm, từng đêm, rồi nghìn đêm mờ mịt, không thấy đâu là ánh sáng. Chỉ có năng lực của ý chí tồn sinh là không ngừng đốt cháy, bập bùng hay lập lòe, suốt những đêm sâu. Dựng nên, rồi sụp đổ; sụp đổ, lại dựng nên. Con kiến bò quanh miệng chén. Dã tràng se cát bãi hoang. Chỉ là sự kiên trì của kẻ mê muội.

Cho đến một lần, trái cò bên sông, lặng lẽ ngồi xuống. Một thân lau sậy trụ vững như núi cao. Một mình điem nhiên giữa rừng sâu u tịch. Đêm đêm thú dữ tru tréo, gầm thét. Ngày ngày gió chướng, mưa sa, nắng quái và sương mù. Có khi sấm sét âm ỉ, xé rách màn trời, xé toang mặt sông dậy sóng. Lòng không nao núng. Niềm tịch lặng tỏa từ bên trong làm lắng cả đại thiên giới.

Rồi một sớm tinh mơ, khi vạn vật, và loài người, hãy còn chìm trong những giấc mộng u trầm huyền ảo, vầng Sao Mai chợt hiện ở trời đông. Tuệ giác bừng khai, vén màn đêm nghìn đời

tăm tối. Ân sĩ không nhà nở nụ cười an nhiên bất tuyệt. Không ai trên thế gian này có thể có được nụ cười như thế—nụ cười của kẻ bao năm hụp lặn nổi trôi để tìm kiếm, để xây dựng căn nhà, nay thấy rõ là không gì mất đi để phải tìm kiếm, và không cần phải xây nhà nữa. Kẻ không nhà đã từng từ bỏ vương quốc, vương quyền, nay tiếp tục vượt bỏ, không giữ lại gì, ngay cả ý tưởng về một tổ chức, giáo quyền; và ngay cả ảo tưởng là có một kẻ không nhà, muốn xây nhà, ngưng xây nhà. (*)

Không xây dựng nữa, nhưng tuệ giác của người vượt ngoài ba cõi, có thể mở ra cho trần thế con đường tự tại, thanh thang, lìa xa những khổ đau, ách nạn. Trời phương đông, Sao Mai tỏa ánh sáng của niềm tịch lặng. Đêm huyền bừng giắc. Muông chim cất tiếng hoan ca. Hương thơm của ngàn hoa nội cỏ như lan khắp cả rừng sâu, sông dài. Mặt sông dần ửng sáng theo ánh bình minh chỗi dậy từ phương đông. Lá rừng xanh biếc như ngọc, lấp lánh sương mai; mỗi giọt sương ánh chiều một mặt trời.

Mới. Tất cả những gì hiện hữu đều mới lạ—dù rằng lõi mòn của quá khứ, của lịch sử có thể được trùng lập vô hạn trong hiện tại và tương lai. Nhưng tuệ giác và cảm giác của người vào sớm tinh mơ ấy, khi Sao Mai vừa mọc trời phương đông, hoàn toàn mới mẻ, tinh khôi, trong ngần, không bao giờ có thể được lặp lại lần thứ hai.

(*) Diễn ý từ Kinh Pháp Cú (Dhammapada), câu 153-154; trích lại từ bản dịch của Phạm Kim Khánh, *Đức Phật và Phật Pháp*, trang 73: “Xuyên qua nhiều kiếp sống trong vòng luân hồi, Như Lai thanh thang đi, đi mãi. Như Lai mãi đi tìm mà không gặp. Như Lai đi tìm người thợ cắt cái nhà này. Lấp đi lấp lại đời sống quả thật là phiền muộn. Nay hồi người thợ làm nhà, Như Lai đã tìm được người. Tất cả sườn nhà đều gãy, cây đòn dông của người dựng lên cũng bị phá tan. Như Lai đã chứng nghiệm Quả Vô Sanh Bất Diệt và Như Lai đã tận diệt mọi Ái Dục.”

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ÚC ĐẠI LỢI: Vị lãnh đạo dòng truyền thừa Tsarpa Kagyu giảng pháp tại Melbourne (Victoria)

Hòa thượng Shang Longrik Gyatso đã có các buổi giảng pháp và dạy giáo lý vào trung tuần tháng 11 tại Chùa Quang Minh, một trung tâm phục vụ cộng đồng Phật giáo Việt Nam và là trụ sở của Liên Hội Phật giáo Việt Nam của bang Victoria.

Hòa thượng Shang đã giảng dạy Phật giáo cho hàng chục nghìn học viên thuộc mọi cấp độ trên khắp thế giới trong hơn 30 năm qua.

Ông là vị minh sư trong 2 thiền phái Trung Hoa; là trưởng dòng truyền thừa Tsarpa Kagyu của Phật giáo Tây Tạng và được công nhận là hóa thân của người sáng lập dòng này hồi thế kỷ thứ 13. Trong những bài giảng của mình, Hòa thượng dựa trên trí huệ của tất cả các trường phái Phật giáo và còn từ kiến thức bách khoa của bản thân về triết học Trung Hoa, bao gồm cả Đạo giáo, khí công và y học cổ truyền Trung Hoa.

Các buổi pháp giảng này được tổ chức từ ngày 14-11 bởi một nhóm các học viên nước ngoài của Hòa thượng ở Đài Loan với mong muốn cung cấp cho đồng đạo người Úc cơ hội trải nghiệm trực tiếp trí huệ sâu sắc của ông.

(Buddhist Door – November 17, 2014)

Ý ĐẠI LỢI: Hội nghị thượng đỉnh của những người đoạt giải Nobel hòa bình chuyển đến La Mã

Các nhà tổ chức cho biết Hội nghị thượng đỉnh của những người đoạt giải Nobel hòa bình dự kiến tổ chức tại Cape Town, Nam Phi, đã được chuyển đến La Mã sau khi chính phủ Nam Phi không cấp visa cho Đức Đạt lai Lạt ma.

Nay hội nghị sẽ diễn ra tại thành phố La Mã của Ý từ ngày 12 đến 14-12-2014, ban thư ký của hội nghị công bố. Sự kiện này bị "treo" vào tháng 9 "sau khi chính phủ Nam Phi (do xây dựng quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn với Trung Quốc) đã từ chối cấp visa cho Đức Đạt lai Lạt ma, người từng mong muốn tham dự hội nghị hòa bình thế giới này tại Cape Town".

Lẽ ra đây sẽ là hội nghị thượng đỉnh của những người đoạt giải Nobel hòa bình được tổ chức lần đầu tiên tại châu Phi.

La Mã là nơi hội nghị này khởi thủy được hình thành và là nơi đã đăng cai tổ chức 8 kỳ hội nghị đầu tiên của những người đoạt giải Nobel hòa bình. Sau đó là các kỳ hội nghị diễn ra tại Paris, Berlin, Hiroshima, Chicago và Warsaw.

Hội nghị thượng đỉnh của tháng tới ở La Mã sẽ kỷ niệm năm thứ 20 của việc kết thúc sự phân biệt chủng tộc tại Nam Phi và của di sản của cố tổng thống Nelson Mandela – cũng là một người đoạt giải Nobel hòa bình.

(AFC – November 17, 2014)

HÀN QUỐC: Viện Bảo tàng Quốc gia trưng bày bức tranh Phật giáo quý hiếm cao 13 mét 17

Cuộc triển lãm "Tranh Cuộn Treo của Phật giáo tại Chùa Gaeamsa" đang diễn ra của Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc, với chủ đề là bức tranh cuộn Phật giáo lớn quý giá, là một cuộc trưng bày hiếm có đem đến sự giới thiệu tốt đẹp về nghi lễ Phật giáo trong nước.

Mượn từ Chùa Gaeamsa ở Buan thuộc tỉnh Nam Jeolla, bức tranh có chiều cao chót vót 13.17 m này được vẽ vào năm 1749 trong triều đại Joseon (1392-1910). Được xếp hạng Bảo vật quốc gia số 1269, đây là một trong những tranh "gwaebul" (tranh cuộn treo) lớn nhất tại Hàn quốc.



Tranh Gwaebul cao 13.17 mét của Phật giáo Hàn quốc đang được triển lãm tại Viện Bảo tàng Quốc gia ở Seoul

Photo: Baek Byung-yeul

Bảo tàng cho biết: Loại tranh gwaebul được dùng cho nghi lễ Phật giáo ngoài trời. Và bức tranh này, theo ghi chép lịch sử, đã được vẽ bởi 13 họa sĩ, với vật liệu do 191 cư sĩ và 59 tăng sĩ cung cấp.



Cố Tổng thống Nam Phi Nelson Mandela và Đức Đạt lai Lạt ma, hai trong số những người đoạt giải Nobel hòa bình

Photos: Wikipedia & AFC

Quang cảnh một buổi pháp giảng của Hòa thượng Shang tại Chùa Quang Minh, Melbourne (Úc)

Photo: Andrew J. Williams

Theo tài liệu còn lưu lại tại Chùa Gaeamsa thì tranh này đã được dùng không chỉ cho các nghi lễ Phật giáo mà còn cho các nghi lễ cầu mưa trong thời kỳ hạn hán.

Triển lãm kéo dài cho đến ngày 26-4-2015.

(tipitaka.net – November 20, 2014)

ẤN ĐỘ: Liên hoan phim 'Nội Đạo' có chủ đề về văn hóa, lịch sử và nghệ thuật Phật giáo

Bước vào năm thứ 3 của mình, "Nội Đạo", được tổ chức bởi Mạng lưới Quảng bá Điện ảnh Á châu (NETPAC) giới thiệu triết học và mỹ học Phật giáo thông qua các loại hình sáng tạo khác nhau – chiếu phim, triển lãm, trại nghệ thuật, vẽ tranh và trình diễn âm nhạc.

Mục tiêu của lễ hội 4 ngày này, một sự kiện hàng năm từ ngày 21 đến 24 tháng 11, là để phát huy sự hiểu biết và nhận thức sâu sắc về nghệ thuật và triết lý Phật giáo cùng với những sự tương tác và tham gia bởi khán giả với các học giả và các nhà làm phim.

Lễ hội sẽ khai mạc với phần niệm ca của Ni cô hát nổi tiếng quốc tế Ani Choying Drolma đến từ Nepal, và sẽ kết thúc với phần trình diễn của chư ni Kung-fu lừng danh từ Ladakh.

Khoảng 16 phim truyện và phim tài liệu sẽ được trình chiếu, và sẽ có một cuộc triển lãm hội họa và nhiếp ảnh của 20 nghệ sĩ với các tác phẩm liên quan đến Phật giáo.

(Deccan Herald - November 21, 2014)

MIỄN ĐIỆN: Dân nghèo nhận thực phẩm từ những nhà sư khất thực

Hlaing Tharyar, Miễn Điện – Dưới bóng cây râm giữa trưa, hơn 100 người ngồi trên cỏ hướng mặt nhìn về tu viện Phật giáo ở gần đó. Khi một nhà sư đi qua cổng với một nồi cơm cà ri lớn, những trẻ mồ côi, vô gia cư và những người thất nghiệp cùng xếp hàng với những túi nhựa nhàu nát trên tay.

Các tăng sĩ mức thức ăn được cúng dường vài giờ trước đó trong lần khất thực lúc bình minh của họ cho những người dân nghèo này.

Nhiều người trong số đó tại Hlaing Tharyar là nạn nhân của trận bão Nargis năm 2008 vốn gây thiệt hại lớn về người và nhà cửa. Do thiếu việc làm và thiếu các mạng lưới an toàn, rất nhiều

người phải sống lang thang.

Mỗi buổi sáng, ngay trước lúc bình minh và một lần nữa liền sau đó, hơn 50 nhà sư và tiểu tăng từ tu viện Mahara Aung Myae đi lòng vòng qua những con đường tối tăm, gập ghềnh của khu vực để nhận thực phẩm cúng dường từ những cư dân đứng trước khu nhà nhỏ bằng gỗ của họ.

Khi trở về tu viện, chư tăng chân đất này tập hợp phần lớn những gì họ đã nhận được vào một cái nồi lớn và mang nó ra cho những người đang chờ bên ngoài cổng chùa.

(Big News Network – November 22, 2014)



*Tăng sĩ Miễn Điện đi khất thực
Photo:AP*

NAM HÀN: Chư tăng từ Nam Hàn, Trung quốc và Nhật Bản cầu nguyện cho hòa bình

Paju, Nam Hàn – Ngày 19-11-2014, trong một buổi lễ tại một địa điểm ở ngay phía nam của biên giới được vũ trang nghiêm ngặt của liên-Triều, hàng trăm tu sĩ Phật giáo Nam Hàn, Trung quốc và Nhật Bản đã cầu nguyện cho hòa bình trên bán đảo Triều Tiên.

Được tổ chức tại một hội trường của Đài quan sát Dorasan nhìn ra thị trấn biên giới Kaesong, nơi tọa lạc khu công nghiệp duy nhất do Nam Hàn điều hành, buổi lễ được tiến hành bằng 3 ngôn ngữ Hàn, Trung và Nhật.

Sau lễ cầu nguyện, các vị lãnh đạo Phật giáo của 3 nước đã đưa ra những thông điệp hòa bình của mình.

Vào cuối buổi lễ, những người tham dự đã thông qua một tuyên bố chung cam kết những nỗ lực để giúp thúc đẩy hòa bình trên bán đảo và những nơi khác trên thế giới.

Sự kiện này là một phần của hội nghị thường niên lần thứ 17 về giao lưu thiện chí giữa Phật tử từ Nam Hàn, Trung quốc và Nhật Bản. Hội nghị này đang được tổ chức tại Nam Hàn với khoảng 350 tu sĩ Phật giáo từ 3

nước nói trên tham dự.

(tipitaka.net – November 23, 2014)



Chư tăng tham dự hội nghị Phật tử Nam Hàn, Trung quốc và Nhật Bản thường niên lần thứ 17 tuần hành vi hòa bình gần biên giới liên-Triều, vậy là cờ tượng trưng cho một Triều Tiên thống nhất—Photo: Yonhap

TÍCH LAN: Lễ tôn trí xá lợi Linh thiêng tại Bảo tháp Chiến thắng

Ngày 24-11-2014, dưới sự bảo trợ của Tổng thống Mahinda Rajapaksa, một nghi lễ tôn giáo đã được tổ chức để tôn trí xá lợi Linh thiêng trong mái vòm hình bán nguyệt của Bảo tháp Chiến thắng (Sandahiru Stupa) ở thành phố Anuradhapura.

Buổi lễ diễn ra với sự tham dự của 6,500 hội viên của Đại Tăng đoàn và hàng nghìn tín đồ trong trang phục màu trắng.

Lễ tụng niệm Pirith kéo dài 7 ngày cũng được tổ chức nơi đây để chúc phúc việc tôn trí xá lợi Linh thiêng tại Bảo tháp Chiến thắng.

Bảo tháp Chiến thắng, cao 285 feet và rộng 255 feet, đang được xây dựng bởi các thành viên của 3 Lực lượng Vũ trang và Lực lượng Phòng vệ Dân sự tại thành phố lịch sử Anuradhapura để ghi công những Anh hùng Chiến tranh đã bảo vệ đất nước Tích Lan.

(dailynews.lk – November 24)



*Bảo tháp Chiến thắng ở thành phố Anuradhapura, Tích Lan
Photos: dailynews.lk*

NGA: Các tu sĩ Phật giáo Nga phục chế tượng Đại Phật thế kỷ 19

Chita, Nga – Các nhà sư của Viện Đại học Phật giáo Aginsky thuộc truyền thống Gelukpa Tây Tạng ở vùng Lãnh thổ Ngoại-Balkan đã bắt đầu phục chế một tượng Đại Phật Di Lặc có niên đại từ thế kỷ 19, một thứ trường bộ văn hóa của vùng này là Tatiana Zherebtsova cho biết vào ngày 25-11-2014.

Bà nói chính quyền địa phương đã cấp hơn 1.1 triệu usd để tài trợ cho các công việc phục chế. Chư tăng của Viện Đại học Aginsky sẽ ráp tất cả những mảnh vỡ còn lại của pho tượng cao 16 mét này, nguyên thủy do các thợ thủ công Trung Hoa tạo tác, và sẽ làm ra những phần mới để thay thế cho những mảnh vỡ bị mất.

Cùng với việc phục chế, chư tăng sẽ thực hiện một nghi lễ thánh hóa linh thiêng để tạo sức mạnh tinh thần cho pho tượng. Họ sẽ đặt những vật linh thiêng vào bên trong pho tượng.

Và sự chú ý đặc biệt sẽ dành cho việc đặt một đoạn linh mộc - là một thanh gỗ tuyết tùng lớn có khắc kinh cầu nguyện của Phật giáo - vào chính giữa pho tượng. Theo kinh điển, toàn bộ nghi lễ thánh hóa không linh nghiệm nếu không có thanh linh mộc này.

(TASS – November 26, 2014)



Tượng Phật Di lặc cao 16 mét đang được phục chế tại viện Đại học Phật giáo Gelukpa, Nga
Photo: TASS

HOA KỲ: Hội Á châu sẽ triển lãm nghệ thuật Phật giáo Miến Điện

Hội Á châu ở New York sẽ tổ chức cuộc triển lãm đầu tiên tại Tây

phương tập trung vào các tác phẩm nghệ thuật từ những bộ sưu tập ở Miến Điện.

Triển lãm sẽ diễn ra từ ngày 10-2 đến 10-5-2015 tại Bảo tàng Hội Á châu trên Đại lộ Công viên ở New York.

Các nhà tổ chức nói rằng triển lãm "Nghệ thuật Phật giáo của Miến Điện" sẽ trưng bày khoảng "70 tác phẩm đẹp mắt" - gồm các tác phẩm điêu khắc bằng đá, đồng và gỗ, hàng dệt may, tranh, và các hiện vật nghi lễ bằng sơn mài - từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ thứ 19, sẽ được mượn từ các Viện Bảo tàng của Miến Điện cũng như từ các bộ sưu tập công và tư tại Hoa Kỳ.

Bao gồm các hiện vật được chế tác cho chùa chiền, tu viện và cho việc cúng bái của cá nhân, các tác phẩm nghệ thuật này sẽ được giới thiệu trong những khung cảnh lịch sử và lễ nghi của chúng. Nhiều tác phẩm trong số này chưa từng trưng bày bên ngoài đất nước Miến Điện.



Một tác phẩm nghệ thuật Phật giáo của Miến Điện
Photo: Mizzima

ANH QUỐC: Sách mới về tìm hiểu tác động của phương tiện truyền thông kỹ thuật số đối với Phật giáo

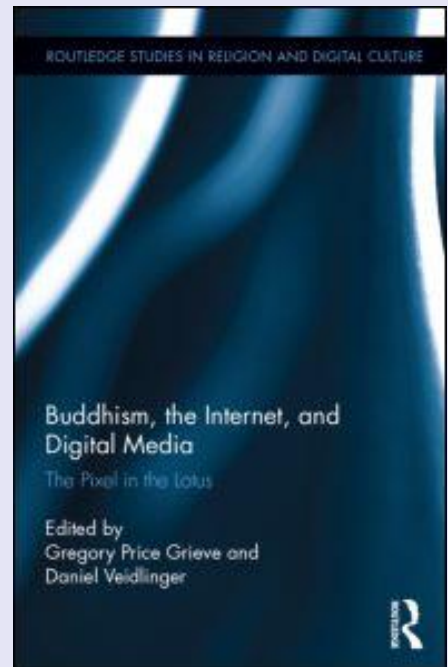
"Phật giáo, Internet và Phương tiện truyền thông Kỹ thuật số: Ảnh hưởng trong Hoa sen" là cuốn sách đầu tiên trong loạt sách mới của nhà xuất bản Routledge về Nghiên cứu Tôn giáo và Văn hóa Kỹ thuật số. Sách cung cấp một cuộc khảo sát liên ngành tập trung vào sự tồn tại và tính chất của Phật giáo trong thời đại kỹ thuật số và nổi mạng ở mức độ cao mà chúng ta đang sống.

Hai Phó giáo sư Khoa Nghiên cứu Tôn giáo người

Mỹ, chủ biên sách này, là Gregory Price Grieve (trưởng Đại học Greensboro, Bắc Carolina) và Daniel Veidlinger (trưởng Đại học Chico, California) đã biên soạn một bộ sưu tập những cuộc thảo luận quan trọng nổi lên từ một hội nghị chuyên đề về Phật giáo và phương tiện truyền thông kỹ thuật số. Bộ sưu tập này cung cấp cuộc tìm hiểu hợp tác và đa ngành đầu tiên về sự giao thoa của Phật giáo với thế giới kỹ thuật số và trực tuyến.

Bằng cách cung cấp một phương pháp so sánh liên quan đến các học giả từ nhiều lĩnh vực khác nhau, cuốn sách đã nắm bắt được hiệu quả độc đáo mà phương tiện truyền thông mới này có được đối với các cộng đồng Phật giáo qua trực tuyến hoặc hoạt động ngoại tuyến.

(Big News Network – December 1, 2014)



Sách mới: Phật giáo, Internet và Phương tiện truyền thông Kỹ thuật số

Photo: bignewsnetwork

ÚC ĐẠI LỢI: Hội đồng Phật giáo bang Victoria kỷ niệm năm thứ 10 chương trình Giảng dạy Tôn giáo Đặc biệt

Tại Hội Phật giáo bang Victoria (BSV) vào ngày 22-11-2014, Hội đồng Phật giáo Victoria (BCV) đã tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm của chương trình "Giảng dạy Tôn giáo Đặc biệt" (SRI) tại các trường học.

Chương trình SRI, bắt đầu vào đầu năm 2005 và do chính quyền bang điều hành, bây giờ đã có 13 trường tham gia trên khắp khu đô thị với các lớp Phật giáo tổ chức

hàng tuần. Chương trình mở rộng với các trường theo yêu cầu. Các lớp giảng dạy Phật giáo được mở rộng với tất cả trẻ em trong các trường tham gia, nơi cha mẹ đã cụ thể yêu cầu và khi trường có đủ phòng hoặc nguồn lực – chẳng hạn như phải có một giám thị, theo yêu cầu của luật pháp.

Các cộng đồng Phật giáo tham gia vào việc thành lập chương trình Phật giáo này và ủy ban điều hành ban đầu bao gồm hội viên của các nhóm dân tộc Việt Nam, Trung quốc, Lào, Cam Bốt, Tích Lan, Tây Tạng và Anh-Úc từ các truyền thống Nguyên Thủy, Đại Thừa và Kim Cang Thừa.

Chương trình được quản lý và giám sát bởi ủy ban SRI của BCV, trong đó bao gồm các đại diện từ các truyền thống và nền văn hóa khác nhau với chuyên môn về giáo dục và hoạch định dự án.

(Buddhist Door – December 1, 2014)



Biểu trưng của Hội đồng Phật giáo bang Victoria
Photo: bvc.org.au

MÃ LAI: Nhà lãnh đạo Phật giáo Mã Lai tham gia hiệp ước liên tôn giáo về chấm dứt chế độ nô lệ

Datuk K Sri Dhammaratara, vị Tăng thống của Phật giáo Mã Lai, tham gia cùng các vị lãnh đạo tôn giáo thế giới trong việc ký kết một tuyên bố chấm dứt chế độ nô lệ thời hiện đại.

Gọi chế độ nô lệ hiện đại là “một bệnh dịch hạch tàn bạo”, người đứng đầu Giáo hội Công giáo là Giáo hoàng Francis chủ trì một cuộc hội kiến nổi bật bao gồm các nhà lãnh đạo của Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo và Do Thái giáo từ khắp nơi trên thế giới trong việc ký kết một hiệp ước liên tôn giáo lịch sử để chấm dứt chế độ nô lệ thời hiện đại trong năm 2020.

Các nhà lãnh đạo tôn giáo – trong số đó có Hòa thượng Datuk K Sri Dhammaratara, vị Tăng



thống của Mã Lai – đã cùng được mời đến với sự kiện ký kết tại Thành phố Vatican, Ý Đại Lợi, vào ngày 2-12-2014 bởi Mạng lưới Tự do Toàn cầu, một tổ chức đa tín ngưỡng vốn sẽ kết thúc chế độ nô lệ thời hiện đại.

(thestar.com.my – December 4, 2014)

Hoa kỳ: Thành phố Garden Grove (California) bầu một thị trưởng Phật tử

Vào ngày 4-12-2014, qua cuộc bầu cử tại Garden Grove, Bao Nguyen đã vượt qua đương kim thị trưởng Bruce Broadwater để trở thành một trong số những Phật tử hiện nay tham gia vào công tác chính trị cộng đồng tại Mỹ.

Thành phố nhỏ Garden Grove (thuộc vùng Los Angeles) với dân số khoảng 170,000 người là nhà của Tiểu Saigon, nơi được đặt tên cho một số lượng lớn người tị nạn Việt Nam di cư đến đó vào thập niên 1970.

Bao Nguyen đã không chỉ trở thành thị trưởng người Mỹ gốc Việt thứ hai trong lịch sử Hoa Kỳ, mà còn là người đầu tiên phục vụ trong một thành phố Mỹ có dân số hơn 100,000 người. Ngoài ra, ở tuổi 34 sôi nổi, Bao Nguyen đã trở thành thị trưởng trẻ tuổi nhất trong lịch sử Garden Grove. Con đường vào lĩnh vực công tác công chúng của anh đã song hành với một hành trình sâu sắc vào tâm của tín ngưỡng Phật giáo. Sau khi đậu bằng cử nhân khoa Chính trị học từ trường Đại học California ở Irvine, Bao Nguyen chuyển sang trường Đại học Naropa, nơi anh đậu bằng Thạc sĩ về nghiên cứu Phật giáo Ấn-Tạng.

Sự đặc cử của Bao cho thấy

↑ Hòa thượng Datuk K Sri Dhammaratara (Mã Lai), người đứng thứ ba từ bên trái ở hàng giữa, Sư cô Chân Không Nghiêm (đại diện Thiền sư Nhất Hạnh, ở hàng đầu, thứ 2 từ bên phải), trong ngày ký kết hiệp ước liên tôn giáo về chấm dứt chế độ nô lệ—Photo: Reuters

tư tưởng Phật giáo đang bắt đầu hình thành và ảnh hưởng đến tư duy chính trị Mỹ, và nhờ vậy, điều này đang mang đến những nguyên tắc về lòng từ bi, sự cởi mở và tính chính trực.

(Buddhist Door – December 5, 2014)



Bao Nguyen, Thị trưởng Phật tử của Garden Grove
Photo: Dorje Kirsten

ẤN ĐỘ: Lễ tụng kinh Tam Tạng hàng năm khai mạc tại chùa Đại Bồ đề, bang Bihar

Chư tăng và tín đồ từ các nước khác nhau đã tập trung tại Bồ đề Đạo tràng vào ngày 3-12-2014 để dự lễ tụng kinh Tam Tạng thường niên.

Buổi lễ được tổ chức trong khuôn viên ngôi chùa Đại Bồ đề linh thiêng nhất của Phật giáo, dưới cây bồ đề nơi Đức Phật đản sinh.

Sanjay Kumar Agarwal, quan chức hành chánh quận Bồ đề Đạo tràng, nói, "Hôm nay là một ngày quan trọng đối với Phật tử vì kinh cầu nguyện Tam Tạng đã bắt đầu. Kinh cầu nguyện sẽ tiếp tục trong 10 ngày tới. Tín đồ, chư tăng và du khách từ 13 nước đang tham gia sự kiện này. Rất nhiều du khách khác cũng đã nô nức đến đây".

Thông đốc bang Bihar, ông Jitan Ram Manjhi, người đã không thể tham dự sự kiện, đã gửi lời chúc tốt đẹp của mình đến buổi lễ.

Lễ tụng niệm hàng năm này được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2006 nhân dịp kỷ niệm lễ Phật Đản năm thứ 2550.

(tipitaka.net – December 7, 2014)



Chùa Đại Bồ đề ở Bồ đề Đạo tràng
Photo: google.com

ÚC ĐẠI LỢI: Ni sư Jue Wei của Phật Quang Sơn giảng pháp tại Melbourne

Ni sư Tiến sĩ Jue Wei của Tự Viện Phật Quang Sơn Nam Thiên đã có 2 ngày pháp thoại tại thành phố Melbourne.

Tại chùa Er You vào ngày 3-12-2014, ni sư đã giảng pháp cho thanh niên Phật tử, khuyến khích họ thực hành đạo pháp với sự nhiệt tình, kiên trì và niềm vui. Ngày 4-12, tại Phòng triển lãm Phật Quang Viện của thành phố, ni sư đã có cuộc pháp thoại dành cho người lớn tuổi về "Thanh tịnh Tâm ý", cổ vũ họ cần tu tập và chia sẻ đạo pháp cho thật tốt đẹp.

Là một hội viên tích cực của Phật phái Phật Quang Sơn, ni sư Jue Wei đã giữ nhiều vị trí quốc tế tại trường Đại học Tây phương và Chùa Hsi Lai của giáo phái ở California, cũng như tại Chùa Nam Thiên ở Wollongong, Úc, và hiện là

một diễn giả và trợ lý điều hành cho Khoa trưởng tại Học viện Nam Thiên.

Ni sư Jue Wei có bằng Tiến sĩ về Nghiên cứu Tôn giáo và Thạc sĩ Phật học, và đang đứng đầu một tour thế giới mang tên "Dự án Giáo dục Phật đản – Qua những cửa này: Kết nối Quá khứ và hiện tại, Đông và Tây". Ni sư thường xuyên thuyết trình về các chủ đề liên quan đến lễ hội, lịch sử và nghệ thuật Phật giáo, và có những buổi pháp thoại khắp cộng đồng cũng như đóng vai trò quan trọng đối với đối thoại liên tôn giáo.

(Buddhist Door – December 8, 2014)



Ni sư Tiến sĩ Jue Wei đang giảng về "Thanh tịnh Tâm ý"
Photo: Er You Temple Facebook

ẤN ĐỘ: Chính phủ lập kế hoạch cho mạng mạch du lịch để thu hút khách hành hương Phật giáo

Để thu hút thêm khách hành hương nước ngoài, Bộ du lịch Ấn Độ đã xác lập 3 tuyến đường sẽ được phát triển như là 'Mạng mạch Phật giáo' tại đất nước này.

Theo kế hoạch hành động, tuyến đường 'Mạng mạch Linh thiêng' sẽ là một hành trình từ 5 đến 7 ngày và sẽ gồm những cuộc tham quan Gaya, Varanasi, Piparva và Kushinagar, cộng với một ngày đến viếng Lâm Tì Ni ở nước Nepal.

Tuyến 'Mạng mạch Linh thiêng mở rộng', còn có tên là 'Hồi tưởng những Bước chân của Đức Phật' sẽ là chuyến đi từ 10 đến 15 ngày, bao gồm các chuyến thăm Bodhgaya, Patna, Varanasi, Kushinagar và Piparva và hành trình một ngày đến Lâm Tì Ni ở Nepal.

Và tuyến đường 'Những Dấu tích Di sản Phật giáo', còn gọi là 'Những Mạng mạch cấp bang' sẽ bao gồm những điểm đến Phật giáo tại 11 bang.

Các bước tiến đang được thực hiện để phát triển những mạng mạch này trong sự hợp tác với chính quyền các bang và tiền

đóng góp tư nhân để cung cấp khả năng kết nối và các cơ sở tốt hơn cho du khách.

(Big News Network – December 8, 2014)

NEPAL: Hội nghị Phật giáo Quốc tế tại Lâm Tì Ni

Một hội nghị 4 ngày về "Bảo tồn, Bảo vệ và Quảng bá Văn hóa và Di sản Phật giáo" đã được tổ chức từ ngày 15 đến 18-11-2014 tại Vườn Lâm Tì Ni Linh thiêng, nơi Đức Phật đản sinh.

Được phối hợp tổ chức bởi Phật học viện Nguyên thủy trực thuộc trường Đại học Phật giáo Lâm Tì Ni của Nepal và Phật học viện Quốc tế Sitagu của Miến Điện, hội nghị đã ra tuyên bố 23 điểm bao gồm các chủ đề khác nhau, từ di sản và giáo dục Phật giáo đến bảo vệ môi trường tại Lâm Tì Ni.

Diễn đàn này có hơn 800 thành viên đại diện của tăng đoàn, các bộ trưởng nội các, các nhà ngoại giao, học giả Phật giáo, các nhà khảo cổ học, khí hậu học và các phóng viên từ 32 nước.

Lễ bế mạc đã được tổ chức tại Hội trường Đạo pháp Miến Điện trong Khu Tu viện Nguyên thủy, nơi "Tuyên bố Lâm Tì Ni" được công bố với chữ ký của hơn 50 đại diện từ các nước khác nhau.

(Buddhistdoor International – December 11, 2014)



Lễ khai mạc Hội nghị Phật giáo Quốc tế tại Lâm Tì Ni, Nepal



Chư tăng tham dự hội nghị
Photos: Sagar Mani Shiwakoti

HAI THẾ KỶ ĐẦU (của Phật giáo Việt Nam)

(Chương II, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN)

Nguyễn Lang

ĐẠO PHẬT GIAO CHÂU TRONG THẾ KỶ ĐẦU TÂY LỊCH

Sự thành lập tăng đoàn, dịch kinh, sáng tác và làm chùa hẳn được thực hiện vào thế kỷ thứ 2. Trong thế kỷ đầu của Tập lịch sinh hoạt Phật ở Giao Châu chắc chắn còn thô sơ lắm.

Như ta đã biết, đạo Phật đầu tiên do các thương gia Ấn Độ đem đến. Những người này không phải là những nhà truyền giáo; họ chỉ sống đời sống tín ngưỡng của họ trong lúc lưu lại Giao Châu, và chính vì vậy mà người Giao Châu biết đến đạo Phật. Sinh hoạt của Phật tử Ấn Độ thời ấy thế nào? Họ đọc ba điều quy y, giữ tam quy, tin tưởng ở Tam Bảo là Phật, Pháp và Tăng. Họ giữ ngũ giới: không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Họ tin ở thuyết nhân quả; vì vậy họ lo bố thí cúng dường, nhất là cúng dường âm thực, y phục và chỗ cư ngụ cho tăng sĩ, bởi vì tăng sĩ là "ruộng phước đức tốt nhất" để gieo hạt giống công đức, họ còn thờ phụng Xá Lợi Phất, đốt hương trầm, đọc thuộc vài đoạn kinh nhân quả, kể chuyện tiền thân của Đức Phật.

Tín ngưỡng của người Giao Châu hồi ấy ra sao? Ông trời ở trên cao, có thể nhìn thấu mọi việc dưới đất, biết trừng phạt kẻ ác, biết giúp đỡ kẻ làm lành. Tuy nhiên Ông trời không phải là đấng tạo hóa nên mọi vật, nhất là không phải vị thần của nhất thần giáo. Ông trời có những thuộc hạ gần và xa. Gần thì có ông Sấm, mù Sét. Xa thì có Sơn Tinh, Thủy Tinh, thần núi Tản Viên, thần cây Đa, ông Táo, ông Địa vân vân... Linh hồn con người không hẳn là bất diệt, nhưng có thể tồn tại thời gian khá lâu quanh quần bên xác chết, và có thể ở chung quanh người thân thích còn sống một thời gian để che chở bảo hộ.

Ma Xó là linh hồn người chết còn ở quanh quần trong nhà, coi sóc bảo hộ gia đình. Nhà mồ là nơi an trí linh cữu người chết trong rừng, trong một thời gian nào đó, có cơm canh bày cúng người chết. Thầy Mo là người trung gian, biết liên lạc Ma Xó và thế giới người chết. Những ngôi mộ đào được ở Lạch Trường chôn từ thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch đều có ba phần: phần giữa để linh cữu, phần bên để bàn thờ, đèn đồng, và phần bên kia để thực phẩm, vật dụng... Những trống đồng dùng để đánh lên trong những buổi lễ cầu mưa và những tang lễ, trên trống đồng có hình những ông Thầy Mo đội lông chim, giả làm hình chim. Không những chim là nguồn gốc của dân Giao Châu, mà rồng cũng vậy.

Người Giao Châu đi đánh cá, lặn xuống nước, bị thủy quái làm hại, bèn vẽ mình cho thường, luồng sợ. Sau đó, họ tin mình là dòng dõi của rồng. Ý niệm



về nguồn gốc tiên rồng là do đó. Khi triều Vũ Đế làm vua ở Lĩnh Nam, vào thế kỷ thứ hai trước Tây lịch, triều đình có dùng trâu, ngựa và dê để cúng tế trời đất, và dân chúng đã biết mua dụng cụ canh nông bằng sắt của người Hán (thư Triệu Vũ Vương gửi Hán Văn Đế năm 181 trước Tây lịch), biết nhìn những hiện tượng thiên văn như sao chổi, nhật thực để đoán thời vận. Tuy vậy, văn minh Giao Châu còn rất khác với văn minh Hán. "Dân Việt là dân cạo tóc, vẽ mình, không thể lấy pháp độ của nước đời mủ mang đai [nước Hán] mà trị được. Từ thời Tam Đại tự trị, đất Hồ, đất Việt không theo lịch sử của Trung Quốc..." (thư của Hoài Nam Vương dâng vua Hán, can không nên đem

quân can thiệp vào cuộc gây hấn giữa Mân Việt và Nam Việt vào năm 135 trước Tây lịch). Người Giao Châu chắc đã dùng lịch Ấn Độ trong thời đó.

Trong bối cảnh tín ngưỡng và văn hóa kia, đạo Phật đã được mang vào Việt Nam. Thuyết Nhân Quả Nghiệp Báo phù hợp với quan niệm ông Trời trừng phạt kẻ ác, ban thưởng người lành. Thuyết luân hồi cũng phù hợp với quan niệm linh hồn tồn tại sau khi xác thân tiêu hoại, và cũng phù hợp với nhận xét về sự tuần hoàn của loài thảo mộc vốn rất thịnh mại tại một xứ nóng bức và ẩm thấp. Mẫu Tử vào cuối thế kỷ thứ hai viết như sau về luân hồi: "Thân thể của người ta cũng như cành rẽ của cây, linh hồn như hạt giống. Cành rẽ của cây sẽ bị hư hoại nhưng hạt giống sẽ sống sẽ tạo nên cành rẽ mới..." Những quan niệm công đức, tam bảo, cúng dường, luân hồi, nghiệp báo... không có quan niệm nào chống đối với tín ngưỡng tại Giao Châu hồi ấy. Thêm vào đó, người Giao Chỉ chưa ai trở thành những tín đồ trung kiên của Khổng - Lão và trang bị bởi những ý thức hệ vững chãi, nên Phật Giáo không gặp nhiều trở ngại như khi đi vào đất Hán. Đạo Phật thấm vào văn minh Giao Châu tự nhiên dễ dàng như nước thấm vào lòng đất. Những lý luận Mâu Tử dùng trong sách *Lý Hoặc Luận* không phải để hướng về những người thuộc văn hóa Giao Châu, mà hướng về những nhân sĩ Hán đi Giao Châu tị nạn, và một số ít người Giao Châu đã đi sâu vào lối suy tư Khổng - Lão.

Thế kỷ đầu Tây lịch, trong lúc bắt đầu thu thập một ít kinh nghiệm canh tác và tập tục Trung Quốc (Tích Quang và Nhâm Diên chỉ bày cho dân cách canh tác và phép cưới hỏi), người Giao Chỉ cũng học được của những người khách Ấn những kinh nghiệm về trị liệu y học, những điều về thiên văn, về nhật lịch, vân vân... Kho tàng cổ tích Việt Nam đã thâm nhập nhiều yếu tố từ những truyện cổ tích và tiền thân của Phật Giáo Ấn Độ... Truyện Tấm Cám là một

truyền nhân quả nghiệp báo trong đó Bụt đóng vai ông Trời, thấy được những chuyện bất công trên đời. Ta nên nhớ đây là tiếng Bụt trực tiếp lấy từ chữ Buddha mà không phải chữ Phật lấy từ phát âm Trung Quốc "Fo". Những người khách trú Ấn Độ đã truyền đạo Phật bằng cách sống tín ngưỡng mình trên đất Giao Chỉ và kể truyền tiên thân Phật trong những ngày giờ rỗi rảnh.

Những tăng sĩ Ấn Độ đi theo thương thuyền có thể đã cư trú tại những ngôi am nhỏ làm ra cho họ, và được những thương gia Ấn Độ cùng những người Giao Chỉ thân cận họ cúng dường áo xống và thực phẩm. Trong thế kỷ đầu này, có thể đã có những ngôi chùa lập ra cho một hay hai vị tăng sĩ ngoại quốc lưu trú, với một vài người Giao Châu mộ Phật ở chung. Người Giao Chỉ chắc chắn đã học tụng bài tam quy bằng tiếng Phạn, mà bất cứ người Phật tử Ấn nào cũng thuộc. Họ cũng đã học cúng dường vị tăng sĩ, thờ Phật, lạy Phật, làm phúc thiện, bố thí. Bố thí ở đây có nghĩa là cho người đói ăn cơm. Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* lưu hành tại Giao Châu trong thế kỷ thứ hai, nói đến công đức đem cơm cho người khác ăn: "Cho một trăm người ác ăn cơm có công đức, nhưng công đức ấy không nhiều bằng cho một người hiền ăn cơm..." Họ cũng học cách đọc kinh tam quy cầu nguyện cho người mới chết. Đạo Phật vào thế kỷ này chắc hẳn chỉ là ngưỡng Phật Giáo bình dân, chưa có kinh điển phiên dịch, chưa có chế độ tự viện và tăng sĩ đẳng hoàng. Ta có thể phác họa sơ lược tín ngưỡng Phật Giáo Giao Chỉ trong thế kỷ đầu như sau:

Quan niệm về **Phật**: Bụt (hay Bụt Đà) như một đấng có phép thần thông, nghe biết hết mọi chuyện trên đời như ông Trời, nhưng không ở trên cao nhìn xuống như ông Trời, mà rất thân cận với con người. Bụt có thể hiện ra dưới nhiều hình thức để cứu giúp người, giúp đời, nhất là những người có lòng tốt bị nhiều điều oan ức. Bụt rất thương người, cứu giúp người hiền, nhưng khác với ông Trời là không hành phạt kẻ ác. Bụt không bị nước trôi, lửa cháy, vì Bụt có phép thần thông và biến hiện.

Quan niệm về **Pháp**: Không biết lúc ban đầu danh từ nào đã dùng để dịch tiếng Dharma; có lẽ tiếng "Phép Bụt" đã được sử dụng. Phép Bụt ở đây có thể là những phép biến hiện thần thông của Phật để cứu đời giúp người. Phép Bụt cũng là những điều người ta làm cho nếu người ta tin Bụt, như đọc ba câu tam quy, ban đầu thì bằng Phạn ngữ, giống như đọc thần chú, để tỏ lòng quy kính Bụt mà cũng để Bụt che chở (Buddham Saranam gacchami, Dhammam Saranam gacchami, Sangham Saranam gacchami). Ba câu tam quy này về sau hẳn cũng được



Bốn Mùa

*Xuân qua Hè vắng đã bao lần,
Thu đến Đông về cứ xoay vần,
Thế sự cuộc cờ là vẫn thế,
Hơn thua thắng bại cứ tranh phân.*

*Kẻ ngu người trí cùng quán quýt,
Thánh giả hiền nhơn lại lánh thân.
Hồ đê trăm năm phân thắng bại,
Bốn mùa cứ thế mãi xoay vần.*

*Bốn mùa thay đổi là thường,
Thế nhân thay đổi là thường công danh.*

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Trọng đồng Giáp ngo - 2014



đọc bằng tiếng mẹ đẻ và tiếng Hán Việt. Ngoài việc đọc tam quy, còn có việc cúng dường tăng sĩ, bố thí người nghèo, cho kẻ đói ăn. Phép của Bụt cũng là tin ở nghiệp báo, luân hồi và linh hồn bất diệt.

Quan niệm về **Tăng**: Danh từ Tang Môn được dùng trước danh từ Sa Môn để chỉ các vị tăng sĩ ngoại quốc, như ta thấy trong các bản dịch kinh điển chữ Hán sớm nhất. Tang Môn không phải là một đoàn thể xuất gia từ sáu người trở lên (định nghĩa Sangha) mà là con người của những tu sĩ khoác áo vàng, đầu cạo trọc, từ bỏ đời sống gia đình, của cải, thờ Bụt, đọc kinh chữ Phạn; và sống trên sự cúng dường của người tin theo Bụt. Ngoài những Tang Môn ngoại quốc, có thể có vài người Giao Chỉ cũng được nhận học làm Tang Môn. Có lẽ Chữ Đồng Tử là một người trong số này. Sách *Lĩnh Nam Chích Quái*, chẳng hạn, chép: "Đồng Tử và Tiên Dung lập nên phố xá làm nghề buôn bán. Công việc buôn bán thịnh đạt, và địa phương trở nên chợ búa to lớn. Nhiều nhà buôn nước ngoài thường ghé qua lại với Đồng Tử, xem Đồng Tử như chủ. Một hôm, Đồng Tử theo một người khách buôn ngoại quốc ra khỏi xứ, đi bằng thuyền. Họ ghé lại một hòn núi tên Quỳnh Viên (Đạo Giáo Nguyên Lưu nói là Quỳnh Vi), nơi đó, họ lấy nước ngọt để dùng cho thuyền. Ở dưới núi Quỳnh Viên, có một túp lều, nơi đây Đồng Tử gặp một nhà sư Ấn Độ. Nhà sư giảng cho Đồng Tử, và Đồng Tử ở lại để học đạo, giao vàng cho người đồng hành đi buôn bán giùm mình và hẹn khi về thì ghé lại đón

cùng về. Vị tăng cho Đồng Tử một cây gậy và một cái nón lá, bảo rằng những vật này có thể làm phép lạ. Lúc về nước, Đồng Tử dạy Phật pháp cho Tiên Dung. Họ thâm hiểu đạo lý, liền bỏ chuyện buôn bán, đi tìm thầy học đạo. Một hôm đang đi thì trời tối, họ cắm cây gậy và chiếc nón lá làm nơi trú ẩn. Các nhà buôn ngoại quốc nói nơi đây hẳn là các nhà buôn Ấn Độ tới bằng thuyền và sự việc Đồng Tử bỏ hết sản nghiệp để nhận một chiếc gậy và một cái nón có thể giải thích như sự xuất gia làm Tang Môn của Đồng Tử. Cây gậy và bình bát là hai vật tùy thân của người tăng sĩ. Chiếc nón đã thay bình bát, và hình ảnh chiếc nón là hình ảnh của kẻ xuất gia không nhà đi du hành đây đó."

Quan niệm về **ngiệp báo luân hồi**: Làm lành gặp lành, ở ác gặp ác; quan niệm này của Phật giáo dĩ nhiên được chấp nhận dễ dàng trong tín ngưỡng dân gian Giao Chi. Tín ngưỡng về hồn ma tồn tại sau khi chết cũng là căn bản rộng rãi để chấp nhận luân hồi. Con Tằm trong truyện Tằm Cắm dù bị hại bao nhiêu phen cũng vẫn luân hồi trở lại, hoặc trong hình thức trái thị, hoặc trong hình thức chim hoàng anh... Bà mẹ ghẻ vì ác độc nên phải ăn mẳm xác chết của con mình. Trong truyện thần thoại Con muỗi, người vợ xinh đẹp nhưng dâm tà của anh lái buôn si tình đã phải luân hồi làm con muỗi, suốt đời tìm hút lại ba giọt máu để trở lại thân người. Tín ngưỡng nghiệp báo luân hồi khiến người ta lo ăn ở nhân từ, thương người và tu đạo phúc đức.

Tử Bi: Tử bi là đặc điểm của đạo Bụt. Bụt rất thương người. Tang Môn cũng dạy bổ thí, cứu người ốm đau tai nạn, cho người đói ăn cơm, đừng trả thù kẻ khác.

Công Đức: Muốn được sung sướng kiếp này và kiếp sau, phải có công đức (punya). Dâng thức ăn cho các Tang Môn, trọng nề và nghe lời họ tức là gieo hạt giống công đức vào ruộng tốt (Tang Môn là phúc điền). Đem cơm cho người đói ăn, công đức cũng rất lớn. Sạ Dung cuối thế kỷ thứ hai cũng còn xem chuyện cho người đói ăn là điều quan trọng nhất trong đạo Phật. Sau khi làm cách mạng, ông giữ lấy lúa gạo, và cho nấu cơm cùng thức ăn bày ra cúng dường có tới hàng mười dặm, để người đói ai muốn thì ăn. Có hàng vạn người tới ăn một lúc (Hậu Hán Thư).

Tiết dục: Giáo lý vô ngã tuy là giáo lý căn bản trong Phật Giáo nhưng có lẽ đã không được giảng dạy trong bước đầu này bởi tính cách khó hiểu khó nhận của nó. Đạo lý Ly Dục cũng chỉ giới hạn trong giới Tang Môn. Chắc hẳn trong khi dạy về đạo lý Tử Bi và công đức, các Tang Môn cũng đã dạy tiết dục,



bỏ bớt những hưởng thụ vật chất cho riêng mình để bổ thí cho kẻ khốn khó đói khổ.

LÝ HOẶC LUẬN CỦA MÂU TỬ

Nhờ có tác phẩm của Mâu Tử và cũng nhờ có kinh *Tứ Thập Nhị Chương* mà ta biết được khá rõ tư tưởng tín ngưỡng và tình trạng Phật Giáo Giao Châu trong thế kỷ thứ hai. Trước hết ta hãy xét về tác phẩm *Lý Hoặc Luận* của Mâu Tử. "*Lý Hoặc Luận*" có nghĩa là những luận lý để làm tiêu tan mọi nghi hoặc về Phật Giáo. Tác phẩm này còn giữ lại được trong bộ *Hoảng Minh Tập* do Tăng Hựu sưu tập, ấn hành vào đầu thế kỷ thứ sáu. Các sách *Tùy Chí* và *Đường Chí* đều có nói đến sách này của Mâu Tử. Riêng sách *Tùy Chí* lại còn chưa thêm: "*Hán thái úy Mâu Dung soạn*." Sách này đã lầm thái úy Mâu Dung thời Chương đế (tự là Tử Ưu) với Mâu Tử thời Linh Đế. Ông Pelliot có nói rõ về điểm này trong một bài đăng trong *Toung Pao* (Meou-tséou ou Les Doutes Levés. *Toung Pao*, 1918-1919). Bài tựa của sách *Lý Hoặc Luận* cho ta rất nhiều dữ kiện quý báu. Nguyên văn như sau:

"Mâu Tử tôi đối với kinh truyện và chư gia, sách lớn sách nhỏ không sách nào không mê. Tuy không thích binh pháp, nhưng cũng đọc sách binh pháp. Tuy đọc sách thần tiên bất tử nhưng không tin thần tiên bất tử, cho đó là chuyện hư đốn. Sau khi vua Hán Linh đế băng hà, thiên hạ nhiễu loạn, chỉ có Giao Châu là yên ổn, các bậc đại nhân phương Bắc đều tới đây, phần lớn đều tin theo thuật thần tiên tịch cốc trường sinh. Hồi ấy có nhiều học giả, Mâu Tử thường lấy ngũ kinh ta vấn nạn, các đạo gia và thuật sĩ không ai đối đáp cho xuôi được, cũng tỷ như Mạnh Kha cự lại với Dương Chu Mặc Địch. Trước kia Mâu Tử cũng mẹ tới tị nạn ở Giao Chi, năm 26 tuổi về quê Thương Ngô cưới vợ. Thái thú [Sĩ Nhiếp] nghe có chút học thức, tới mời nhận một chức vụ. Hồi đó tuổi vừa lớn, lòng chuyên về việc học, lại thấy đời loạn lạc không có ý muốn ra làm quan, cho nên tôi từ chối không đến. Lúc bấy giờ các châu quân [ở Hán] nghi ngờ nhau, chia cách không thông thương với nhau. Thái thú thấy tôi học biết nhiều, muốn nhờ đi Kinh Châu. Mâu Tử cho rằng quyền tước vinh hoa thì dễ từ, nhưng sứ mạng thì khó từ chối, cho nên đã chuẩn bị để đi. Gặp lúc đó vị châu mục cảm tài học, thấy chưa có chức phận liền muốn giao cho một quan chức, nhưng tôi muốn cáo bệnh không đi, người em của châu mục là thái thú Dự Chương bị viên tướng tài lương là Sạ Dung sát hại; châu mục sai kỳ đồ úy Lưu Sản đem binh đi cứu Dự Chương, nhưng sợ các phiên trấn nghi nan không để cho quân lính đi. Châu mục liền mời Mâu Tử tới mà nói rằng: "Em tôi bị nghịch tặc hại, niềm đau cốt nhục nung nấu tâm can; nay tôi muốn sai Lưu đồ úy đi về, nhưng sợ ngoại giới nghi nan đi không được. Ngài vẫn võ kiêu toàn, có tài ứng đối, nay tôi muốn nhờ Ngài đi Linh Lăng và Quế Dương mượn đường đi được chăng?" Mâu tử nói: "Lâu nay ăn cơm của các châu quân, ngày tri ngộ đã dài, nay gặp việc cần, kẻ liệt sĩ phải quên thân mình để lo phụng sự." Liền chuẩn bị lên đường. Nhưng lúc ấy mẹ mất, không thể đi được. Sau suy nghĩ chín chắn cho rằng vì tài biện đối mà người ta giao cho sứ mạng, thực ra trong thời buổi nhiễu nhương này, không phải lúc nên lộ diện. Bèn than rằng: "Lão Tử sinh vào khoảng 165 - 170. Sạ Dung mất năm 195; năm ông ta làm cách mạng chắc là năm 193, bởi trước đó "ông làm quan tài lương dưới quyền châu mục Tử Châu là Đào Khiêm." Ngôi tháp Phật rộng lớn của Sạ Dung được dựng năm 194. Chắc Mâu Bác theo đạo Phật cũng



vào năm này, một năm sau cái chết của thái thú Dự Chương.

Theo bài tựa *Lý Hoặc Luận*, chính những tao loạn của thời thế đã làm cho Mậu Tử thẩm nhuần được của Lão Tử nói về nguyên tắc "tuyệt tánh khí trí" mà ngày xưa ông không hiểu, chỉ vì ông đã đọc với trí năng mà không có kinh nghiệm sống. Vì ông đã đọc hết sách Lão, bây giờ không còn chuyện học Lão nữa mà là chuyện chiêm nghiệm về Lão. Có học thì là học Phật, và trong lúc học Phật, từ ngữ và tư tưởng Lão đã giúp ông đi vào Phật học một cách mau chóng. Và cũng chính vì biết rộng về Lão Giáo và Khổng Giáo mà ông có thể trình bày đạo Phật cho những người theo đạo Lão và Khổng một cách dễ dàng và hữu hiệu.

Mậu Tử đã xuất gia sau khi xâm nhập vào Phật lý hay không? Điều này ta chưa thể quả quyết được.

Ông cưới vợ năm 26 tuổi, và bắt đầu học Phật vào khoảng từ năm 30 tới năm 35 tuổi. Cái tên Mậu Tử hay Mậu Bác có thể là một pháp danh [1]. Đoạn kết của *Lý Hoặc Luận* cho ta cảm tưởng Mậu Tử là một Sa Môn, bởi vì theo đoạn này người đối thoại với ông, sau khi được thuyết phục, đã lạy ông và "xin thọ ngũ giới làm ưu bà tắc."

KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Trước khi đi vào tư tưởng Phật Giáo thế kỷ thứ hai, ta còn phải cứu xét về kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, một kinh đã từng được lưu hành ở Giao Chỉ trong thế kỷ này.

Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* mà Phật tử đọc tụng ngày nay gọi là do Ca Diếp Ma Đăng và Trúc Pháp Lan dịch, hình thức và nội dung đã khác nhiều với *Tứ Thập Nhị Chương* lưu hành ở thế kỷ thứ hai. Nhiều tư tưởng Thiền và Đại Thừa đã được thêm vào. Ví dụ đoạn này có trong bản in đời Tống mà không có trong những bản in trước đó: "*Pháp của ta và quan niệm cái vô niệm, thực hành và cái vô hành, nói cái vô ngôn, tu cái vô tu*" (ngô pháp niệm vô niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu). Câu này là tư tưởng đặc biệt của Thiền tông và chắc chắn đã do truyền thống của thiền thêm vào. Trong bản in Cao Ly của Đại Tạng Kinh, thay vì câu nói ấy, ta thấy một câu khác hẳn: "Ta phải niệm nghĩ gì? Niệm nghĩ tới Đạo. Ta phải hành những gì? Hành Đạo. Ta phải nói về gì? Nói về Đạo." Các quan niệm về kiến tính học đạo (kiến tính học đạo nan), vô tu vô chứng (bất như phạn nhất vô tu vô chứng chi giả) đều là các quan niệm Thiền học đại thừa tương đối đến trễ, cũng không thể có trong sơ bản được.

Văn thể của kinh đã trải qua nhiều thay đổi. Ta hãy ví dụ về đoạn nói về vô thường:

Sách Phụng Phá Yếu đời Tây Tấn có trích dẫn đoạn ấy của kinh *Tứ Thập Nhị Chương* như sau:

"*Phật văn chư đệ tử, hà vị vô thường? Nhất nhân viết: "nhất nhật bất khả bảo, thị vị vô thường". Phật ngôn: "Phi Phật đệ tử". Nhất nhân viết: "xuất tức bất bảo, tiên tự hậu thế, thị vị vô thường". Phật ngôn: "Chân Phật đệ tử."* (Phật hỏi các đệ tử: "Sao gọi là vô thường? Một người nói: "Trong một ngày không bảo tồn được gọi là vô thường." Phật nói: "Chưa phải là đệ tử Phật." Một người nói: "Thở ra mà chưa kịp thở vào thì chuyển qua đời khác gọi là vô thường." Phật nói: "Đúng là đệ tử Phật.")

Bản in trong tạng Cao Ly như sau:

"*Phật văn chư sa môn: "nhân mạng tại kỳ gian?" Đối viết: "tại sở nhật gian." Phật ngôn: "từ vị năng vi đạo." Phục văn nhất sa môn: "Nhân mạng tại kỳ gian?" Đối viết "tại âm thực gian." Phật ngôn: "Khứ, từ năng vi đạo." Hậu văn nhất sa môn: "nhân mạng tại kỳ gian?" Đối viết: "tại hô hấp gian." Phật ngôn: "Thiện tại, từ khả vị vi đạo giả hỷ."* (Phật hỏi các vị sa môn: "Mạng người được trong bao lâu?" Trả lời "trong thời gian một bữa cơm." Phật nói: "Đi đi, ông chưa có thể hành đạo." Sau lại hỏi một sa môn: "Mạng người được trong bao lâu?" Trả lời "trong thời gian một hơi thở." Phật nói: "Lành thay, ông có thể được gọi là hành đạo.")

Một bản khác lưu hành ngày nay ở Trung Hoa như sau:

"*Phật văn sa môn: "Nhân mạng tại kỳ gian?" Đối viết: "sở nhật gian." Phật ngôn: "Từ vị văn đạo." Phục văn nhất sa môn: "Nhân mạng tại kỳ gian?" Đối viết: "Phạn thực gian." Phật ngôn: "Từ vị văn đạo." Phục văn sa môn: "Nhân mạng tại kỳ gian?" Đối viết: "hô hấp gian." Phật ngôn: "Thiện tại, từ tri đạo hỷ."* (Phật hỏi các sa môn: "Mạng người được trong bao lâu?" Trả lời "trong vài ngày." Phật nói: "Ông chưa nghe đạo." Lại hỏi một sa môn: "Mạng người được trong bao lâu?" Trả lời "trong thời gian một hơi thở." Phật nói: "Lành thay, ông hiểu đạo rồi.")

Có nhiều ấn bản khác nhau như vậy không có nghĩa là có nhiều bản dịch khác nhau. Kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, xét theo thể tài, không phải được dịch ra từ một cuốn kinh Phạn ngữ, mà là được trích dịch từ nhiều bản kinh Phạn ngữ. Ví dụ như đoạn sau đây giống như một đoạn trong Đại Bát Niết Bàn Kinh, bản Pali hiện lưu hành (Mahaparinibbanasutta):

"*Hãy thân trọng đừng nhìn nữ sắc: Nếu gặp họ thì làm như không trông thấy họ. Đừng nói chuyện với họ, hãy giữ chánh niệm đoạn nghiêm...*" Những đoạn khác, cổ nhiên được trích dịch rải rác đây đó từ các kinh điển khác.

Có những học giả cho rằng không phải kinh này xuất hiện vào thế kỷ thứ hai, mà là sau đó rất lâu. Lương Khải Siêu chẳng hạn (*Lương Nhâm Công Cận Trước Đệ Nhất Tập*, Thượng Hải, 1925-1928) xét văn thể cho rằng kinh này xuất hiện thế kỷ thứ tư, trong khi học giả Nhật Sakaino Koyo (Cảnh Dạ Hoàng Vương, trong tác phẩm *Chi Na Phật Giáo Tính Sử*, Tokyo, 1935) lại cho rằng kinh này xuất hiện thế kỷ thứ năm. Nhưng nếu ta tin rằng *Lý Hoặc Luận* xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ hai và có nói đến kinh này, thì ta cũng tin rằng kinh này xuất hiện trước đó, sớm hơn trong thế kỷ. Ta lại còn có một chứng cứ nữa: đó là tờ biểu Tương Giai dâng lên vua Hoàn Đế năm 166. Sau khi nhắc đến vua có thờ Phật và Lão Trong cung, Tương Giai trách vua không

học theo Phật Lão để tôn trọng sự sống và giảm bớt dục lạc. Rồi Tương Giai nói tiếp: "Phật không ngủ quá ba đêm dưới một gốc cây đâu, vì e ngại sẽ yêu thích gốc cây đó, tinh khiết như vậy là đúng mức. Thiên thần gửi ngọc nữ đến thử Phật, nhưng Ngài nói "Đây là những đầy bằng da đựng đầy máu huyết," liền không chú ý. Tâm ý chuyển nhất như vậy, mới có thể hành đạo. Nay các cung nữ của bệ hạ đẹp tuyệt trần thế kia, rượu và thịt ngon ngọt như thế kia, làm sao bề hạ theo kịp được Hoàng Lão?" Trong lời số, ta thấy dấu tích kinh *Tứ Thập Nhị Chương* tới hai lần: chuyện thụ hạ nhất túc (chỉ ngủ một đêm dưới gốc cây) và chuyện thiên thần hiến ngọc nữ ư Phật (thiên thần đem ngọc nữ dâng Phật). Tương Giai như thế đã được đọc kinh *Tứ Thập Nhị Chương* trước năm 166, và có thể đã đọc được ở trung tâm Bành Thành, ở đây ông ta đã sinh trưởng, và ở đây có những liên hệ truyền bá Phật Giáo với Luy Lâu. hẳn là kinh *Tứ Thập Nhị Chương* đã được tuyển dịch tại Giao Châu và đã do một Phật tử hay tăng sĩ nào đó từ Luy Lâu đem tới Bành Thành.



Xét về văn thể của kinh, loại bỏ những từ ngữ và quan niệm Thiền học và đại thừa tương đối phát triển trễ về sau, ta có thể có được một nhận định chính xác về sơ bản của kinh này lúc mới được tuyển dịch. Văn thể của sơ bản cổ nhiên còn thô sơ hơn đoạn nói về vô thường mà ta thấy ở sách *Phụng Pháp Yếu* đời Tây Tấn trích dẫn ở trang trước.

Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* hiện giờ lời văn đẹp đẽ, là do sự trau chuốt không ngừng suốt trong gần hai mươi thế kỷ, mỗi lần có một bản in mới. Sách *Lý Hoặc Luận* cũng như tờ biểu của Tương Giai viết và hạ bán thế kỷ thứ hai chứng thực rằng kinh này ra đời trong thượng bán thế kỷ. Nhưng có một điều lạ là trong bản mục lục kinh điển ra đời sớm nhất ở Trung Hoa, *Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục* của Đạo An, biên tập vào năm 374, không có liệt kê kinh này. *Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục* hiện nay không còn, nhưng trong bản mục lục *Xuất Tam Tạng Ký Lục* của Tăng Hựu ra đời sau đó chừng một trăm năm mươi năm, có câu sau đây liệt kê về *Tứ Thập Nhị Chương*:

"*Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, một quyển. Cựu Lục gọi là "*Hiếu Minh Hoàng Đế Tứ Thập Nhị Chương Kinh*". Pháp sư Đạo An trong khi soạn *Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục* đã bỏ sót kinh này không nói đến".

(xem tiếp trang 60, bấm vào đây)



SẮC MÀU THỜI GIAN

(Tặng KTL cùng quý thân thi hữu)

*Dù nơi góc bể với chân trời
Đôi ngả sâu mây, anh với tôi!
Lòng đã dạn dày con nắng quai
Mắt còn đau đau bóng ma trôi.
Sông sâu, in biếc tình non nước
Đời cạn, tàn phai sắc nộm người.
Thuở trước hay là muôn thuở nữa...
Quê hương mình - vẫn máu tim trôi!*

*Máu tim, ừ nhi - dấu yên hà!
Mây nước muôn trùng hương cỏ hoa.
Gởi mộng để nghe chiều bụi vắng
Trái lòng cho nát cuộc sương pha.
Sá chi một thoáng say chung đỉnh
Rồi để trăm năm lụy tháp ngà.
Dâu bể, đã đành dâu bể vậy!
Tắc niềm tâm sự người cùng ta.*

*Cùng ta chung thắm một nguồn thơ
Mây nước chiều xa - sương khói mờ!
Chênh chênh hiện trắng hồn lấm thụy
Dạt dào con sóng bến vi lô
Đêm chưa hết cuộc đau lòng vạc
Lòng vẫn còn tơ dệt mộng hồ.
Thi tứ chợt xanh tình cỏ sử
Ngờ lầu Hoàng hạc hay Cô Tô!*

*Dù bến Cô Tô, Hoàng Hạc lâu...!
Thời gian còn lại chuyện con tàu.
Đã bao vinh nhục, tuồng hưng phế
Là bấy tang thương, khúc họan sầu!
Dưới bóng Bạch Vân bao tác dạ
Bên trời Vị Thủy một cần câu.
Núi xanh và nước còn sâu ấy...
Ta vẫn còn xanh giữa sắc màu.*

New Orleans, tháng 11.2014

MẶC PHƯƠNG TỬ

VẤN ĐỀ THỜ CÚNG VÀ LỄ BÀI

HT. Thích Thắng Hoan

(tiếp theo kỳ trước)

D. VẤN ĐỀ ĂN:

Ăn, tiếng Trung Hoa gọi là Thực, tiếng phạn và tiếng Pali gọi chung là AHARA, nghĩa là duy trì và nuôi dưỡng Thân Thể xác thịt của chúng sanh hoặc Pháp Thân của các Thánh Nhân để hình thái được tồn tại, để tinh thần được nảy nở và phát triển lâu bền. Trong ba cõi, những thực vật để nuôi lớn Thân Thể xác thịt thì gọi là món ăn của thể gian. Còn những thực vật để nuôi lớn Pháp Thân Trí Tuệ Giác Ngộ thì gọi là món ăn của xuất thể gian. Thể Gian ăn có bốn cách và Xuất Thể Gian ăn có năm cách. Bốn cách ăn của Thể Gian cộng với năm cách ăn của Xuất Thể Gian gọi chung là chín cách ăn. Trước hết chúng ta tìm hiểu bốn cách ăn của Thể Gian. Bốn cách ăn này được Kinh Tăng Nhứt A Hàm quyển 41 giải thích như sau:



Tứ Thực: bốn cách ăn của thể gian tiếng Phạn là Catvāra-āhārā, hoặc Ahārakatuka; tiếng Pali là Cattāra-āhāra. Bốn cách ăn này nhằm mục đích nuôi lớn Sắc Thân sanh tử trong thế gian. Bốn cách ăn của Thể Gian gồm có: Đoạn Thực, Xúc Thực, Tư Thực và Thúc Thực. Hình thức bốn cách ăn được giải thích như sau:

1. **ĐOẠN THỰC:** (Tiếng Phạn là: Kavādim=Kārāhāra, Kavli-kārāhāra. Tiếng Pali là: Kavalinkārāhāra). Đoạn Thực còn có tên là Đoàn Thực, Kiến Thủ Thực và còn có tên nữa là Tuy Thực. Ý nghĩa của những tên này được giải thích như sau:

a. **Đoạn Thực:** nghĩa là chia lương thực ra từng đoạn, từng phần để ăn nên gọi là Đoạn Thực.

b. **Đoàn Thực:** nghĩa là nắm đồ ăn vào tròn đưa vào miệng để ăn nên gọi là Đoàn Thực. Đây là cách ăn của người Ấn Độ thời xưa dùng tay nắm vắt đồ ăn bóc đưa vào miệng.

c. **Tuy Thực:** nghĩa là vò nát đồ ăn hoặc bẻ ra từng mảnh để ăn nên gọi là Tuy Thực.

d. **Kiến Thủ Thực:** nghĩa là cầm lấy đồ ăn đưa vào miệng nên gọi là Kiến Thủ Thực. Bốn hình thức ăn vừa giải thích đều nằm trong ý nghĩa của Đoạn Thực được nêu ở trên. Theo Phật Học Đại Từ Điển quyển 4, Trang 3997-3998 Đoạn Thực được giải thích như sau:

ĐOẠN THỰC nghĩa là ăn uống bằng cách lấy mùi hương, chất vị và tinh thể của xúc trần nơi sắc pháp để tươi nhuận và bổ ích cho các Căn trong thân thể nên gọi là Đoạn Thực. Đoạn Thực có hai phần: Phần Thô và Phần Tế.

a. **Phần Thô:** (Tiếng Phạn là Odārika. Tiếng Pali là Olāria), nghĩa là thể chất của thực vật phổ thông để ăn được nằm trong cơm, trong miến, trong cá, trong thịt.

b. **Phần Tế:** (Tiếng Phạn là Sūksma. Tiếng Pali là Sukhuma), nghĩa là các thứ để uống và các mùi thơm như là hương, dầu, sinh tố v.v... Nói tóm lại Đoạn Thực nghĩa là ăn bằng cách dùng tay đem

đồ ăn đưa vào miệng để nuôi dưỡng Thân Thể, như loài người ăn v.v...

2. **XÚC THỰC:** (Tiếng Phạn là Sparsākārāhāra. Tiếng Pali là phassa-kārāhāra), cũng gọi là Lạc Thực và Ôn Thực.

a. **Xúc Thực:** nghĩa là Khí quán cảm giác xuyên qua tinh thần làm chủ thể tức là Tâm tác dụng tiếp xúc ngoại cảnh liền sanh ra cảm giác và ý chí để bồi dưỡng và nuôi lớn Nhục Thân nên gọi là Xúc Thực. Nói cách khác, Xúc Thực nghĩa là ăn bằng cách dùng miệng thay thế tay chân tiếp xúc thẳng lương thực không qua trung gian đưa vào, như cách ăn theo kiểu heo, gà, chó v.v...

b. **Lạc Thực:** nghĩa là Tâm Sở xúc khi tiếp xúc trực tiếp với cảnh vật đối tượng liền phát sanh hỷ lạc ưa thích để nuôi lớn Nhục Thân nên gọi là Lạc Thực. Như người mê xem hát suốt ngày mà không cảm thấy đói.

c. **Ôn Thực:** nghĩa là như chim Khổng Tước, chim Anh Vũ v.v... khi sanh Trứng xong, liền đích thân trực tiếp ấp Trứng cho đến khi nào Trứng nở thành con mới thôi. Chúng ấp Trứng nhằm mục đích nuôi dưỡng sức ấm để sanh Lạc Xúc và Trứng nhờ đó mới nảy nở thành con, nên gọi là Ôn Thực. Con người tắm rửa, mặc áo cũng gọi là Xúc Thực.

Nói tóm lại, căn cứ nơi nghiệp lực của chúng sanh mà nhận xét, Xúc Thực ở đây có nghĩa là ăn bằng cách dùng miệng tiếp xúc thẳng lương thực mà không dùng đến tay chân mang thức ăn vào miệng giống như cách ăn của loài người.

3. **TƯ THỰC:** (Tiếng Phạn là Manah-Samce = Tanākārāhāra. Tiếng Pali là Mano-Sance = Tanākārāhāra), cũng gọi là Tác ý tư Thực (Ý Thực), Niệm Thực (Ý Niệm Thực), Ý Chí Thực, Nghiệp Thực, nghĩa là tác dụng của ý Chí (tư) mong cầu cho mình được trạng thái tốt đẹp và tồn tại tức là trạng thái sanh tồn được kéo dài nên gọi là Tư Thực. Nói cách khác, Ý Thực thứ sáu đối với cảnh sở duyên liền phát khởi tư tưởng mong muốn và phát sanh Ý Niệm hy vọng các Căn (giác quan) được tiếp tục thêm lớn. Luận Thành Thật cho là "Tư nghiệp hoạt mạng", nghĩa là do Nghiệp Lực của tư tưởng khiến cho Mạng Căn sinh hoạt. Còn Đại Thừa Nghĩa Chương, tiết mục Đại 44, trang 620 giải thích rằng: "Do Tư Nghiệp của quá khứ khiến Mạng Căn tiếp nối không dứt, nên gọi là Tư Thực. Như thế, tất cả chúng sanh có sanh mạng đều do tư tưởng ở quá khứ tạo nên, hoặc mạng sống của họ đều do tư tưởng hiện tại tạo thành nên gọi là Tư Thực".

4. **THÚC THỰC:** (Tiếng Phạn là Vināśākārāhāra. Tiếng Pali là Vinnāśa-kārāhāra), nghĩa là Tâm Thúc hữu lậu nương nhờ nơi Thúc Alaya làm thể và ý lại vào thể lực của ba cách ăn ở trước để cổ thể tạo tác quả báo cho kiếp sau nhằm mục đích duy trì thân mạng của chúng sanh hữu tình

không cho hư hoại, nên gọi là Thức Thực. Chúng sanh hữu tình trong các cõi Vô Sắc và Địa Ngục thường dùng cách ăn này nên gọi là Thức Thực.

Trong bốn cách ăn nói trên, Tâm Thức sinh hoạt một cách linh diệu duy trì vạn pháp được tồn tại trong thể gian nên gọi là Thức Thực. Xúc Thực tư Thực và Thức Thực đều thông cả ba cõi, nghĩa là chúng sanh hữu tình trong ba cõi phần nhiều sử dụng ba cách ăn này nên gọi là thông cả ba cõi. Riêng Đoạn Thực chỉ hạn cuộc trong cõi Dục, nghĩa cách ăn này chỉ dành riêng cho các chúng sanh hữu tình trong cõi Dục sử dụng nhiều hơn.

Có thể nói, Thức Thực là cách ăn bằng Tâm Thức và lương thực để cho Tâm Thức sử dụng chính là hương vị của các pháp. Riêng những người bị chết, sau khi bỏ Thân Thể xác thịt hôi tanh liền nương tựa nơi Thân Thể bằng Tâm Thức nên gọi là Thức Thân và cũng gọi là Thân Trung Ấm. Những người mang Thức Thân thì họ ăn bằng cách Thức Thực và lương thực của họ nuôi sống chính là hương vị của những đồ cúng tế mà phần đông những chúng sanh trong các cõi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, A Tu La và cõi Trời thuộc Dục Giới đều thọ hưởng.

Như chúng ta đã biết sự ăn uống của chúng sanh hữu tình trong năm cõi (Cõi Trời, cõi Ngời, cõi Địa Ngục, cõi Ngạ Quỷ, cõi Súc Sanh) sở dĩ khác nhau chính là do bởi chúng có nhiều hình thái được sanh ra từ nơi bốn loại khổng giống nhau (loại sanh ra bằng trứng, loại sanh ra bằng bào thai, loại sanh ra bằng chỗ ẩm thấp và loại sanh ra bằng sự chuyển hóa từ hình tướng này sang hình tướng khác). Do đó so với các bậc Thánh Nhân, bốn loại chúng sanh nói trên đều thuộc hạng phàm phu và chúng ăn uống cũng khác với sự ăn uống của các bậc Siêu Đẳng. Bốn cách ăn này của bốn loại chúng sanh hữu tình trong năm cõi cũng gọi là Bất Tịnh Thực (Cách ăn không trong sạch).

Khác hơn bốn cách ăn của các hàng phàm phu, năm cách ăn của các bậc Thánh Nhân được gọi là Thanh Tịnh Thực (Năm cách ăn rất trong sạch) và cũng gọi là Xuất Thế Gian Thực (Năm cách ăn của các bậc Xuất Thế Gian). Đây là năm cách ăn của các đức Phật, của các vị Bồ Tát, các vị Duyên Giác và các bậc Thánh Văn thường sử dụng. Năm cách ăn của các bậc Xuất Thế Gian gồm có:

1. Thiền Duyệt Thực: nghĩa là Hành Giả dùng phương pháp Thiền để bố ích Tâm Thần, tức là những vị ấy hưởng đựng cái vui trong Thiền Định, nên gọi là Thiền Duyệt Thực.

2. Pháp Hỷ Thực: nghĩa là Hành Giả khi nghe pháp liền sanh tâm hoan hỷ, khiến tăng trưởng thiện căn và lợi ích huệ mạng, nên gọi là Pháp Hỷ Thực.

3. Nguyên Thực: nghĩa là Hành Giả vì muốn cứu độ chúng sanh đoạn trừ phiền não sớm chứng quả Bồ Đề nên phát nguyện rộng lớn duy trì bản thân để thường tu vạn hạnh, nên gọi là Nguyên.

4. Niệm Thực: nghĩa là Hành Giả sau khi an định được Tâm ý, thường ghi nhớ mãi những thiện pháp Xuất Thế mà mình đã chứng đắc không bao giờ quên, nên gọi là Niệm Thực.

5. Giải Thoát Thực: nghĩa là Hành Giả khi tu hạnh Thánh Đạo Xuất Thế của bậc Thánh Nhân đã đoạn được sự trói buộc của Nghiệp Phiền Não và không còn thọ nhận sự bức bách hay bị chi phối bởi khổ sanh tử nên gọi là Giải Thoát Thực.

Đây là danh xưng năm cách ăn của các bậc Xuất Thế Gian. Năm cách ăn này được thiết lập là căn cứ nơi Pháp Hỷ của năng lực Thiền Định, của năng lực Chánh Nguyên, của năng lực Chánh Tư Duy làm nền tảng. Hành Giả nhờ năng lực Thiền Định, năng lực Chánh Nguyên và năng lực Chánh Tư Duy

sau khi đoạn được phiền não và được học hỏi Phật Pháp liền sanh ra Pháp Hỷ. Pháp Hỷ thường nuôi dưỡng sanh mạng và bảo trì hạt giống Trí Tuệ, nên gọi là Thức.

Năm cách ăn của các bậc Xuất Thế Gian cộng chung với bốn cách ăn của Thế Gian nói trên trở thành chín cách ăn, gọi là Cửu Thực. (Hoa Nghiêm Kinh Sớ, quyển 28 và Kinh Tăng Nhứt A Hàm, quyển 41).

E. CÁCH ĂN CỦA TỔ TIÊN ÔNG BÀ:

Thế thì Tổ Tiên, Ông Bà ăn như thế nào?

Như đã trình bày ở trên, Tổ Tiên, Ông Bà có thể ăn uống thường gọi là Hưởng Thực nghĩa là ăn bằng cách Thức Thực những hương vị của món đồ mà con cháu dâng cúng và nếu như không có món đồ dâng cúng thì làm sao có hương vị để cho Tổ Tiên, Ông Bà hưởng thực.

Sở dĩ sự hưởng thực của Ông Bà không giống như sự ăn uống của loài người, nguyên vì các vị ấy không còn mang tâm thân xác thịt như loài người và cũng không còn sống trong thế giới loài người. Họ chết, nghĩa là họ bỏ lại tâm thân xác thịt bằng chất liệu máu huyết tanh hôi của cha mẹ. Họ chỉ còn lại thân thể bằng Tâm Thức, gọi là Thức Thân và cũng gọi là Trung Ấm Thân hay Danh Thân. Đã là Thức Thân sống trong thế giới nội Tâm không hiện tướng thì sự ăn uống của họ chỉ bằng Tâm Thức nên gọi là Thức Thực và lương thực của họ sống chính là hương vị của vạn pháp, thường gọi là Dưỡng Khí. Thức Thân là thân thể thuộc trạng thái vô hình không thể dung chứa những vật chất thuộc hữu tình, cho nên họ không thể hưởng đồ ăn bằng vật chất giống như sự ăn uống của loài người. Đến khi nào đi đầu thai thọ thân kiếp sau, họ kết hợp với sắc chất tức là tinh cha huyết mẹ để thể hiện Thức Thân nói trên trở thành Nhục Thân hiện tướng thì chừng đó họ có thể ăn uống những vật chất vào giống như sự ăn uống của loài người. Hoặc họ sanh vào những cõi khác, ngoài Thế Giới loài người thì sẽ ăn uống theo cách của chúng sanh ở những cõi đó.

Hơn nữa, Tổ Tiên Ông Bà đã đi đầu thai vào Thế Giới nào khác từ lâu, vậy chúng ta cúng kỵ có ý nghĩa gì? Trường hợp này chúng ta cúng kỵ có hai ý nghĩa:

a. Ý nghĩa thứ nhất, chúng ta cúng kỵ nhằm mục đích tri ân và báo ân những đấng sanh thành đã từng hy sinh tạo nên chúng ta cũng như gây dựng nên giống họ Tông Môn của Gia Phả mình. Đồng thời chúng ta giáo dục con cháu thiêng liêng hóa Tông Đường để tiếp nối sự nghiệp hiển vinh giòng họ Nội Ngoại hai bên. Không khác nào Dân Tộc Việt Nam mỗi năm thường làm lễ kỷ niệm Quốc Tổ Hùng Vương để nhắc nhở giống nòi đừng quên cội nguồn. Cũng như Tín Đồ làm lễ kỷ niệm Phật Tổ hay Thánh Chúa là để hình ảnh thiêng liêng đó ăn sâu vào tâm khảm của mỗi Tông Đờ.

b. Ý nghĩa thứ hai, chúng ta cúng kỵ với giá trị là sử dụng năng lực tâm linh thành kính của mình biến hương vị lương thực hiển cúng thành đường khí và chuyển đường khí đó thành chất liệu dưỡng sinh để mang đến cho người mình cúng qua hệ thống tâm linh. Người mình cúng ở cõi khác tự nhiên được nhiều sự may mắn không biết từ đâu đến mà người đời thường gọi là được phước đức ông bà. Trường hợp này cũng tương tự như bóng đèn điện đã tắt, chúng ta thay vào đó một cái quạt máy. Hình thức quạt máy hoàn toàn không phải là hình thức một bóng đèn. Giờ đây chúng ta tăng sức dòng điện cho đường giây bóng đèn cũ thì trên thực tế quạt máy tự nhiên được ảnh hưởng ngay. Người mình cúng tuy không còn là hình thức ông Bà, nhưng Tâm Linh của họ vẫn cùng



một dòng Tâm Linh với Tổ Tông không khác. Chúng ta tăng năng lực cầu nguyện trên đường giây Tâm Linh dòng họ thì người mình cúng sẽ được ảnh hưởng ngay. Giá trị này cũng giống như chúng ta đánh Fax hay gọi Điện-thoại viễn liên thay vì điện tử qua hệ thống Tâm Linh rất linh diệu vô cùng, ảnh hưởng đến người mình gọi.

Tóm lại, Tổ Tiên Ông Bà và Nghiệp Lực thọ sanh vào những Thế Giới vô hình thì sự sinh hoạt ăn uống của họ chỉ bằng Thức Thực không giống như sự ăn uống của loài người và con cháu cúng dường là đem hương vị của món đồ dâng lên thành kính tưởng niệm để tri ân và báo ân. Đó là cách ăn uống của Tổ Tiên Ông Bà theo quan niệm Phật Giáo.

G. CÁCH CÚNG:

Cúng phải có quy cách của cúng tế, nghĩa là cách thức cúng tế đã được quy định trong Nghi Lễ, như Nghi Lễ của Quốc Gia gọi là Quốc Cách, Nghi Lễ của Quân Đội gọi là Quân Cách, Nghi Lễ của Tôn Giáo gọi là Tôn Giáo Cách v.v...

Người kế thừa trong sự cúng bái nếu như thiếu Nghi Lễ quy cách chính là thiếu cung cách trong việc cúng tế, tức là người đó đã phạm lỗi với các bậc Thánh Hiền đáng tôn kính. Theo Kinh Di Giáo, người cúng dường trước hết sử dụng thân thể cũng như hành vi làm chủ yếu và sau đó họ sử dụng tinh thần để giao cảm. Cho nên họ phải thể hiện được hai đức tánh: Thân Cúng Dường và Tâm Cúng dường.

a. Thân Cúng Dường: nghĩa là người cúng dường phải dâng cúng những lễ vật như đồ ẩm thực, y phục, thuốc thang v.v... lên cho Tam Bảo, cho Sư Trưởng, cho Cha Mẹ, cho Hương Linh v.v... một cách tâm thành, gọi là Thân Cúng dường.

b. Tâm Cúng dường: nghĩa là người cúng dường cảm thấy tâm không nhàm chán, không biết đủ, không hối tiếc và tự tại trong hành động, gọi là Tâm Cúng Dường.

Cũng từ ý nghĩa này, Quy Cách của Phật Giáo có hai phương thức cúng là Sự Cúng và Lý Cúng.

1. SỰ CÚNG:

Những lễ vật hiến cúng lên bàn thờ chính là hình thức biểu tượng lòng chí thành của một người con, của một Tín Đồ dâng trọn niềm tin lên Tổ Tiên Ông Bà, lên Thánh Hiền và lên Chư Phật. Họ dâng hiến lễ vật là mong nhờ Tổ Tiên Ông Bà và Thánh Hiền Chư Phật đoái tưởng ân ký, gọi là chứng minh cho tất lòng chí thành biết ơn của kẻ dưới. Nếu như không có lễ vật biểu tượng thì không thể hiện được lòng chí thành của mình đối với những bậc thâm ân mà mình tôn kính. Cũng như nếu không có Thiệp (Card) chúc tết hoặc lời chúc tụng thì không thể nào

tỏ bày được lòng thành của mình đối với người mình chúc tụng. Nhờ sự tướng (hình thức) hiển bày được nguyên lý, nhờ hình tượng hiển bày được thể tánh, nghĩa là sự tướng nếu như không có thì không thể hiện được lý tánh. Sự và Lý cũng như tướng và Tánh đều dung thông với nhau không ngăn ngại. Kinh Hoa Nghiêm có câu: "*Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới*", nghĩa là Lý Tánh nhờ Sự tướng được hiển bày và Sự tướng nhờ Lý Tánh được thành hình. Sự Lý không thể rời nhau -được để thành lập. Vạn pháp tuy có tướng trạng khác nhau, nhưng đều cùng chung một bản thể.

Người có lòng chí thành thì dù hột muối cần làm hai đem dâng cúng lên bề trên cũng có giá trị và ngược lại. Người không có lòng chí thành thì mặc dù đem mâm cao cỗ đầy cũng không có ý nghĩa, đúng như câu: "*Phật tức tâm, Phật chứng tại tâm, tâm tức Phật, lòng thành có Phật.*"

2. LÝ CÚNG:

Lý Cúng Dường nghĩa là thể hiện được chân lý đã chứng nhập đem ra cúng dường, nên gọi là Lý Cúng. Kinh Phổ Hiền, Phẩm Hạnh Nguyện nói Cúng Dường có ba ý nghĩa:

a. Tài Cúng dường: nghĩa là dùng những hoa quả, tiền của châu báu thường dùng trong thế gian đem ra cúng dường.

b. Pháp Cúng Dường: nghĩa là đem tâm Bồ Đề làm lợi ích cho mình và lợi ích cho mọi người để cúng dường.

c. Quán Hạnh Cúng Dường: nghĩa là thật hành pháp quán để nhận thấy vạn vật khắp trong ba cõi đều dung thông với nhau, tức là thật hành phương pháp quán chiếu về "*Sự sự vô ngại pháp giới*" của Kinh Hoa Nghiêm để cúng dường.

Kinh Thập Địa Luận, quyển 8 nói: Cúng dường có 3 cách:

a. Lợi dưỡng Cúng dường: nghĩa là chỉ dùng các thứ y phục, ngọa cụ v.v... để cúng dường.

b. Cung kính Cúng Dường: nghĩa là tỏ lòng thành bằng cách dâng hương hoa, tràng phan bảo cái v.v... để cúng dường.

c. Hạnh Cúng Dường: nghĩa là tiến tu đạo nghiệp về các hạnh, như Tín Hạnh, Giới Hạnh v.v... để cúng dường.

Pháp Hoa Văn Cú quyển 8 nói rằng: dùng Tam nghiệp cúng dường. Tam nghiệp cúng dường như là:

a. Thân Nghiệp Cúng Dường: nghĩa là dùng thân này chí thành lễ bái, kính ngưỡng các đức Phật, các vị Bồ Tát để cúng dường.

b. Khẩu Nghiệp Cúng Dường: nghĩa là dùng lời nói ca tụng khen ngợi công đức của các đức Phật, các vị Bồ Tát để cúng dường.

c. Ý Nghiệp Cúng dường: nghĩa là dùng tâm ý đoan chánh tưởng niệm đến Tướng Hào Trang Nghiêm của các đức Phật, các vị Bồ Tát để cúng dường.

Với tinh thần Lý Cúng vừa trình bày trên, chúng ta luôn luôn noi gương tốt của các bậc Tiên Nhân Thánh Đức, của Tổ Tiên Ông Bà, cố gắng ngăn ngừa các điều tội ác nguyên làm các việc phước lành, giữ gìn thân tâm cho trong sạch, trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm, để xứng đáng danh nghĩa con cháu yêu quý của dòng họ của Tông Môn, để làm gương mẫu tốt trong xã hội. Chúng ta thể hiện được tinh thần cao đẹp vừa nói trên để cúng dường lên Tổ Tiên Hiền Thánh, ngưỡng mong các bậc tôn vinh trên chứng minh và gia hộ, đó là ý nghĩa của Lý Cúng.

Theo quy cách của Phật Giáo, con cháu mỗi khi cúng kỵ Ông Bà hay Thánh Hiền phải hội đủ

những điều kiện sau đây:

a. Phải có lòng thành kính đối với bậc trên trước mà mình cúng bái, nghĩa là không phải cúng bái với mục đích hợp bạn ăn uống vui chơi.

b. Phải trang nghiêm thanh tịnh trong lúc cúng tế, nghĩa là trong lúc cúng tế không được tổ chức ca múa hát xướng như một hí trường.

c. Phải có ba chén cơm, ba chung nước thanh khiết và ba đôi đũa hoặc ba muỗng nĩa cùng với hương đèn hoa quả v.v... Đó là điều kiện cần thiết trong khi cúng. Còn các thức ăn khác thêm bớt là tùy theo hoàn cảnh của mỗi gia chủ.

d. Tất cả con cháu trong gia đình đều phải quỳ xuống, im lặng, chấp tay hướng về bàn thờ Tổ Tiên, Thánh Hiền v.v... bày tỏ lòng chí thành. Lúc đó gia chủ đại diện nguyện hương, vái tên họ, tuổi và ngày tháng, năm tạ thế của người quá vãng (người đã chết) mà mình cúng kỵ. Trong khi cha mẹ đang cúng Ông Bà, con cháu không được đùa giỡn làm thiếu lễ nghi cung cách. Kể đến, tất cả con cháu đều chỉ thành đọc tụng Thần Chú Chuyển Lương Thực để Ông Bà thọ hưởng sự cúng dường. Sau cùng tất cả đều lạy ba lạy.

Đây là năm điều căn bản của con cháu mà bổn phận làm người cần phải nắm lòng trong việc kế thừa sự nghiệp gia bảo của tiền nhân. Chúng ta tại sao phải có bổn phận và lại còn hãnh diện mỗi khi tổ chức trọng đại lễ kỷ niệm Hùng Vương, Đức Thánh Trần, Tổng Thống v.v... và còn đọc tiểu sử ghi công các vị ấy một cách trang nghiêm. Ngược lại, chúng ta tại sao thiếu bổn phận và lơ là trong việc cúng bái Tổ Tiên là những bậc có công ơn lớn nhất của Tông Môn của dòng họ mình. Trong Phật Giáo, tội bất hiếu là một trong năm tội Ngũ Nghịch của Địa Ngục Vô Gián. Chúng ta mang danh là Phật Tử cần phải biết cung cách Hiếu Hạnh vừa trình bày ở trên để ngăn ngừa đừng phạm phải.

(mời xem tiếp "Văn Đề Lễ Bái"
sẽ đăng các số tới)

CÁC KINH LUẬN THAM KHẢO:

- * Khảo Nghiệm Duy Thức Học, Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội xuất bản.
- * Câu Xá Luận, quyển 1 và 4.
- * Thuận Chánh Lý Luận, quyển 10.
- * Thành Duy Thức Luận, quyển 7.
- * Bách Pháp Minh Môn Luận Sớ, quyển Thượng.
- * Thành Duy Thức Luận Thuật Ký, quyển 7 Mạt.
- * Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 3 và quyển 5.
- * Đại Nhật Kinh Sớ Diễn áo, quyển 2.
- * Phật Học Đại Từ Điển, quyển 4, Trang 3997-3998.
- * Hoa Nghiêm Kinh Sớ, quyển 8.
- * Kinh Tăng Nhứt A Hàm, quyển 27 và quyển 41.
- * Lịch Sử Phật Giáo Ấn Độ
- * Kinh Di Giáo.
- * Kinh Phổ Hiền, Phẩm Hạnh Nguyên.
- * Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh, quyển 13.
- * Kinh Thập Địa Luận, quyển 3.
- * Kinh Phạm Võng, quyển Hạ
- * Ma Ha Tăng Kỳ Luật, quyển 25 và quyển 27.
- * Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa, quyển 18.
- * Tứ Phần Luật, quyển 60.
- * Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyền, quyển 4.
- * Pháp Uyển Châu Lâm, quyển 20.
- * Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 2.
- * Thích Môn Quy Kính Nghi, quyển Hạ.
- * Tỳ Nại Da Tập Sự, quyển 15.
- * Đại Bảo Tích Kinh, quyển 43.

CHỈ LÀ NHỎ NHỎ

thơ

*Chỉ là hạt cát nhỏ
Trong bãi cát bao la
Chỉ là giọt nước nhỏ
Trong bể cả đại dương
Chỉ là hòn núi nhỏ
Trong vô vàn khối đá
Chỉ là vì sao nhỏ
Trong ánh trăng vàng vạc
Chỉ là chú voi nhỏ
Trong đàn voi hùng hậu
Chỉ là phần tử nhỏ
Trong thế giới đại hải
Chỉ là chú Tiểu nhỏ
Trong ngôi nhà Phật pháp.*

*Chỉ làm chút việc nhỏ
Chẳng mơ ước cao xa
Chỉ làm chút vui nhỏ
Cho người đang bên cạnh
Chỉ làm ngọn gió nhỏ
Khi trời nóng trưa hè
Chỉ làm áng mây nhỏ
Bay qua trời lộng gió
Chỉ là chiếc mền nhỏ
Khi mùa đông giá lạnh
Chỉ là chén cơm nhỏ
Khi bụng đói cồn cào
Chỉ là vì sao nhỏ
Lúc trời tối âm u.*

*Bao ước nguyện nhỏ nhỏ
Thường tự nhắc nhở mình
Nhớ lời Thầy răn dạy
Nuôi dưỡng vững sơ tâm.*

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH





PHẬT GIÁO YẾU LƯỢC

Nguyên tác: **BUDDHISM IN A NUTSHELL**

Tác giả: **NARADA THERA**

Người dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**

(Tác phẩm gồm 11 chương, với các tiêu đề như sau: 1. Đức Phật; 2. Phật Giáo Phải Chẳng Là Một Triết Học? 3. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Tôn Giáo? 4. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Hệ Thống Đạo Đức? 5. Một Vài Đặc Điểm Của Phật Giáo; 6. Nghiệp Báo Hay Luật Nhân Quả; 7. Luân Hồi; 8. Lý Thập Nhị Nhân Duyên; 9. Vô Ngã Hay Không Có Linh Hồn; 10. Niết Bàn; 11. Con Đường Dẫn Đến Niết Bàn)

LUÂN HỒI

Bao lâu Nghiệp Lực tồn tại thì còn luân hồi, vì con người chỉ là biểu tượng cụ thể của Nghiệp Lực (*Kammic force*) không trông thấy này. Chết không gì khác hơn là sự chấm dứt tạm thời của hiện tượng tạm bợ ấy, chứ không phải là sự hủy diệt hoàn toàn của con người đó. Cuộc sống hữu cơ kết thúc, nhưng Nghiệp Lực tồn tại hoàn toàn không bị xáo trộn bởi sự tan rã của thân xác nhất thời này: sự chấm dứt chấp tư tưởng (cuối cùng) của người chết hiện tại quyết định một thức mới trong kiếp sống sau.

Chính do Nghiệp, bắt nguồn từ vô minh và dục vọng, đã tạo điều kiện cho sự tái sanh. Nghiệp quá khứ tạo điều kiện để ta luân hồi trong kiếp hiện tại, và Nghiệp hiện tại cùng với Nghiệp quá khứ, tạo điều kiện để ta luân hồi trong kiếp tương lai. Hiện tại là con đẻ của quá khứ và trở thành cha mẹ của tương lai.

Nếu chúng ta quyết chắc rằng có quá khứ, hiện tại và cuộc sống vị lai thì tức nhiên chúng ta phải đứng trước một vấn đề bí ẩn – “*Nguồn gốc cuối cùng của đời sống là gì?*”. Hoặc phải có một sự bắt đầu, hoặc không có sự khởi thủy của đời sống.

Một học thuyết, nhằm cố gắng giải quyết vấn đề, chủ trương nguyên nhân đầu tiên (của đời sống) là Thượng Đế (God), được xem như một năng lực hay một đấng Toàn Năng.

Một học phái khác phủ nhận có nguyên nhân đầu tiên, vì theo kinh nghiệm chung, nhân sanh quả và quả trở thành nhân. Trong chuỗi dài nhân và quả như thế, ta không thể quan niệm một sự khởi đầu. Theo khuynh hướng thứ nhất, đời sống có một khởi điểm; còn lý thuyết thứ hai thì không có khởi điểm.

Theo quan điểm khoa học, chúng ta là sản phẩm trực tiếp của tinh trùng và tiểu não của cha mẹ sanh ra. Vậy trước đời sống (của ta) bắt buộc phải có đời sống (của cha mẹ ta). Nhưng về chất nguyên sinh (Protoplasm) đầu tiên của sự sống thì các nhà khoa học không thể giải thích được.

Theo Phật Giáo, chúng ta sinh ra từ cái bào thai hành động (*Kammayamoni*). Cha mẹ chỉ cấp dưỡng một phần rất nhỏ. Như vậy, trước một chúng sanh (trong kiếp hiện tại) phải có một chúng sanh (trong kiếp quá khứ). Trong lúc thọ thai, chính Nghiệp quá khứ tạo điều kiện cho thức đầu tiên làm nguồn sống cho bào thai. Chính Nghiệp Lực vô hình phát sinh từ kiếp quá khứ đã tạo nên hiện tượng tinh thần và hiện tượng của sự sống trong một hiện tượng vật

chất sẵn có để gồm đủ ba yếu tố nhằm cấu tạo nên con người.

Có người sanh ra chỗ này tức nhiên phải có chúng sanh chết ở nơi khác. Sự tái sinh của một chúng sanh hay nói đúng ra là sự phát sinh của ngũ uẩn hoặc những hiện tượng tâm vật lý trong kiếp hiện tại tiếp nối sau sự chết của một chúng sanh trong kiếp quá khứ; cũng như người ta thường nói, khi mặt trời mọc tại nơi này, tức là mặt trời lặn ở một chỗ khác. Lối diễn đạt bí ẩn này có thể được hiểu rõ ràng hơn khi ta tưởng tượng cuộc sống như một làn sóng chứ không phải là một đường thẳng. Sanh và tử chỉ là hai giai đoạn trong một tiến trình. Sanh rồi tử, và tử để rồi sanh. Sự tiếp nối bất tận của chuỗi sanh tử này gắn liền với mỗi dòng sống của cá nhân tạo nên điều mà thuật ngữ gọi là Luân Hồi (*Samsara*) - một cuộc đi tái diễn (vòng tròn).

Nguồn gốc cuối cùng của đời sống là gì?

Đức Phật dạy rằng: “*Sự luân hồi này không biết bao giờ mới chấm dứt. Chúng sanh lúc khởi đầu, vì bị vô minh che lấp và trói buộc bởi tham dục, nên đã mãi lang thang đi xa, không nhận biết được.*”

Dòng đời này cứ tiếp tục chảy chùng nào nó còn được nuôi dưỡng bởi nước bùn của vô minh và ái dục. Chỉ khi nào con người muốn đoạn diệt hết vô minh và ái dục, dòng đời lúc ấy mới ngừng chảy; và luân hồi cũng chấm dứt như trường hợp của chư Phật và các vị A La Hán (*Arahats*). Khởi điểm đầu tiên của dòng đời này ta không thể xác định, vì giai đoạn của dòng sống ta không thể nhận biết được khi nó chứa đầy vô minh và tham dục.

Ở đây đức Phật chỉ viện dẫn về sự khởi đầu dòng sống của mỗi chúng sanh. Và để cho các khoa học gia suy luận về nguồn gốc và sự tiến hóa của vũ trụ. Đức Phật không cố gắng giải quyết tất cả những vấn đề đạo đức và triết học vốn làm rối trí nhân loại. Ngài cũng không đề cập đến những học thuyết và lý luận không hướng tới sự giải thoát hay cải thiện con người. Đức Phật cũng không đòi hỏi nơi tín đồ của Ngài một đức tin mù quáng về Nguyên Nhân Đầu Tiên (của sự sống). Duy nhất Ngài chỉ thảo luận đến vấn đề khổ đau và chấm dứt sự khổ. Với mục đích thực tế và rõ ràng trong ý tưởng này, tất cả mọi vấn đề không thích dụng khác, đức Phật đều hoàn toàn không đề cập tới.

Nhưng làm sao chúng ta có thể tin rằng có một kiếp sống quá khứ? Bằng cố giá trị nhất mà người Phật tử có thể dẫn chứng về sự luân hồi là do nơi đức Phật, vì Ngài đã phát triển trí tuệ đến trình độ



Ngài có thể thấy nhớ đến những kiếp quá khứ và vị lai.

Theo lời dạy của đức Phật, các đệ tử của Ngài cũng tu tập phát triển trí tuệ này để có thể nhớ lại ít nhiều những kiếp trước của họ.

Ngay cả các đạo sĩ (Rishis) Ấn Độ trước thời đức Phật, cũng đặc biệt có được những thần thông như thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông và nhớ lại đời trước v.v...

Cũng có một số người, do luật giao cảm, bất ngờ nhớ lại kiếp quá khứ hoặc những đoạn nào trong kiếp trước của họ. Các trường hợp như vậy rất hiếm, nhưng qua những lần họ được thí nghiệm, nhiều trường hợp đã mang lại một vài tia sáng đối với quan niệm về kiếp quá khứ. Đó là kết quả thí nghiệm của các nhà siêu linh học và những sự kiện huyền bí mà ta gọi là triệu hồn và âm linh nhập.

Trong trạng thái thôi miên, có vài người đã kể lại những kinh nghiệm ở kiếp trước của họ, trong khi một vài kẻ khác, không những thấy được kiếp quá khứ của người khác mà còn nhờ đó chữa được bệnh nhân.

Đôi khi chúng ta gặp thấy những hiện tượng bí ẩn mà chúng ta không tài nào giải thích nổi, ngoại trừ tin vào sự tái sanh.

Có bao lần chúng ta gặp người mà chúng ta chưa từng gặp, nhưng tự nhiên trong trí chúng ta nhớ chừng như đã quen biết họ đâu đây? Bao nhiêu lần ta viếng thăm những nơi (mà ta chưa đến) nhưng ta có cảm tưởng như quen thuộc hoàn toàn với cảnh ấy từ lúc nào?

Đức Phật đã dạy: "Do sự thân cận quá khứ hay lợi ích hiện tại, mỗi tình thâm thời xa xưa đây lại nổi dậy như cánh sen vượt lên mặt nước."

Do sự thí nghiệm của các nhà tâm linh học hiện đại, những sự giao cảm với ma quỷ, các hiện tượng gọi hồn kỳ bí và đồng cốt nhập v.v... đã làm sáng tỏ phần nào về vấn đề luân hồi.

Trên thế gian có những bậc cao siêu, những đấng Toàn Giác như chư Phật. Làm sao họ tiến hóa bất ngờ như thế được? Có thể nào chỉ trong một kiếp sống mà các vị ấy thành tựu được kết quả (xuất chúng) như vậy chăng?

Chúng ta giải thích thế nào về trường hợp các vĩ nhân như Ngài Buddhaghosa (1), Panini (2), Kalidasa, Homer (3) và Plato (4); những thiên tài như Shakespeare (5), và thần đồng như Pascal (6), Mozart (7), Beethoven (8), Raphael, Ramanujan (9) v.v...

Thuyết truyền thống không đủ để giải thích các trường hợp đó. "Nếu trong ông bà, cha mẹ, con cháu

các vị ấy cũng có những vị thần đồng, dù khá hơn họ, thì cũng có thể chứng minh được thuyết truyền thống."

Làm sao họ có thể đạt đến trình độ siêu việt như thế nếu trong kiếp trước họ chưa sống cuộc đời cao thượng và đã gặt hái được những kinh nghiệm tương tự? Phải chăng là do sự ngẫu nhiên đã đưa đẩy họ sinh trưởng trong các hoàn cảnh thuận lợi và (gia đình) có những bậc cha mẹ đặc biệt đó?

Với thời gian vài năm hay nhiều lắm là 100 năm mà chúng ta hiện hữu ở thế gian này chắc chắn là chưa đủ đối với sự chuẩn bị cho một cuộc đời vĩnh cửu.

Nếu chúng ta tin rằng có hiện tại và tương lai, hẳn nhiên chúng ta tin có quá khứ. Hiện tại là con đẻ của quá khứ, và cũng là cha mẹ của tương lai.

Nếu chúng ta có những lý do tin rằng có kiếp sống trong quá khứ thì chắc chắn không có lý do gì để không tin rằng chúng ta sẽ còn tiếp tục sống sau khi kiếp hiện tại kết thúc. Chính đời sống quá khứ và vị lai đã giải thích rõ ràng cho lý do tại sao "trong đời những người đạo đức thường chịu nhiều khổ cực, còn những kẻ gian ác lại gặp cảnh giàu sang."

Một văn hào Tây Phương nói: "Chúng ta dẫu tin có kiếp sống quá khứ hay không, niềm tin này vẫn là giả thuyết hợp lý duy nhất để tạo nền nịch cầu vượt qua những hố ngăn cách trong sự hiểu biết của con người về các sự kiện trong cuộc sống hằng ngày. Lý trí giúp ta biết rằng ý niệm về kiếp sống và Nghiệp Báo quá khứ có thể giải thích về trình độ khác biệt giữa hai đứa trẻ sanh đôi, và làm sao con người như Shakespeare, với những kinh nghiệm giới hạn, có thể miêu tả chính xác một cách kỳ diệu biết bao nhân vật thuộc nhiều loại khác nhau, những cảnh tượng v.v... mà thực ra ông ta không thể biết được; nó giải thích tại sao tác phẩm của các bậc thiên tài đã vượt trội hẳn kinh nghiệm mà họ có thể có; nó giải thích hiện tượng thần đồng, sự khác biệt sâu xa về mặt tinh thần và đạo đức, trí óc và thể xác; về điều kiện, tình thế và hoàn cảnh xung quanh mà ta có thể quan sát được khắp nơi trên thế gian và vân vân."

Có thể nói rằng căn cứ vào thực nghiệm, lý thuyết luân hồi không thể nào chứng minh và cũng không có thể bác bỏ; mà nên chấp nhận nó như một sự kiện xác thực hiển nhiên.

Đức Phật dạy thêm rằng, nguồn gốc của Nghiệp Báo là do vô minh, không hiểu biết về Tứ Diệu Đế. Cho nên, vô minh là nguyên nhân tạo nên sự sanh tử, và khi chúng ta tu tập chuyển đổi vô minh thành giác ngộ thì sự sanh tử (luân hồi) tất nhiên sẽ chấm dứt.

Kết quả của phương pháp phân tích này được lược tóm trong lý Thập Nhị Nhân Duyên.

CHÚ THÍCH CỦA DỊCH GIẢ:

1. PHẬT MINH: Danh từ Hán Việt dịch âm chữ *Buddhaghosa* (Ba Ly). Là một học giả kiêm đại luận sư Phật Giáo. Sinh khoảng đầu thế kỷ thứ năm sau tây lịch gần *Buddha Gaya* (Phật Đà Ca Gia) nước *Magadha* Ma Kiệt Đà (nay thuộc tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ). Về sau, ngài xuất gia, qua Tích Lan khoảng năm 430, trú tại ngôi Đại Tự (*Mahavihara*) ở thị trấn *Anuradhapura*, chuyên tâm nghiên cứu Phật Pháp và trước tác. Đại đức Phật Minh đã dịch nhiều kinh sách Phật Giáo từ tiếng Tích Lan (Sinhalese) sang thánh ngữ Pali (Ba Ly), viết cuốn Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhi-Magga*) và nhiều tác

phẩm khác. Lúc về già, Đại Đức trở về xứ Ma Kiệt Đà và viên tịch ở Gaya (tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ ngày nay).

2. PANINI: Nhà văn phạm học Phạn ngữ danh tiếng thời cổ Ấn Độ. Được biết ông ra đời vào thế kỷ thứ 7 trước tây lịch. Nhưng có tài liệu lại ghi chép rằng ông sinh vào thế kỷ thứ 4 trước tây lịch.

3. HOMER: Thi sĩ Hy Lạp chuyên viết loại anh hùng ca, sống vào khoảng thế kỷ thứ 9 hoặc 8 trước tây lịch. Hai tác phẩm nổi tiếng của ông là *Iliad* và *Odyssey*.

4. PLATO: Triết gia cổ Hy Lạp, sinh năm 427 trước tây lịch, mất năm 347 trước T.L. Ông là học trò của hiền triết Socrates (469-399 trước T.L.) và thầy dạy của triết gia Aristotle (384-322 trước T.L.). Plato theo học với Socrates đến năm 399 trước tây lịch. Sau đó, ông rời Athens (Hy Lạp) đi chu du sang Ai Cập (Egypt), đến viếng Cyrene (cổ thành ở bắc Phi Châu) và Sicily (nam Ý Đại Lợi). Năm 387 trước tây lịch, Plato trở về Athens, tại đây ông thành lập Hàn Lâm Viện Triết Lý. Những tác phẩm chính của ông gồm có: *Chế Độ Cộng Hòa*, *Luật Pháp* và *Biện Hộ* (cho Socrates) v.v...

5. WILLIAM SHAKESPEARE: Sinh năm 1564, mất năm 1616. Là nhà thơ và soạn kịch nổi tiếng nước Anh. Ông ra đời và hoàn tất sự học văn tại Stratford-upon-Avon ở Warwick-shire, miền trung Anh quốc. Năm 1582, ông lập gia đình với Ann Hathaway (1556-1623) và có ba con. Năm 1592, Ông đến thưng trú tại Luân Đôn (London), vừa đóng tuồng vừa soạn kịch. Ông soạn nhiều kịch phẩm gồm có: *Hai người quý phái thành Verona*, xuất bản 1594; *Romeo và Juliet* ấn hành năm 1595; *Người lái buôn thành Venice* năm 1596 và *Bão Tố* năm 1611 v.v...

6. BLAISE PASCAL: Sinh năm 1623, tử trần năm 1662. Là nhà toán học, vật lý và triết gia người Pháp. Ngay từ nhỏ, tiên sinh đã có thiên tài về toán học. Năm 16 tuổi, ông viết cuốn tiểu luận về những hình mặt nón. Năm 1642-1645, ông sáng chế ra máy tính. Các tác phẩm của ông: *Những thư gửi về tính*, xuất bản năm 1656; *Những Tư Tưởng* ấn hành năm 1670 v.v...

7. WOLFGANG AMADEUS MOZART: Sinh năm 1756, mất năm 1791. Nhà soạn nhạc danh tiếng của nước Áo. Vừa lên bốn tuổi, tiên sinh đã tỏ ra là đứa trẻ có thiên tài về vĩ cầm và đại phong cầm. Vào những năm 1762-1766, cùng với thân phụ, ông đến viếng thăm nhiều thủ đô châu Âu và giảng dạy âm nhạc tại Salzburg (miền tây nước Áo) cho tới ngày ông lập gia đình năm 1784. Ông soạn hơn 600 tác phẩm, nhạc phẩm trong đó có: *Đám cưới của Figaro* xuất bản năm 1786 và *Ông Sáo Thần* năm 1791 v.v...

8. LUDWIG VAN BEETHOVEN: Sinh năm 1770, qua đời năm 1827. Nhà soạn nhạc danh tiếng nước Đức, sinh tại Bonn. Học nhạc với thân phụ rất sớm. Về sau, ông học với nhạc sĩ Mozart (1756-1791). Từ năm 1792, ông đến ở Vienna (nước Áo), chuyên trình diễn đàn dương cầm và soạn nhạc. Tiên sinh sáng tác chín hòa tấu: *hòa tấu thứ nhất* (năm 1800), *hòa tấu thứ ba* (năm 1804), *hòa tấu thứ năm* (1808) và *hòa tấu thứ chín* (năm 1824). Về nhạc kịch, ông sáng tác *tuồng Fidelio* năm 1805 v.v...

9. SRINIVASA RAMANUJAN: Sinh năm 1887, mất năm 1920. Là nhà toán học nổi tiếng của Ấn Độ. Năm 1914, ông sang Cambridge (Anh quốc) để nghiên cứu và năm 1918 ông được mời làm hội viên Hội Hoàng Gia tại xứ này.

(còn tiếp)

RE-BIRTH

As long as this *Kammic* force exists there is re-birth, for beings are merely the visible manifestation of this invisible *Kammic* force. Death is nothing but the temporary end of this temporary phenomenon. It is not the complete annihilation of this so-called being. The organic life has ceased, but the *Kammic* force which hitherto actuated it has not been destroyed. As the *Kammic* force remains entirely undisturbed by the disintegration of the fleeting body, the passing away of the present dying thought-oment only conditions a fresh consciousness in another birth.

It is *Kamma*, rooted in ignorance and craving, that conditions rebirth. Past *Kamma* conditions the present birth; and present *Kamma*, in combination with past *Kamma*, conditions the future. The present is the offspring of the past, and becomes, in turn, the parent of the future.

If we postulate a past, present, and a future life, then we are at once faced with the alleged mysterious problem - "What is the ultimate origin of life?" Either there must be a beginning or there cannot be a beginning for life.

One school, in attempting to solve the problem, postulates a first cause, God, viewed as a force or as an Almighty Being.

Another school denies a first cause for, in common experience, the cause ever becomes the effect and the effect becomes the cause. In a circle of cause and effect a first cause is inconceivable. According to the former, life has had a beginning; according to the latter, it is beginningless.

From the scientific standpoint, we are the direct products of the sperm and ovum cells provided by our parents. As such life precedes life. With regard to the origin of the first protoplasm of life, or colloid scientists plead ignorance.

According to Buddhism we are born from the matrix of action (*Kammayoni*). Parents merely provide an infinitesimal small cell. As such being precedes being. At the moment of conception it is past *Kamma* that conditions the initial consciousness that vitalizes the foetus. It is this invisible *Kammic* energy, generated from the past birth that produces mental phenomena and the phenomenon of life in an already extant physical phenomenon, to complete the trio that constitutes man.



For a being to be born here a being must die somewhere. The birth of a being, which strictly means the arising of the five aggregates or psycho-physical phenomena in this present life, corresponds to the death of a being in a past life; just as, in conventional terms, the rising of the sun in one place means the setting of the sun in another place. This enigmatic statement may be better understood by imagining life as a wave and not as a straight line. Birth and death are only two phases of the same process.

Birth precedes death, and death, on the other hand, precedes birth. This constant succession of birth and death in connection with each individual life flux constitutes what is technically known as *Samsara* - recurrent wandering.

What is the ultimate origin of life?

The Buddha declares: "*Without cognizable end is this Samsara. A first beginning of beings, who, obstructed by ignorance and fettered by craving, wander and fare on, is not to be perceived.*"

This life-stream flows *ad infinitum*, as long as it is fed by the muddy waters of ignorance and craving. When these two are completely cut off, then only, if one so wishes, does the stream cease to flow; rebirth ends as in the case of the Buddhas and Arahats. An ultimate beginning of this life-stream cannot be determined, as a stage cannot be perceived when this life-force was not fraught with ignorance and craving.

The Buddha has here referred merely to the beginning of the life-stream of living beings. It is left to scientists to speculate on the origin and the evolution of the universe. The Buddha does not attempt to solve all the ethical and philosophical problems that perplex mankind. Nor does He deal with theories and speculations that tend neither to edification nor to enlightenment. Nor does He demand blind faith from His adherents anent a First Cause. He is chiefly concerned with the problem of suffering and its destruction.

With but this one practical and specific purpose in view, all irrelevant side issues are completely ignored.

But how are we to believe that there is a past existence? The most valuable evidence Buddhists cite in favour of rebirth is the Buddha, for He developed a knowledge which enabled Him to read past and future lives.

Following His instructions, His disciples also developed this knowledge and were able to read their past lives to a great extent.

Even some Indian Rishis, before the advent of the Buddha, were distinguished for such psychic powers as clairaudience, clairvoyance, thought-reading, remembering past births, etc.

There are also some persons, who, probably in accordance with the laws of association, spontaneously develop the memory of their past birth, and remember fragments of their previous lives. Such cases are very rare, but those few well-attested, respectable cases tend to throw some light on the idea of a past birth. So are the experiences of some modern dependable psychists and strange cases of alternating and multiple personalities.

In hypnotic states some relate experiences of their past lives; while a few others, read the past lives of others and even heal diseases.

Sometimes we get strange experiences which cannot be explained but by rebirth.



How often do we meet persons whom we have never met, and yet instinctively feel that they are quite familiar to us? How often do we visit places, and yet feel impressed that we are perfectly acquainted with those surroundings?

The Buddha tells us: "*Through previous associations or present advantage, that old love springs up again like the lotus in the water.*"

Experiences of some reliable modern psychists, ghostly phenomena, spirit communications, strange alternating and multiple personalities and so on shed some light upon this problem of rebirth.

Into this world come perfect Ones like the Buddhas and highly developed personalities. Do they evolve suddenly? Can they be the products of a single existence?

How are we to account for great characters like Buddhagosa (1), Panini (2), Kalidasa, Homer (3) and Plato (4), men of genius like Shakespeare (5), infant prodigies like Pascal (6), Mozart (7), Beethoven (8), Raphael, Ramanujan (9), etc.?

Heredity alone cannot account for them. "*Else their ancestry would disclose it, their posterity, even greater than themselves, demonstrate it.*"

Could they rise to such lofty heights if they had not lived noble lives and gained similar experiences in the past? Is it by mere chance that they are born of those particular parents and placed under those favourable circumstances?

The few years that we are privileged to spend here, or for the most five score years, must certainly be an inadequate preparation for eternity.

If one believes in the present and in the future, it is quite logical to believe in the past. The present is the offspring of the past, and acts in turn as the parent of the future.

If there are reasons to believe that we have existed in the past, then surely there are no reasons to disbelieve that we shall continue to exist after our present life has apparently ceased. It is indeed a strong argument in favour of past and future lives that "*in this world virtuous persons are very often unfortunate and vicious persons prosperous*".

A Western writer says: "*Whether we believe in a past existence or not, it forms the only reasonable hypothesis which bridges certain gaps in human knowledge concerning certain facts of every day life. Our reason tells us that this idea of past birth and Karma alone can explain the degrees of difference*

that exist between twins, how men like Shakespeare with a very limited experience are able to portray with marvellous exactitude the most diverse types of human character, scenes and so forth of which they could have no actual knowledge, why the work of the genius invariably transcends his experience, the existence of infant precocity, the vast diversity in mind and morals, in brain and physique, in conditions, circumstances and environment observable throughout the world, and so forth."

It should be stated that this doctrine of rebirth can neither be proved nor disproved experimentally, but it is accepted as an evidentially verifiable fact.

The cause of this *Kamma*, continues the Buddha, is *avijja* or ignorance of the Four Noble Truths. Ignorance is, therefore, the cause of birth and death; and its transmutation into knowingness or *vijja* is consequently their cessation.

The result of this analytical method is summed up in the *Paticca Samuppada*.

(to be continued...)

ENDNOTES BY TRANSLATOR:

1. BUDDHAGHOSA (P): a great Buddhist scholar, commentator and writer. Born in early 5th century A.D. near Buddha Gaya in Magadha (now in Bihar state of northeast India). Later, he was ordained and travelled to Sri Lanka about 430 and stayed at Mahavihara (great monastery) at Anuràdhapura where he spent most of his life in studying and writing. He translated Buddhist texts from Sinhalese into Pali and wrote Visuddhi Magga and other works. He returned to Magadha at the end of his life and died in Gaya (now in Bihar state of northeast India).

2. PANINI: A famed Sanskrit grammarian from ancient India. He is said to have been born in the 7th century B.C. But, other sources mentioned that he was born in the 4th century B.C.

3. HOMER: Greek epic poet of the 9th or 8th century B.C. Author of the Iliad and Odyssey.

4. PLATO: Greek philosopher (427-347 B.C.). A pupil of Socrates (469-399 B.C.) and teacher of Aristotle (384-322 B.C.). He studied with Socrates until 399 B.C., then left Athens, travelled in Egypt, Cyrene (ancient city of north Africa) and Sicily (Italy). Returned to Athens (387 B.C.) and there founded his School of Philosophy known as the Academy. His works included *Republic*, *Laws*, *Apology* (of Socrates) etc.

5. SHAKESPEARE, William (1564-1616): Famous English dramatist and poet. Born and educated at Stratford-upon Avon in Warwickshire (central England). In 1582, he married Ann Hathaway (1556-1623) and they had three children. In 1592, he established in London as actor and playwright. He wrote many plays included: *The Two Gentlemen of Verona* (1594); *Romeo and Juliet* (1595); *The Merchant of Venice* (1596) and *The Tempest* (1611) etc.

6. PASCAL, Blaise (1623-1662): French mathematician, physicist and philosopher. Mathematical prodigy as a child. Completed treatise on conic at the age of sixteen. Invented a mechanical calculator (1642-1645). His works included *Provinciales* (1656); *Pensées* (1670) etc.

7. MOZART, Wolfgang Amadeus (1756-1791): Famous Austrian composer. At the age of four, he was a child prodigy of the violin and organ; toured

NGHE KINH

*Sáng nghe giảng Phật thừa
Gió còn chơi nơi xa
Lệ đầu bỗng nhạt nhòa
Trên trang Kinh Pháp Hoa.*

*Ai bỏ lại bên đường
Bao nhiêu là cỏ rác
Trong lòng mỗi chúng sinh
Cũng hằng hà bụi cát.*

*Ngày qua và đời qua
Cứ chắt chùng sinh diệt
Tiếng ai còn rên xiết
Khi chuông mõ gọi hồn.*

*Sáng nghe một bài Kinh
Ngũ uân bỗng cựa mình
Nhang thấp hồng sám hối
Bụi tàn bay lung linh.*

thơ LÝ THỪA NGHIỆP



leading capitals of Europe with his father (1762-1766) and taught at Salzburg (west Austria) until his marriage (1784). He composed over 600 works included *The Marriage of Figaro* (1786) and *The Magic Flute* (1791) etc.

8. BEETHOVEN, Ludwig Van (1770-1827): Famous German composer, born in Bonn. Received early musical education from his father. Later, he studied with Mozart (1756-1791). Resident in Vienna (Austria) from 1792 as pianist and composer. Works included nine symphonies: *First* (1800), *third* (1804), *fifth* (1808) and *ninth* (1824). Music for theater including *Opera Fidelio* (1805) etc.

9. RAMANUJAN, Srinivasa (1887-1920): Famous Indian mathematician. He went to Cambridge (England) in 1914 where he engaged in research. He was elected to the Royal Society (1918).

SỰ SỐNG QUÝ GIÁ CỦA CON NGƯỜI

Hoang Phong

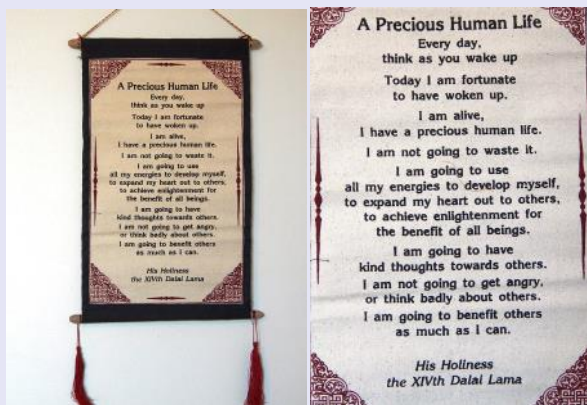
Tháng 10 năm 2014, Đức Đạt-lai Lạt-ma có một buổi thuyết giảng tại thành phố Boston trong chuyến viếng thăm Hoa kỳ. Một Phật tử Việt Nam tại đại học MIT (Massachusetts Institute of Technology) đã tham dự và trong dịp này có mua một tấm tranh treo tường ghi lại một lời giảng của Ngài gửi sang Pháp tặng tôi. Cử chỉ ấy khiến tôi không khỏi cảm động nhưng cũng không tránh khỏi một chút áy náy, bởi vì tôi chỉ quen biết người bạn trẻ này qua mạng internet thế nhưng chưa bao giờ gặp mặt.

Thiết nghĩ tôi không nên ích kỷ thừa hưởng lời dạy quý báu ấy của Đức Đạt-lai Lạt-ma bằng cách giữ tấm tranh riêng cho mình, do đó tôi cũng xin mạn phép dịch lại lời dạy ấy của Ngài nơi đây, trước hết như là để chuyển lời cảm tạ đến người tặng tấm tranh và sau đó là để cùng chia sẻ với tất cả những người bạn chưa hề được gặp mặt khắp bốn phương trời nhân dịp xuân về...

Sự sống quý giá của con người

*Mỗi ngày khi vừa thức giấc,
Hãy nghĩ rằng
May mắn thay hôm nay,
Tôi đã thức dậy,
Thấy mình vẫn còn sống,
Vẫn giữ được sự sống quý giá của con người.
Tôi nguyện sẽ không phung phí sự sống đó,
Mà sẽ tận dụng mọi sinh lực để biến cải chính tôi,
Và mở rộng tim tôi với tất cả mọi người,
Nhằm giúp tôi đạt được giác ngộ,
Hầu mang lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.
Tôi sẽ cố gắng phát động tâm từ hướng vào kẻ khác,
Sẽ không để cho bất cứ một sự giận dữ nào
có thể bùng lên trong tôi,
Cũng không nghĩ đến
những điều xấu về kẻ khác.
Với tất cả khả năng mình,
Tôi sẽ ra sức mang lại những điều tốt lành cho tất cả.*

(Lời dạy của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ XIV)



Tấm tranh treo tường do những người Tây Tạng tị nạn ở miền bắc Ấn làm ra để bán hầu làm kế sinh nhai

Mỗi ngày khi thức giấc, nếu biết nghĩ đến cái may mắn được làm thân con người thì đây cũng sẽ là cách giúp mình ý thức được là phải mang lại một chút ý nghĩa nào đó cho sự sống ấy. Cảm thấy mình may mắn được làm người và còn sống đến ngày hôm nay, trước hết là cách nói lên lòng biết ơn đối với cha mẹ mình, và sau đó là nghĩ đến món nợ mà mình phải trả cho sự sống, cho xã hội và con người nói chung. Nhà sư Long thụ, thế kỷ thứ II, có nói rằng được làm người là một việc cực kỳ hi hữu, tương tự như một con rùa lặn ngụp dưới đáy biển sâu mà khi nổi lên mặt nước mỗi 100 năm lại chui đầu vào một cái ách gỗ trôi dạt trên mặt đại dương. Kinh sách dạy rằng muốn được làm thân con người là phải hội đủ một số nghiệp lành và những điều xứng đáng trong quá khứ.

Trong cuộc sống của mình có những ngày thật bình dị nhưng cũng có những ngày thật thiêng liêng có thể gợi lên cho mình những cảm xúc sâu xa. Những ngày cuối năm đánh dấu một năm cũ sắp tàn cũng là một dịp như vậy để ta có thể lắng lòng nhìn lại suốt quãng đời quá khứ của mình mà tự hỏi xem mình đã làm được gì xứng đáng và lợi ích cho mình, cho cha mẹ mình và cho những người khác hay chăng? Những ngày Tết đang mở ra trước mặt mình một năm mới đầy hy vọng cũng là một dịp như vậy để mình nên tự hỏi xem mình sẽ phải làm gì hầu mang lại một chút ý nghĩa nào cho kiếp nhân sinh nhỏ bé này của mình.

Không bao giờ nên xem bất cứ một ngày nào trong cuộc đời mình là một ngày bình dị cả, mà mỗi ngày đều là một ngày may mắn - may mắn được làm thân con người. Sau hết cũng xin mạn phép chia sẻ thêm cùng các bạn một lời khuyên của nhà sư Tây Tạng Dilgo Khyentzé Rinpoché:

"Một khi đã hoàn toàn ý thức được giá trị của sự hiện hữu dưới thể dạng con người, thì tất chúng ta cũng sẽ hiểu rằng việc cố tình phung phí thì giờ trong các việc giải trí và chạy theo những tham vọng tầm thường, chỉ là cách mang đến cho mình một sự hoang mang tột độ mà thôi".



Dilgo Khyentzé Rinpoché (1910-1991)

*Bures-Sur-Yvette, 09.12.14
Hoang Phong*

CHỜ EM MỘNG MỊ XANH XAO

ngủ dậy trăm năm thấy bạc đầu
ngu ngơ lá úa rợn chiêm bao
một đoá trà mi đôi cánh rụng
má thắm nhân gian bỗng phai màu

ngủ dậy trăm năm thấy em chờ
tóc như mây trắng, mắt như mơ
nhân duyên muôn thuở còn hé nụ
gá nghĩa đời riêng một kiếp thơ

ngủ dậy trăm năm thấy em ngồi
vết thương trần thế vẫn chưa nguôi
Phật vẫn nghìn thu tâm rộng suốt
nghìn thu máu Chúa chảy lên ngôi

ngủ dậy trăm năm mở miệng cười
cười trong vô tận bóng thu rơi
cười lúc em về cơn nguyệt mộng
nhảy giữa điên cuồng sóng viễn khơi

ngủ dậy trăm năm chợt lạnh mình
em ngồi mong đợi với mộng mênh
ô kìa muôn thuở xanh xao đó
chờ em dưới thế bóng u linh

ngủ dậy trăm năm mắt đã mờ
tình em thấp nển rọi năm xưa
ô kìa năm tháng đôi giòong mộng
cháy giữa hồn ai tan giấc trưa

ngủ dậy trăm năm rất mơ hồ
thấy em ngồi hát, mắt băng quơ
ôi những màn sương bay rất nhẹ
điểm trang tình ái chút hư phù

ngủ dậy trăm năm thấy lại đời
thấy rằng mộng mị vẫn còn tươi
thấy em e ấp môi hàm tiếu
trong xanh xao nhớ tạ ơn người

ngủ dậy xanh xao mộng dị thường
chờ em từ độ mở càn khôn.

CŨNG VẬY

cũng vậy mùa mưa đến
màu xám bầu trời quen
gió mịt mùng khâm liệm
vũ khúc cho tình quên
cũng vậy mùa thu lạ
màu vàng bay bay lá
con đường xưa lạ người
tôi về với bóng tôi
cũng vậy trời tháng chín
trong quán âm khói xanh
ngó ra đời là biển
lờ mờ tiếng động quanh
lờ mờ tiếng động đau
nhói trong từng hồi ức
tôi cũng vậy từ lâu
cắm lăng quên giữa ngực.



TẺ

ngày qua tẻ lạnh buồn ơi
rượu không dám uống sợ người không say
năm dài tháng muộn loay hoay
biết ai tri kỷ mà bày nổi riêng.

CHIỀU SÂU CỦA VỰC THẳM VÀ ĐỈNH CAO

có thể một lúc nào đó ta té xuống
như bất kỳ người nào cũng đều phải té xuống
một vài lần trong cuộc đời mình
để mà tập tành biết nhóm dậy
vậy thì một lúc nào đó ta sẽ té xuống
và có thể là
nhờ té xuống chiều sâu của vực thẳm
mà ta biết được chiều sâu của đỉnh cao
vì chừng
có khái niệm nào rõ ràng
về chiều sâu của đỉnh cao
bằng khái niệm về chiều sâu của vực thẳm đang đưa
mà trong đó
con người đang sống?

NHÂN QUẢ

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Câu chuyện thứ nhất xin kể về ông Gandhi. Ông là một vị anh hùng của dân tộc Ấn Độ, ông đã chỉ đạo cuộc kháng chiến chống chế độ thực dân của Đế quốc Anh và giành độc lập cho Ấn Độ với sự ủng hộ nhiệt liệt của hàng triệu người dân. Ông được dân Ấn Độ gọi một cách tôn kính là "Linh hồn lớn," "Vĩ nhân," "Đại nhân" hoặc là "Thánh Gandhi."

Người ta kể chuyện là có thời ông Gandhi đi một chuyến xe lửa. Khi xe bắt đầu chuyển bánh thời ông nhảy vội vã lên tàu khiến cho một chiếc giày của ông rơi xuống đường. Ông không thể nào nhảy xuống để nhặt lại chiếc giày trong khi tàu chạy càng lúc càng nhanh. Ông bèn tháo luôn chiếc giày còn lại trong chân và ném về phía chiếc giày kia ở dưới đường. Hành khách trên tàu tỏ vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy thế và lấy làm lạ về hành động kỳ quặc của ông.

Gandhi mỉm cười và ôn tồn giải thích rằng: "Nếu có một người nghèo nào lượm được chiếc giày thứ nhất thì người đó có thể tìm thấy chiếc thứ hai và như thế là có được đủ đôi giày để đi."

Chúng ta ít khi nghĩ đến các người khác mà thông thường chỉ nghĩ về chính bản thân mình mà thôi. Khi bị mất mát thì điều đầu tiên chúng ta nghĩ đến là những thiệt thòi và bất hạnh của mình. Kể đó mất thêm nhiều thời gian nữa để nuối tiếc, than thở, rồi sinh ra chán nản. Nhiều khi trở nên bức bối và gắt gỏng nữa.

Gandhi đã có một hành động thật cao quý vì trong khi bản thân mình bị mất mát như thế, ông vẫn để tâm nghĩ đến người khác. Hành động này chứng tỏ việc nghĩ đến người khác đã trở thành một phần trong tâm tưởng và nguyên tắc sống của ông.

Nếu trong những lúc mà chúng ta được sống an bình và thành công mà chúng ta còn không quan tâm tới những kẻ bị bất hạnh hơn mình thì liệu khi gặp gian khó, mất mát, ta có thể làm được điều đó hay không? Trong xã hội, xung quanh chúng ta hàng ngày có biết bao nhiêu người thiếu thốn đang cần sự giúp đỡ. Những gì họ cần đến không nhất thiết phải luôn luôn là vật chất, nhiều khi họ chỉ cần một lời động viên an ủi. Cõi ta bà này sẽ hạnh phúc biết bao nếu mỗi chúng sinh không chỉ chăm lo cho lợi ích riêng mình mà còn chăm lo cho lợi ích của người khác nữa.

No man is worth
your tears, but
once you find one
that is, he won't
make you cry.

Dwight D. Eisenhower

meetville.com

Câu chuyện thứ hai liên quan tới vị danh tướng Dwight D. Eisenhower. Ông là một vị tướng 5 sao trong Lục quân Hoa Kỳ và là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 34 từ năm 1953 đến 1961. Trong thời Đệ nhị Thế chiến, ông phục vụ với tư cách là tư lệnh tối cao các lực lượng đồng minh tại Châu Âu, có trách nhiệm lập kế hoạch và giám sát cuộc tiến công xâm chiếm thành công vào nước Pháp và Đức năm 1944-45 từ mặt trận phía Tây.



Vào thời xa xưa đó, một hôm ông Eisenhower cùng với đoàn tùy tùng của ông vội vã lái xe về tổng hành dinh quân đội ở Pháp để tham dự một cuộc họp khẩn cấp. Lúc đó trời đang mùa đông lạnh buốt lại thêm mưa tuyết rơi phủ đầy khắp nơi. Xe đang chạy thì ông bất ngờ để ý nhìn thấy có hai vợ chồng già người Pháp ngồi ở bên lề đường đang run rẩy vì cái lạnh giá buốt. Ông lập tức ra lệnh cho đoàn tùy tùng ngừng lại và muốn phái một thông dịch viên tiếng Pháp tới hỏi thăm cặp vợ chồng này. Một viên tham mưu nhắc nhở ông là nên để cho nhân viên công lực tại địa phương lo chuyện này, phái đoàn phải đi nhanh lên vì sợ trễ cuộc họp. Ông nói nếu đợi cảnh sát địa phương tới thì sợ là quá muộn và hai người này sẽ chết công.

Sau khi hỏi thăm, ông Eisenhower biết được là họ đang muốn tới Paris để gặp con trai nhưng xe của họ bị chết máy giữa đường. Ông bảo hai vợ chồng già mau lên xe của ông. Ông không hề quan tâm đến chức phận của ông và không hề tỏ thái độ gì trước hai kẻ đang gặp nạn này. Ông chỉ theo bản tính lương thiện vốn sẵn có của ông là luôn luôn muốn giúp đỡ người hoạn nạn mà thôi. Ông liền ra lệnh thay đổi lộ trình, đưa cặp vợ chồng tới Paris trước, rồi ông và đoàn tùy tùng mới lái xe tới tổng hành dinh để dự cuộc họp.

Không ngờ chính sự chuyển hướng đi thành linh ngoài kế hoạch này đã cứu mạng ông! Quân Quốc Xã có tin tình báo nên biết chính xác hành trình của ông và đã bố trí sẵn các tay súng bắn tỉa nấp rình tại các ngã tư. Nếu ông tới thì sẽ bị hạ sát ngay chỗ đó. Nhưng hóa ra chỉ nhờ vào cái tâm lương thiện, cái lòng từ bi đã giúp ông đổi lộ trình và tránh thoát cuộc mưu sát này. Quả là tự cứu mình bằng cách giúp người khác.

*

Câu chuyện thứ ba kể về một cậu bé nhà nghèo tên là Howard Kelly. Quá nghèo nên hàng ngày cậu thường phải đến gõ cửa từng nhà để bán báo trên đường đi tới trường học của mình.

Một hôm cơn đói nổi lên thình lình, cậu thò tay vào túi thì thấy chỉ có một đồng duy nhất cuối cùng. Đồng tiền này cậu định dành lại để mua thức ăn cho mấy đứa em ở nhà. Sau vài giây phút lưỡng lự cậu quyết định đi tới ngôi nhà ở phía trước để xin chút đồ ăn. Nhưng người mở cửa cho cậu lại là một cô bé xinh đẹp và dễ thương. Cậu tỏ ra bối rối và ngại ngùng, nên cậu chỉ dám mở miệng xin một cốc nước để uống mà thôi.

Cô bé trông thấy cậu có vẻ nghèo nàn và đang

mệt là đi vì đói nên thay vì mang nước cô lại đem cho cậu một cốc sữa lớn. Cậu từ từ uống một cách ngon lành rồi mới rút rề khẽ hỏi cô gái: "Tôi nợ cô bao nhiêu?" Cô gái trả lời: "Bạn không nợ nần gì tôi cả. Mẹ tôi đã dạy là không bao giờ làm điều tốt mà còn chờ được trả công." Cậu cảm động nói: "Tôi thành thực biết ơn cô."

Sau khi rời khỏi ngôi nhà cô bé tốt bụng đó, cậu Howard Kelly không chỉ cảm thấy cơ thể khỏe khoắn trở lại mà cậu còn có lòng tin tưởng hơn vào từ tâm của con người. Điều này giúp ý chí cậu mạnh mẽ thêm lên và không chịu khuất phục số phận hẩm hiu của mình.

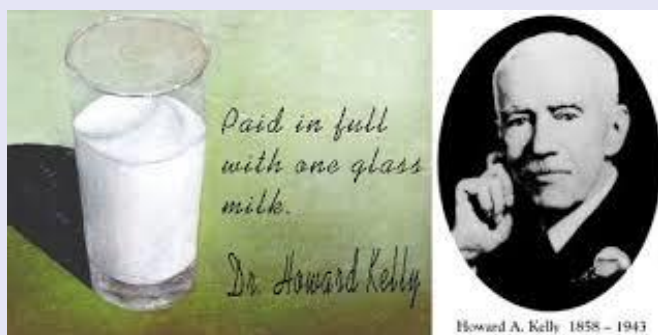
Nhiều năm sau đó, cô gái trẻ nói trên mắc phải một căn bệnh rất hiểm nghèo. Các bác sỹ tại địa phương đã cố gắng nhưng đành bó tay, không thể làm thuyên giảm bệnh. Cuối cùng họ quyết định chuyển cô lên bệnh viện thành phố nơi có nhiều chuyên gia mong chữa khỏi bệnh cho cô.

Trong số các bác sỹ được mời tới hội chẩn có một người tên là Howard Kelly. Khi nghe tới cái tên nơi quê quán của cô gái, một tia sáng chợt lóe lên trong ký ức của Kelly. Kelly vội đứng dậy, chạy xuống phòng cô gái. Bước tới gần giường bệnh ngay lập tức Kelly đã nhận ra đó chính là cô gái cho mình sữa ngày xưa xưa. Kelly quay trở lại phòng hội chẩn và đề nghị được là người phụ trách ca bệnh đó.

Kelly làm hết sức mình với một sự quan tâm đặc biệt để chữa bệnh cho cô gái. Sau một thời gian chống chọi bệnh tình cô thuyên giảm và cuối cùng là khỏi bệnh hoàn toàn.

Trước ngày cô gái xuất viện, bác sỹ Kelly đã yêu cầu nhân viên quầy thu ngân chuyển hóa đơn tới bàn giấy của mình. Kelly viết ít chữ lên trên hóa đơn trước khi nó được gửi tới phòng bệnh để trao cho cô gái.

Khi mở ra đọc cô gái thầm nghĩ rằng có lẽ cô sẽ phải ra sức làm việc cả đời mới trả hết món tiền này. Nhưng cô thật sự ngạc nhiên khi đọc thấy trên phần đầu hóa đơn đã ghi sẵn dòng chữ: "Hóa đơn đã được thanh toán bằng một ly sữa." Và người ký tên là: "Bác Sỹ Howard Kelly."



*

Câu chuyện thứ tư xảy ra tại Đại học Stanford vào năm 1892. Thời đó có một học sinh 18 tuổi gặp khó khăn trong việc trả tiền học. Là một trẻ mồ côi anh ta không biết đi nơi đâu để kiếm ra tiền, anh bèn nảy ra một sáng kiến. Anh cùng một người bạn khác quyết định tổ chức một buổi nhạc hội ngay trong khuôn viên trường để gây quỹ cho việc học.

Họ đến mời Ignacy J Paderewski, một nghệ sĩ dương cầm đại tài. Người quản lý của Paderewski yêu cầu một khoản tiền là \$2000 cho buổi biểu diễn. Sau khi họ thỏa thuận xong, hai người sinh viên bắt

tay ngay vào công việc chuẩn bị buổi trình diễn. Ngày ấy cuối cùng đã đến. Paderewski đã tới biểu diễn tại Stanford. Nhưng không may là vé không bán được hết. Sau khi tổng kết số tiền bán vé họ chỉ có được \$1600. Họ thất vọng, đến để trình bày hoàn cảnh của mình với Paderewski. Họ đưa cho ông toàn bộ số tiền bán vé, cùng với một check nợ \$400 và hứa rằng họ sẽ cố gắng trả số nợ ấy thật sớm.



Herbert Hoover

J. Paderewski

Không ngờ Paderewski lại xé bỏ tờ check, trả lại số tiền cho hai chàng thanh niên và nói: "Hãy giữ lấy 1600 đô này, sau khi trừ hết tất cả các chi phí cho buổi biểu diễn còn bao nhiêu các cậu cứ giữ lấy cho việc học. Còn dư bao nhiêu nữa thì mới đưa cho tôi." Hai chàng thanh niên vô cùng bất ngờ, xúc động nói lời cảm ơn...

Đây chỉ là một việc nhỏ, nhưng đã chứng minh được nhân cách tuyệt vời của Paderewski. Ông giúp hai người mà ông ấy không hề quen biết. Trong cuộc sống hầu hết chúng ta đều nghĩ: "Nếu giúp họ, chúng ta sẽ được gì?" Nhưng những người vĩ đại lại nghĩ khác: "Nếu mình không giúp họ, điều gì sẽ xảy ra với những con người đang gặp gian khó này?" Người có từ tâm giúp ai không mong đợi sự đền đáp và chỉ nghĩ đó là việc nên làm mà thôi.

Người nghệ sĩ dương cầm tốt bụng Paderewski nói trên sau này trở thành Thủ Tướng của nước Ba Lan. Ông là một vị lãnh đạo tài năng. Không may chiến tranh thế giới bùng nổ và đất nước của ông bị tàn phá nặng nề. Hơn một triệu rưỡi người dân đang bị chết đói. Chính phủ của ông không còn tiền. Không biết đi đâu để tìm sự giúp đỡ ông bèn đến Cơ Quan Cứu Trợ Lương Thực Hoa Kỳ để nhờ trợ giúp.

Người đứng đầu cơ quan đó chính là Herbert Hoover, người sau này trở thành Tổng Thống thứ 31 của Hoa Kỳ. Ông Hoover đồng ý giúp đỡ và nhanh chóng gửi hàng tấn lương thực để cứu giúp những người Ba Lan đang bị đói khát ấy. Cuối cùng thì thảm họa cũng đã được ngăn chặn.

Thủ Tướng Paderewski lúc bấy giờ mới cảm thấy thoải mái. Ông bèn quyết định đi sang Hoa Kỳ để tự mình cảm ơn ông Hoover. Thế nhưng khi Paderewski chuẩn bị nói câu cảm ơn thì ông Hoover vội cắt ngang và nói: "Ngài không cần phải cảm ơn tôi đâu. Có lẽ ngài không còn nhớ, nhưng vài năm trước, ngài có giúp đỡ hai cậu sinh viên trẻ tuổi ở bên Mỹ được tiếp tục đi học, và tôi là một trong hai chàng sinh viên đó đấy."

*

Thế giới này quả là một nơi tuyệt vời. Bạn cho đi thứ gì thì sẽ nhận được những điều tốt đẹp đáp lại! (*The world is a wonderful place. What goes around comes around!*)

Người ta cũng còn nhớ ông Winston Churchill từng nói đại ý rằng chúng ta sinh sống bằng những

gì chúng ta kiếm được, nhưng chúng ta tạo lập đời mình bằng chính những gì mà chúng ta bố thí. Sống trên đời phải có một chút gì cho đi. Một chút đó chính là cái mình cố gắng (*We make a living by what we get, but we make a life by what we give.*)

Quả thật Đức Phật đã từng khuyến dạy chúng sinh là hãy chăm tu tập “*Tứ Vô Lượng Tâm*,” tức là “bốn môn tâm rộng lớn không lường được,” đó là các tâm “*Từ, Bi, Hỷ, Xá*.” Riêng tâm “*Từ*” là khả năng hiển tặng niềm vui cho tha nhân, cho người khác, lòng lành giúp ích cho người, lòng thương yêu, chúng sinh, lòng mong ước cho tất cả chúng sinh đều được an lành vui vẻ.

Tâm từ không phải là sự yêu thương thiên về xác thịt, về tình dục, cũng không phải là lòng triu mến vị kỷ, lòng luyến ái đối với riêng người nào. Tâm từ không phân biệt kẻ thân người sơ, không dành riêng cho tình đồng chí, đồng chủng, cũng không dành riêng cho tình đồng hương hay đồng đạo. Hơn nữa tâm từ không phải chỉ nên có giữa người và người mà phải bao trùm tất cả chúng sinh, bởi vì, loài cầm thú cũng cần đến sự giúp đỡ và tình thương.

Nói tóm lại, tâm từ bao la, rộng rãi, trải ra đồng đều, không còn sự khác biệt giữa mình và người. Cái gọi là “ta” không còn nữa. Mọi sự chia rẽ đều biến mất như đám sương mù tan trong nắng sáng. Vạn vật trở thành một, đồng thể, đồng nhất.

“*Kinh Pháp Cú*” cũng nói đến “*Luật Nhân Quả*.” “*Nhân*” nghĩa là nguyên nhân, là hạt, tức hạt giống sinh ra một vật hữu hình hay là sức mạnh sinh ra một vật vô hình. “*Quả*” là kết quả, là trái, tức là kết quả hữu hình hoặc vô hình của một hạt đã gieo trồng. Nhân là năng lực phát động, quả là sự hình thành của năng lực phát động ấy. Nhân và quả là hai trạng thái tiếp nối nhau mà có. Nếu không có nhân thì không có quả, nếu không có quả thì không có nhân. Định luật hiển nhiên này mọi người đều nhận thấy. Định luật nhân quả liên tục kéo dài vô cùng tận, như những lượn sóng nhấp nhô trên mặt đại dương.

Theo “*Luật Nhân Quả*,” một khi đã làm lành, đã hành động thiện, thời quả lành sẽ chờ đợi chúng ta.

(Pháp Cú 68)

*Việc làm rất thiện, rất lành
Nếu làm xong thấy lòng mình thành thoi
Chẳng ăn năn, lại mừng vui
Tương lai quả báo đẹp tươi tốt lành.*

Khi đã làm lành, đã tạo các nghiệp hiền thiện, người ta có quyền thốt lên nỗi niềm sung sướng an vui khi nhìn thấy kết quả tốt của nghiệp thiện mà mình tạo ra. Một người từng có tâm đạo nhiệt thành và có đời sống đạo hạnh. Ông thường hay bố thí, lại hay dựng thực phẩm và cúng dường các vật dụng cần thiết cho chư Tăng. Các con ông tất cả đều giống tính cha, biết giữ gìn giới đức và chăm lo bố thí. Khi đang hấp hối trên giường, ông thỏa thích nhìn thấy những cảnh trạng hạnh phúc. Sau khi trút hơi thở cuối cùng một cách an vui người ấy tái sinh vào nhàn cảnh. Đức Phật dạy kẻ làm phước, làm thiện sẽ được an vui trong kiếp này và kiếp sau, suốt hai kiếp đều an vui. Cả hai đời hạnh phúc vì đã tạo phước, và còn hạnh phúc hơn nữa khi kiếp sau được sinh vào cõi lành.

(Pháp Cú 16)

*Vui mừng ngay ở kiếp này
Kiếp sau cũng lại tràn đầy mừng vui:
Người làm điều thiện ở đời*

CỎ VÀ ĐẤT

*Loài cỏ bệnh ủa tàn thân xác
Đã gây hao từ gốc rễ cần khô
Chắc tại nắng, tại mưa, tại bao điều khác
Nằm co ro đợi chết đến giờ*

*Thương lòng cỏ ta cầm lên nắm đất
Phủ lên phần cỏ ủa hư hao
Rồi tưới tắm, rồi ân cần chăm sóc
Ban tình thương an ủi phần nào*

*Đất mền cỏ và ngàn năm vẫn mền
Nguyện suốt đời ban rải tình thương
Dẫu có lúc đất khô cần cỗi
Vẫn yêu thương cỏ ủa ven đường*

*Thương tất cả và bỏ qua tất cả
Để bao dung, để gần gũi lẫn nhau
Và như đất thương hoài cỏ ủa
Mặt trời lên từ phía... tôi màu.*



Hàn Long Ân

*Thấy chân hạnh phúc khắp nơi theo mình
Quay nhìn việc thiện tạo thành
Sống vui dào dạt, an lành chứa chan.*

Muốn cho niềm an vui tồn tại lâu dài, muốn nuôi dưỡng thiện nghiệp, người trí cần hướng thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp về các việc lành. Người trí chẳng những lo kiểm soát Thân mà còn lo điều phục, bảo vệ Tâm và Ý nữa:

(Pháp Cú 18)

*Đầy tràn vui sướng kiếp này
Sống vui cũng lại tràn đầy kiếp sau:
Người làm nghiệp thiện vui sao
Nhủ lòng: “Mình tạo biết bao phước lành!”
Kiếp sau sẽ được tái sinh
Vào nơi hạnh phúc an bình chứa chan.*

Các câu chuyện về các nhân vật có thật trong xã hội được kể ở trên quả thật một lần nữa khiến chúng ta thấm thía về những lời dạy vàng ngọc của Đức Phật về “*Nhân*” và “*Quả*.”

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(12 - 2014)

Sóng mắt khuyển thành

THÍCH NỮ NHƯ THỦY

Xưa có một cô gái mù, nghèo nàn, xấu xí tên gọi là Mai. Đến tuổi dậy thì Mai không ngớt than khóc cầu trời khẩn Phật, ước ao sao cho được sáng mắt để làm lung nuôi thân.

Tiếng than thở của cô làm động lòng một cô tiên nhỏ trên thượng giới. Cô tiên nghĩ thầm: "Thật là bất công khi để cho một mình cô gái này chịu đến mấy tai họa, mình mà không ra tay giúp thì còn ai trông khoai đất này."

Một hôm thừa dịp các bà tiên lớn ngủ say, nàng tiên bé bỏng liền ăn cắp chiếc đĩa thần vội vã bay xuống trần và gõ lên đầu cô gái xấu số... xong cô tiên cũng vội vã bay về thượng giới lòng vui khôn tả xiết.

Việc đầu tiên của Mai khi sáng mắt là hối hả chạy ra bờ suối để soi mặt. Thấy khuôn mặt xấu xí của mình lung linh qua ánh nước, Mai lại khóc nức nở, vật vã than trách:

- Cô tiên nào ác thì thôi! Cho tôi sáng mắt làm chi để thấy cái bản mặt xấu xí thế này. Hu hu, thà chết quách cho rồi còn sướng hơn.

Cô tiên bé bỏng điếng hồn, cô không hồn dỗi khi nghe những lời vong ân bội nghĩa của Mai. Cô chỉ sợ nàng Mai nhay xuống suối tự vẫn thì các nàng tiên lớn sẽ khám phá ra hành động nhanh nhẩu đoán của cô. Cô tiên ngấm nghĩ:

- Cô ta than khóc cũng phải. Nếu gương mặt mình mà xấu như cô ấy thì có lẽ mình cũng sẽ than khóc suốt ngày. Thôi, thì làm ơn cho trót... trước sau gì người lớn cũng biết chuyện này thôi kia mà.

Và nàng tiên thơ ngây lại vùng đĩa thần lên. Mai liền biến thành một thiếu nữ khá mạo mà sống bằng nghề gánh nước mướn.

Như một nghệ sĩ lưu tâm đến tác phẩm nghệ thuật của mình, nàng tiên bé bỏng cũng vén mây theo dõi đời sống của Mai bằng tất cả tấm lòng từ ái. Cô xót xa không ít khi thấy Mai nhìn ăn nhìn uống, không dám mua gạo mà lại để dành tiền mua dưa chuột, cà chua... đắp mặt cho nó mịn màng... Xót

xa cả ruột, cô tiên lại vùng chiếc đĩa thần lần nữa... Mai liền có một làn da đẹp như hoa đào.

Lần này Mai vẫn nhìn ăn để mua quần áo, giày dép và đồ trang sức... Cô tiên lại cảm thấy chạnh lòng, cô liền đánh cắp chiếc đĩa thần lần nữa... nàng Mai liền biến thành một tiểu thư sành vàng lá ngọc, lược giắt trăm cài, quần là áo lượt, nhiều không biết cơ man nào mà kể, không phải làm lung mà vẫn có ăn. Mai dành hết thì giờ cho việc trang điểm trau chuốt. Suốt ngày cô ngồi trước gương để tô lục chuốt hồng. Chuyện mới lạ hơn là Mai này ra ý định kén chồng... Lần này khỏi cần sự trợ giúp của đĩa thần nữa, cái nhan sắc yêu kiều, tuổi trẻ cùng một gia tài kếch sù đã giúp Mai kén chọn được một người bạn trăm năm ưng ý: một thanh niên đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi. Cô tiên an lòng, mỉm một nụ cười hiền hậu rồi chấp cánh bay về thượng giới.

Đến cổng nhà trời, cô gặp bà tiên trưởng nhìn cô một cách nghiêm khắc. Cô tiên không hề nao núng. Việc làm của cô tuy có sai nguyên tắc thật, nhưng mọi việc há chẳng tốt đẹp, xuôi chèo mát mái đó sao? Một thiếu nữ tàn tật xấu xí nghèo nàn nay đã trở thành một mệnh phụ phu nhân yêu kiều, sang giàu tốt bụng... mà chẳng tốn hao công của gì của trần gian hết... Nếu bà tiên già cho phép, cô tiên bé bỏng sẽ chẳng hề ngại lao ngọc mang đĩa thần xuống hạ giới, giúp cho thế nhân người nào cũng cầu được ước thấy cả... rồi cõi hồng trần sẽ hóa ra miền tiên cảnh cho mà xem...

Như đọc được luồng tư tưởng của cô bé tiên ngây thơ, bà tiên già lạnh lùng lật đôi kính trắng trao cho cô bé. Qua cặp kính cô sẽ nhìn thấy tương lai của nàng Mai. Không đợi bà tiên ra lệnh, cô tiên bé nhỏ vội vã mang kính vào... Người đàn bà vô hạnh lại có nhan sắc khuyển thành đã gây không biết bao nhiêu là điều rắc rối cho trần thế... Mai thay chồng như thay áo, con cái vất vả... Cô tiên nhỏ bỗng òa lên khóc, những giọt lệ

tiên lóng lánh như hạt trân châu lăn tròn trên đôi má bầu bĩnh. Nàng Mai đang xui chồng— người chồng thứ mười bảy này là một tướng lãnh quân phiệt—mở cuộc xâm lăng quân tranh nước láng giềng vì nghe đầu ông vua nước này bảo rằng bà hoàng hậu của ông là một giai nhân vừa đẹp người vừa tốt nét hơn hẳn nàng Mai gấp bội. Hai nước đang chuẩn bị chiến tranh, lệnh tổng động viên ban hành, các trưởng học đều đóng cửa... Cô tiên nhỏ không còn thấy gì nữa, lệ trào tuôn như suối làm nhòe cặp kính. Bà tiên già lại lạnh lùng vùng chiếc đĩa thần lên và ra lệnh cho cô tiên lau sạch nước mắt. Nàng Mai trở lại nguyên hình như cũ. Một cô gái mù xấu xí đang ngồi than thở trong chòi tranh đột nát. Tất cả giống hệt như thuở ban đầu có khác chẳng là những điều vừa xảy ra kỳ diệu quá... khiến cô gái không thể nào chấp nhận được sự thực phũ phàng... cô hóa điên từ đó.

Sau khi sự vụ của nàng Mai xảy ra, Thượng đế bèn ban sắc lệnh cấm chỉ chư tiên giao tiếp với người trần. Ý của đấng tối cao muốn rằng mọi việc phải diễn tiến bình thường. Phép lạ mà đem trình diễn ở cõi hồng trần thì chỉ đem lại những hậu quả bất bình thường mà thôi. Vì thế mà ngày hôm nay chúng ta không có được chiêm ngưỡng dung nhan một nàng tiên nào hết. Chư tiên mà có giáng trần thì cũng vút hết đĩa ngọc và cánh đi, cũng đổ mồ hôi sôi nước mắt hết như chúng ta - những con người phàm phu tục tử vậy.

Và trên đường đời, nếu gặp phải một cô gái xấu nét nào có sắc đẹp khuyển thành, người ta lại ngỡ rằng đó là tác phẩm hư hỏng của một cô tiên bé nhỏ nào đó. Nhưng may mắn là những người đẹp thường chóng già hoặc chết sớm, nên cõi hồng trần này sau những ngày gió mưa giông bão, mây giông đen ngịt... vẫn còn có khối ngày trời xanh nắng ấm, gió mát trăng thanh... nữa là!



Tâm Tín hay Tâm Tưởng?

Ni Sư THÍCH NỮ TRÍ HẢI

(Chuyện tái sinh do Ni Sư Trí Hải thuật)

Vào khoảng năm 1978, chùa chúng tôi xảy ra một biến cố làm cho tất cả mọi người có thêm kinh nghiệm rùng rợn về tái sinh và nghiệp báo. Nếu biến cố này xảy ra trước 75 thì chắc chắn những tờ nhật báo tha hồ khai thác để làm tiền thiên hạ, và chùa chúng tôi cũng sẽ bị ảnh hưởng không ít vì cái cảnh đập diều tài tử giai nhân đua nhau tới chùa tìm hiểu sự vụ hồng kiếm chứng những lời tường thuật của báo chí. Nhưng vì sự cố đã xảy ra vào một thời rất căng cho các chùa chiến, thêm nữa chùa chúng tôi ở nơi thật hẻo lánh trên núi thì còn ai biết được một sự cố hi hữu đã xảy đến.

Đường sự hiện nay là một ni cô đã ngoài ba mươi, tốt nghiệp đại học và đang ở Sài Gòn để theo cao học. Một hôm về thăm chốn tổ - chùa Trúc Lâm - chúng tôi gặp nhau và nhân lúc cao hứng y đã kể lại chuyện đời của y cho tôi nghe.

Tâm Tưởng - pháp danh cô bé mới mới vào chùa - trước kia vào khoảng 1978, là một nữ sinh viên đại học Sư phạm Huế sắp ra trường. Cả gia đình y không ai biết đạo Phật là cái gì cả. Y đang lưu trú trong cư xá của đại học vì nhà ở tận dưới quê xa. Một hôm y về thăm nhà, ở lại trong căn phòng nhỏ, thức đêm ôn bài cho kỳ thi tốt nghiệp sắp tới. Giữa khuya, thình lình có một con rắn lớn bò qua cửa sổ vào phòng. Y hét lên, đánh thức cả nhà. Cha y đang ngủ nhóm dậy, cầm cây then cửa phóng về hướng con rắn và lập tức đập nó chết. Không lâu sau đó, ông tự nhiên bỏ ăn bỏ uống, nằm dài suốt ngày này qua tháng khác, thân hình mỗi lúc một tiêu tụy. Chở đi bệnh viện thì bác sĩ không khám phá ra được bệnh gì, đành về nhà nằm tiếp. Cô gái trở lại đại học xá, đang học thi thì bỗng được tin cha chết. Cô chạy như bay về nhà, vào lúc giữa trưa đứng bóng. Cô chạy ngay giữa đường xe hơi nhưng kỳ lạ thay, không bị một chiếc ngạ gì suốt cả quãng

đường dài gần 20 cây số. Người cha đã được khâm liệm bỏ vào quan tài, khăn kín mít chỉ chờ cô về để đưa ma vì phải làm theo giờ giấc mà ông thầy coi lịch số đã định.

Cô gái hùng hổ từ ngoài chạy vào nhà, gạt tất cả mọi người ra mà đâm bổ vào nơi đặt quan tài cha. Đến nơi, cô dùng hai tay trần bứt tất cả giấy nịt quan tài, mở tung cái nắp hòm, moi vớt ra mọi vật dụng tẩm liệm rườm rà phủ trên xác chết cho đến khi lộ gương mặt thầy ma. Rồi cô dùng 10 ngón tay cào cấu gương mặt ấy cho rách nát xong chạy ra giữa đường cười ha hả la lên: "Ta đã trả được mối thù! Ta đã trả được cả hai mối thù!"

Mọi người quá bất ngờ không kịp phản ứng vì cứ ngỡ cô gái thương cha muốn tới gần quan tài để khóc lóc cho hả. Đến khi cô làm mọi sự nói trên một cách chớp nhoáng, họ không kịp trở tay và vô cùng kinh ngạc trước sức mạnh phi thường của cô gái đang bị quỷ nhập. Nhiều người đàn ông lực lưỡng xông vào can ngăn nhưng đều bị gạt cho té nhào. Sau đó hồn ma ứng vào miệng cô để đọc lên một bài



thơ dài, theo đó người ta được biết câu chuyện đại khái như sau:

Nguyên kiếp trước cô là một người đàn ông có vợ; người đàn ông này ngoại tình và lại còn về giết vợ. Người vợ chết trong tâm trạng uất hận nên đã tái sinh làm con rắn, còn người đàn ông (có lẽ do nghiệp ngoại tình) tái sinh làm cô gái trong đời hiện tại. (Thảo nào gương mặt cô bé do ấn tượng tiền kiếp vừa qua, không mang vẻ nữ tính cho lắm). Con rắn bò vào nhà toan mổ cô gái để trả mối thù xưa, thì lại bị cha cô đánh chết. Thần thức của người đàn bà bị tình phụ kiếp trước - tức của con rắn bị giết kiếp này - đã nhập vào cô con gái, bắt cô phải cào nát mặt cha cô.

Khi tỉnh dậy nghe thuật lại những gì mình đã làm, cô gái vô cùng đau khổ. Gia đình cô cũng từ đấy càng ngày càng sa sút. Hồn ma báo oán không những nhập vào cô gái làm cô khi tỉnh khi say mà còn khiến tất cả các thành viên trong gia đình cũng trở nên dờ dờ ương ương từ ngày cha cô chết. Đôi khi vào những ngày "thất thất trai tuần" của người cha, vị thầy đang tụng kinh phải rớt ốc vì tiếng cười rùng rợn của tất cả mọi người trong gia đình đang quỷ sau lưng.

Cô gái bỏ học, về nhà thức suốt ba đêm thắp hương giữa trời cầu khẩn vị nào có phép thần thông (cô chưa hề biết Phật) xin hãy giải mỗi oan khiến nghiệp chướng cho cô. Lời cầu nguyện của cô đã cảm đến một vị thiền sư trong cõi vô sắc. Vị ấy nhập vào xác cô gái bắt người anh phải đưa cô lên chùa Trúc Lâm xin Hòa thượng thể phát quy y. Trong nhà không ai biết đến chùa và Hòa thượng, nhưng cô gái cương quyết bảo người anh cứ theo cô là được. Nói xong cô gái lỏ người anh chạy như bay giữa đường trường gần 20 cây số lên tới chùa Trúc Lâm.

Tới nơi trong khi người anh sụp lạy Hòa thượng trụ trì như tế sao, xin Hòa thượng cứu cho em gái, thì cô gái cứ đứng sừng sững ngang nhiên nhìn Hòa thượng mà mỉm cười. Hòa thượng quắc mắt



nhìn cô gái, quát lên: - "Quy xuống".

Hồn ma trong xác cô vẫn không quy phục, cứ nhìn chăm chập vào Hòa thượng mà cười ngạo nghễ. Khi Hòa thượng rút con roi bằng gỗ dâu sắp giáng lên người cô gái và quát lần thứ hai "quy xuống" thì cô gái mới từ từ quy xuống, nhưng vẫn nhìn Hòa thượng mà mỉm cười nói: - "Vì muốn độ cho nữ này mà tôi phải quy trước sư đệ".

Theo những gì xác cô gái nói, thì đây là một thiền sư (mang một cái tên bằng tiếng Phạn) đã viên tịch 200 năm, hiện trú cõi vô sắc, vì cảm lời cầu khẩn của cô gái nên muốn giúp cô ta đi tu để giải thoát oan nghiệp nhiều đời giữa cô và con rắn. Theo vị thiền sư thì giữa đời bên đã có oan nghiệp từ 500 năm chứ không phải mới đời trước và đời này. Thiền sư yêu cầu Hòa thượng độ cho cô gái xuất gia. Hòa thượng bèn gửi cô gái qua chùa ni bên cạnh cho sư trưởng tôi dạy bảo. Khi tỉnh cô gái sinh hoạt rất bình thường và tuyệt nhiên không nhớ được điều gì đã xảy ra trong khi vị thiền sư mượn xác cô để nói chuyện với Hòa thượng. Cũng do áp lực vô hình của vị thiền sư, cô lên trường đại học Sư phạm nhiều lần xin nghỉ học để xuất gia, nhưng nhà trường không chấp thuận. Cuối cùng một chuyện kỳ lạ xảy đến làm cho bạn bè và nhà trường phải chấp thuận cho cô nghỉ học vì lý do bệnh thần kinh. Mỗi lần bước vào cổng trường là cô tự nhiên bị câm không thể nói một tiếng nào cho đến khi ra khỏi cổng. Nhiều lần như vậy trước sự chứng kiến của những nhân viên trong trường, nên họ phải làm chứng cho cô được nghỉ học vì bệnh điên. Trở về chùa, cô gái

hành điều như tất cả những người tập sư xuất gia khác, nhưng thỉnh thoảng cô lại bị oan hồn con rắn (mà cũng là bạn đời trong kiếp trước) nhập vào xác để quấy nhiễu, trách móc về chuyện không lo tu hành, có tư tưởng xấu, muốn bỏ về nhà. Mỗi lần như vậy xác cô gái lại bị một trận đòn nhừ tử của sư trưởng tôi. Một hôm sau khi bị đòn, cô gái khóc lóc đến quy trước sư trưởng mà bạch:

- Bạch sư trưởng, sư trưởng đánh con oan ức lắm. Y có ý nghĩ thối lui về nhà không muốn tu, nên con mới phá y. Con chỉ muốn cho y tu hành để giải oan nghiệp giữa con và y mà thôi.

Sư trưởng tôi bảo hồn ma: - Bây giờ ta quy y cho người. Hãy theo Phật, đừng theo nó nữa, người chịu không?

- Dạ, dạ, thế thì tốt lắm, bạch sư trưởng. (Hồn ma có vẻ mừng rỡ, mượn xác cô gái để bày tỏ sự cảm ơn). Xin sư trưởng quy y cho con luôn.

Sư trưởng tôi làm phép thọ tam quy y cho cả cô gái lẫn hồn ma đang mượn xác cô. Hồn ma được pháp danh Tâm Tín, còn cô gái pháp danh là Tâm Tướng. Từ đây cô gái được yên ổn tu hành không bị quấy nhiễu.

Bằng đi một đạo khá lâu, bỗng một đêm kia, sau giờ "chỉ tịnh" (khoảng 9 giờ tối, giờ mà tất cả tu sĩ trong chùa đều leo lên bồ đoàn để tọa thiền niệm Phật trước khi nằm xuống ngủ), cô gái xồng xộc chạy vào "liều" của sư trưởng trong khi người đang nhập thiền. Người quát hỏi: - Ai đó? Tâm Tín hay Tâm Tướng?

Cô gái trả lời ngay: - "Dạ con là Tâm Tín".

Cô bé thị giả đang hầu quạt cho sư trưởng (vì lúc đó vào mùa an cư thời trời khá nóng nực) nghe mà ớn lạnh toàn thân, cả mình rớn ốc. Sư trưởng bình tĩnh dạy:

- Ta đã bảo người hãy để yên cho nó tu, sao cứ theo nó hoài? Người còn muốn theo nó tới bao giờ nữa? Có phải như vậy là cả người lẫn nó cùng khổ cả không?

Hồn ma tỏ lộ sự vui vẻ, nói qua xác cô gái:

- Dạ, dạ bạch sư trưởng, con không theo nó nữa! Con chỉ muốn đến báo cho sư trưởng một tin mừng là con đã tìm được chốn đầu thai. Xin cảm tạ sư trưởng!

Nói xong cô gái chạy về chỗ ở dành cho chúng đệ, và từ đó hồn ma không bao giờ trở lại.

Nghe xong chuyện ni cô kể (khi kể chuyện này thì cô gái đã là một tỷ kheo ni trong đạo) tôi cũng cố được vài kinh nghiệm bổ ích cho việc tu hành. Trước hết là tính cách giả dối tạm thời của giới tính như nam hoặc nữ và của sinh vật như người hay súc sinh. Khi bị vô minh làm mờ ám thì người nam si mê người nữ và ngược lại, mà không ý thức được rằng hai yếu tố nam, nữ không có gì là chắc thực cố định. Mỗi người qua quá trình luân chuyển, ai cũng đã vô số lần khi mang thân người nam, khi khoác lột người nữ, cho nên hai thứ mặc cảm tự tôn (khi mang thân nam nhi) và tự ti (khi khoác hình hài nữ nhân) đều vô lối; lại nữa bản chất mỗi người đều có đủ cả hai yếu tố nam nữ không ai thiếu ai. Chính cái cảm giác thiếu thốn tưởng tượng ấy đã đẻ ra vô số vấn đề xã hội và tâm lý.

Thứ hai, chẳng những nam nữ là huyền hóa mà người và súc sinh cũng thay nhau như bốn. Ta không thể quyết chắc mình sẽ được mãi mãi làm người. Nếu vô tình nổi một niệm sân si trước khi chết là ta có thể thác sinh làm rắn rất như chơi. Tỉ như người đàn bà bị phụ tình đời trước, vì chết trong cơn tức tối mà đã tái sinh làm thân rắn trong đời này, bất kể oan hay ứng. Vậy thì điều cốt yếu là đừng nên thù hiềm bất cứ ai, vì sẽ rất hiểm cho chính bản thân mình.

Nên trong kinh Di Giáo đức Phật có dạy: "Nếu ai cắt xẻ thân thể người ra từng mảng từng đoạn, cũng đừng vì thế mà ôm lòng giận dữ." Lay Phật! Mong sao cho tất cả mọi người đều ý thức được hạnh phúc hiếm có mình đang hưởng (là được tái sinh làm thân người) để lo tu học theo chánh pháp, không bỏ lỡ dịp may hiếm có này.

(Trích nội san Tuệ Uyển, số 4, tháng 07/95
Phật tử Minh Lâm đánh máy lại)



THIỆN VÀ ÁC

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



Thưa Anh Chị Em Huynh Trưởng bốn phương,

Vấn đề quan tâm hàng đầu của chúng ta bao giờ cũng là vấn đề giáo dục; vì vậy, tự tu học và hướng dẫn các em tu học luôn là câu chuyện muôn đời của người Huynh trưởng GDPT.

Thêm vào đó, người HTR. GDPT không bị ràng buộc bởi một pháp môn tu nào, một tông phái nào, miễn là hướng về mục đích, tôn chỉ Phật Pháp, những điều cốt lõi của Lời Phật dạy. Thế cho nên người HTR. GDPT dù lớn tuổi hay trẻ tuổi, dù là Huynh trưởng Lộc Uyển, hay Vạn Hạnh đều cần lấy mấy câu đầu tiên của Kinh Pháp Cú làm kim chỉ nam:

**Tránh tất cả các việc ác
Làm tất cả các việc thiện
Giữ tâm ý trong sạch
Đó là lời dạy của chư Phật.**

Thưa Anh Chị Em,

Thế nhưng khi đi vào định nghĩa THIÊN và ÁC (BẤT THIÊN) thì lại có vấn đề! Đó chính là nguyên nhân chia ra thành nhiều tông phái Phật giáo khác nhau, vì một nhóm người đồng ý với định nghĩa này mà nhóm kia không chấp nhận, họ chọn một định nghĩa khác, hình thành một tông phái khác phù hợp với định nghĩa của mình v.v... GDPT chúng ta không bị ràng buộc bởi những định nghĩa nên không phủ nhận hay thừa nhận những hình thức nghi lễ thể gian của các tông phái, cho nên thoát ra được, đứng ngoài các tông phái, chúng ta không phân biệt chùa nào là của Nam tông, của Bắc Tông, của Thiền Tào Động, hay của Nhật liên tông, v.v... Chúng ta tôn trọng tất cả tôn chỉ của họ, vì chúng ta có định nghĩa về Thiện và Ác (Bất thiện) theo Pháp (Dhamma) – nghĩa là theo Quy Luật Chung của Tự Nhiên.

**Bất cứ hành động nào làm
hại người khác, khuấy rối sự an
lạc, hài hòa của người khác là
bất thiện, là xấu ác.**

Bất cứ hành động nào giúp

**ích cho người khác, mang lại
an lạc, hài hòa cho người
khác là thiện, là tốt lành.**

Vì theo qui luật tự nhiên, trước khi chúng ta có thể làm những việc có hại cho người khác, tâm chúng ta phải chứa những phiền não như ganh ghét, nóng giận, sợ hãi, thù oán, v.v... và mỗi khi trong tâm phát khởi lên những phiền não như vậy thì chúng ta trở nên đau khổ, chúng ta phải sống trong “địa ngục nội tâm” – nghĩa là mình tự dựng lên một địa ngục ngay trong lòng mình, trong tâm trí mình.

Tương tự như thế, chúng ta không thể làm những việc giúp ích cho người khác nếu trước đó tâm chúng ta không phát khởi tình thương, thiện chí, lòng từ bi... Tâm này được gọi là Tâm thanh tịnh. Như vậy, ngay khi chúng ta phát triển được những phẩm chất tốt đẹp của một Tâm thanh tịnh thì chúng ta đã bắt đầu hưởng được một “thiên đường an lạc nội tâm”; điều đó có nghĩa: thiên đường hay địa ngục cũng ở ngay trong TÂM của chúng ta mà thôi. Và kết luận tất nhiên mà chúng ta suy ra được là: **Khi chúng ta giúp đỡ người khác, chúng ta đã đồng thời tự giúp mình; ngược lại, khi chúng ta làm hại ai,**

chúng ta đồng thời làm hại chính mình; đây chính là Pháp (Dhamma), là chân lý, là quy luật tự nhiên.

Con đường của Dhamma được gọi là Bát Thánh Đạo, nghĩa là ai tu tập theo đường lối này, thì sẽ trở nên thánh thiện, sẽ trở thành một Thánh nhân. Con đường này gồm có 3 phần: **Giới (Sila), Định (Samadhi) và Tuệ (Prajñā)**. **Giới** giúp chúng ta tránh những lời nói và hành động bất thiện, thực hành những việc thiện, lành; **Định** giúp chúng ta làm chủ được Tâm và **Tuệ** giúp thanh lọc tâm ý.

Ba mục thuộc về **GIỚI** trong Bát Thánh Đạo là: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

Ba mục thuộc về **ĐỊNH** là: Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Hai mục thuộc về **TUỆ** là: Chánh Kiến và Chánh Tư Duy.

Đây là nội dung bài Bát Thánh Đạo trong chương trình tu học của ACE Huynh trưởng và đoàn sinh GDPT nên rất quen thuộc rồi, không cần khai triển.

Tuy nhiên, phần thực hành vẫn là rất quan trọng!

Rất mong Anh Chị Em chúng ta lưu tâm!

Trân trọng,
BBT





BỒI DƯỠNG TÂM

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Có một vị Thầy nói rằng con người ta ở đời đua nhau làm những việc ít quan trọng, còn việc tối quan trọng thì lại lơ là! Chúng ta hãy suy nghĩ xem vị này nói có đúng không và nếu đúng, chúng ta phải điều chỉnh thái độ sống của chúng ta!

Thưa Anh Chị Em,
Nói một cách nôm na đơn giản, đời người có 3 việc: ăn, uống và thở.

Có phải chúng ta đã chạy theo việc ăn quá nhiều hay không? Trên miệng mọi người, trong lòng mọi người, hai chữ “kiếm sống” luôn xuất hiện và ám ảnh, cho nên hai chữ “thất nghiệp” hay “mất việc” là cái mà mọi người lo sợ nhất, còn hơn là ốm đau hay chết chóc. Còn nữa, nghe nói sắp có bão lụt là bắt đầu chạy đi mua thức ăn về dự trữ, đến nỗi chợ cũng hết thức ăn luôn (điều này không phải là thói quen của tất cả mọi người trên thế giới mà chỉ là thói quen của người Việt nam thôi!).

Uống cũng vậy. Chưa có bao giờ chúng ta thấy được nhiều thứ phục vụ giải khát bằng bây giờ! Thôi thì đủ các loại nước uống, từ nước suối, nước trong, cho đến nước ngọt, đủ loại, đủ cỡ, không thiếu thứ gì!

Còn thở thì sao? Ai cũng biết hơi thở quan trọng như thế nào; vì trong chúng ta, ai cũng có thể nhịn ăn, nhịn uống trong một vài ngày không chết nhưng không ai có thể nhịn thở được; một hơi thở

ra không vào hay một hơi thở vào không ra là mạng sống kết thúc! (Tất nhiên là trừ trường hợp những vị thiên sư hay những người có khả năng đặc biệt, ví dụ có thể lặn sâu dưới biển—không thở mà vẫn sống)

Ấy thế mà tất cả năng lực đều dồn hết về chuyện ăn uống còn thở thì thậm chí có người không hề biết mình đã thở như thế nào! Đó không phải là một sai lầm lớn hay sao?

Xong ăn uống và thở rồi, chúng ta hãy xét đến Thân và Tâm, cái nào quan trọng hơn? — Xin thưa, chúng ta đã biết cả rồi! Tâm (Ý) dẫn đầu, Tâm điều khiển, Tâm mới chính là “ông chủ” còn Thân chỉ là “người làm công” do Tâm sai khiến mà thôi, phải không thưa các Bạn? Thế nhưng chúng ta lại chỉ chú ý đến Thân (ăn ngon, mặc đẹp, tiện nghi đầy đủ v.v...) mà không hề nghĩ đến Tâm của mình! Thân dơ thì tắm rửa, có người tắm rửa mỗi ngày hai, ba lần, nhưng Tâm dơ, Tâm bị ô nhiễm thì chúng ta có bao giờ để ý “tắm” Tâm không? Có bao giờ nghĩ đến việc làm tươi mát Tâm để nó ra khỏi phiền não, tham giận, si mê, kiêu căng, ác độc... là những thứ căn bản làm Tâm ô nhiễm hay không? Vì lơ là như vậy cho nên khi phiền não đau khổ chồng chất lên, không giải quyết được thì đi đến mất trí, điên loạn, tự sát hay tai hại hơn nữa là sát hại những người vô tội chung quanh! Đó chính là căn bệnh trầm kha của thế giới này!

Thưa Anh Chị Em,

Tất nhiên đây là nói chung về con người, về thế giới văn minh vật chất hôm nay, chứ không phải nói đến Anh Chị Em Huynh trưởng GDPT chúng ta, bởi vì chúng ta là Phật tử, chúng ta được học Phật Pháp, chúng ta luôn tu tập đạo Giải Thoát và dạy các em của chúng ta cùng tu tập; làm sao có thể để cho phiền não làm loạn lên, dẫn đến mất trí được!

Đức Phật chế ra ăn chay cho người Phật tử tại gia (mỗi tháng

ăn chay 2 ngày, 4 ngày, 6 ngày, 10 ngày... tùy theo chúng ta chọn lựa) để chúng ta có thể tự thực nghiệm ra rằng thức ăn chay (rau quả, các loại đậu v.v...) làm cho dạ dày của chúng ta được nghỉ ngơi, khỏi phải mệt mỏi “xay” thịt liên tu bất tận... những ngày chay đối với bao tử cũng như những ngày weekend, những ngày nghỉ lễ, ngày phép v.v... của chúng ta vậy đó, các Bạn ạ!

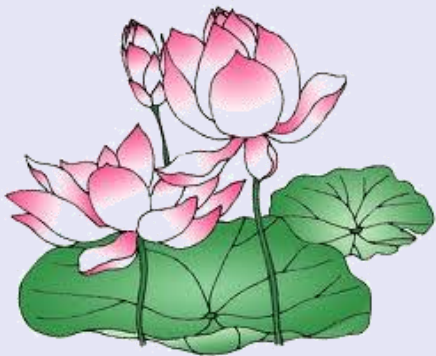
Về Tâm, đức Phật dạy, có 2 mặt: Tâm ô nhiễm và Tâm thanh tịnh. Khi ta nóng giận, si mê, ác độc, la mắng người này, hạ nhục người kia, mưu hại người nọ, v.v... là Tâm đang bị ô nhiễm, Tâm đang ở trạng thái BỆNH. Khi Tâm an lạc, thanh thản, bao la thênh thang, ví dụ như khi ta đang tiếp xúc với bầu trời, với biển xanh, với rừng núi..., một mình giữa thiên nhiên chẳng hạn, Tâm ta thật thanh tịnh, không khởi lên bất cứ một tạp niệm nào... đó chính là Tâm đang ở trạng thái thường hằng, bất sinh bất diệt. Khi Tâm nhẹ nhàng tươi mát, tinh thức, thương yêu mọi người mọi loài, muốn đem vui đến cho họ, muốn cứu họ ra khỏi đau khổ, phiền não thì đó là Thiện Tâm; khi bức bối, cau có muốn la hét, đánh đập, mắng chửi người ta (dù có lý do hay không có lý do)... thì đó là Tâm bất Thiện. TU tức là nỗ lực, tinh cần loại bỏ những Tâm bất thiện, làm phát khởi những Tâm thiện trong ta, dần dần đi đến Tâm Thanh Tịnh. Ngoài ra, chúng ta có thể bồi dưỡng cho Tâm bằng thức ăn Phật Pháp – và thực hành Phật Pháp trong đời sống hằng ngày.

Chúng ta đang tu và đang tập cho đàn em mình cùng tu.

Thân chúc tất cả ACE chúng ta vượt thắng mọi khó khăn trở ngại xuất hiện trong Tâm mình để mãi đứng tiến trên đường Đạo.

Trân trọng,

Nhóm Áo Lam





NHIỆT TÂM

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới



Thưa Anh Chị Em Lam viên bốn phương,

Trong tập "Năm trăm truyện xưa" của Chavanes có kể chuyện "Người nhạc sĩ tài ba và ông bá hộ":

Một nhạc sĩ lang thang mà lại rất tài ba. Chàng không dùng tài ba của mình để kiếm sống, chỉ miệt mài vì sở thích, vì tính chất nghệ sĩ của mình. Một ngày kia, trời giá rét, trong vùng đói khổ, cuộc sống của chàng quá khắc nghiệt. Bấy giờ chàng mới nghĩ đến chuyện sinh sống. Chàng đến nhà ông phú hộ đàn cho ông ta nghe và xin ông một con bò cái. Ông phú hộ không muốn cho, từ chối khéo: "Nếu anh có thể đánh đàn ròng rã suốt ngày đêm, liên tiếp trong năm hôm, tôi sẽ cho anh con bò theo ý muốn." Chàng ta đáp: "Nhưng tôi đàn thì cần phải có người thưởng thức, ông có kiên nhẫn ngồi nghe tôi đàn không?" Ông ta nghĩ rằng việc ngồi nghe nhạc thì khỏe quá, hơn nữa, làm sao anh ta có thể ngồi đàn liên tục suốt năm ngày, nên đáp: "Được quá chứ."

Chàng nhạc sĩ phấn khởi, lấy đàn ra đàn, đàn một cách hứng thú suốt ngày đêm không ngừng tay. Nhưng ông bá hộ mới ngồi suốt một ngày đã không chịu đựng được, liền sai người giúp việc dẫn bò ra cho anh ta.

Thưa anh chị em,

Sở dĩ chàng nghệ sĩ chấp nhận ngồi đàn liên tục trong năm hôm là vì: thứ nhất là anh đánh đàn đã quá điêu luyện, thứ hai là tự tin ở tài năng của mình, thứ ba là đam mê nghệ thuật, hay nói đúng hơn là nhiệt tâm và hồ hởi. Còn bá hộ thì chỉ có mục đích ý vào sự giàu có của mình để "bắt chẹt" mà thôi, chứ đâu có chí thú ngồi nghe nhạc.

Có lẽ anh chị em chúng mình cũng thế, bất cứ trong công việc gì, nhất là Phật sự của GDPT, nếu chúng ta có quyết chí, có nhiệt tâm thì có khó khăn đến đâu cũng có thể hoàn thành tốt đẹp, còn nếu chỉ

thực hiện lấy lệ hoặc vì thấy nhiều anh em tham gia, mình không tham gia cũng kỳ và cũng có thể, tham gia để có thành tích công tác, thì sẽ không đi đến đâu.

Thực tế đã chứng minh. Ví dụ việc cứu trợ, ACE chúng ta làm giỏi nhất, bất kỳ là thiên tai ở Hoa Kỳ hay ở Quốc nội, và cả ở Phi Luật Tân, ACE chúng ta cũng không nề hà khó khăn trở ngại. Không phải "mèo khen mèo dài đuôi" nhưng sự thật là vậy, tinh thần cứu khổ cứu nạn của đức Quán Thế Âm, ACE Gia đình Phật tử khắp nơi trên thế giới đều thấm nhuần và thực hiện rất hữu hiệu, nhanh chóng.

Chúng ta chiêm nghiệm câu chuyện này để "hồi quang phản chiếu," để soi rọi lại bản thân và tập thể, để nhắc nhở nhau, ngõ hầu mọi Phật sự chúng ta đều thu được nhiều kết quả tốt đẹp, giống như việc cứu trợ vậy.

Thân ái kính chúc ACE Lam viên khắp nơi một ngày đầu tuần hưng phấn và tất cả mọi ngày, "6 thời đều an lành."

Trân trọng,

BBT

ĐÔI NHỊP CHÂN

*Chân trần gót ngọc hôn trên lá
Bỏ lại lợi danh hạt sương gầy
Chiều đầu xao xuyến vàng sông lạ?
Nhịp thở nhẹ hều bóng chân mây.*

thơ **TÂM THƯỜNG ĐỊNH**



DUY THỨC HỌC ĐỐI VỚI NGƯỜI NIỆM PHẬT

Tác giả: **Pháp Sư Duy Hiền**
Thích Đức Trí dịch từ Hán ngữ sang Việt ngữ

Mục đích Duy Thức học là chuyển hóa tâm

Duy thức giảng về vấn đề gì? Tư tưởng trọng tâm của duy thức là cải tạo tâm địa. Kinh Hoa Nghiêm giảng: *"Tâm như người thợ vẽ, vẽ ra hết cả thế gian; nằm ấm cũng từ tâm sanh, tâm tạo ra tất cả pháp."* Kinh Tâm Địa Quán có dạy: *"Tâm sanh thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt. Tâm nhiễm thì thế giới nhiễm, tâm tịnh thì thế giới tịnh."* Nếu tâm chúng ta tham, sân, si quá nặng thì hình thành hiện tượng nhiễm ô, tâm chúng ta thanh tịnh, nội tâm thanh tịnh; dùng tâm thanh tịnh, tâm hiền lành thì có thể hình thành hiện thực thế giới thanh tịnh hòa bình. Duy thức học chính là thuyết minh nguyên lý này: *"Ba cõi do tâm tạo, vạn pháp do thức sanh."* Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Ba cõi hư vọng, do tâm và thức tạo."* Tâm năng tạo nghiệp, tức do từ vô minh mê hoặc mà có khí thể gian này (Hoàn cảnh sống thế gian). Tâm năng chuyển nghiệp, tức lấy tâm thanh tịnh để hình thành thế giới thanh tịnh, thế giới hòa bình. Cho nên Đức Phật A Di Đà có tâm tịnh và tâm nguyên hình thành thế giới Cực Lạc Tây Phương. Bồ tát Di Lạc dùng tâm thanh tịnh tại trong cảnh thiên đục giới hình thành Đâu suất nội viện. Tương lai Phật Di Lạc hạ sanh, Long hoa tam hội chính là dùng tác dụng đạo đức năm giới mười điều thiện để hình thành một thế giới thanh tịnh hoàn mỹ. Bộ "Du Già Sư Địa Luận" chính là do Bồ tát Di Lạc thuyết, đó là một bộ luận căn bản của Duy thức tông. Luận đó đã giải thích tường tận thế giới này (Hữu tình thế gian, Khí thể gian, Thánh giả thế gian) do tâm thức kiến lập như thế nào.

Niệm Phật chính là thể hiện tất cả do tâm tạo

Bồ tát thể thân là tổ sư của Duy thức tông, đồng thời cũng là tổ sư của Tịnh độ tông đã viết bộ: "Vãng Sanh Luận" để giải thích giáo nghĩa Tịnh độ. "Vãng Sanh Luận" nói rằng: *"Ba loại này thành tựu trang nghiêm tâm nguyện được nói tóm lược vào một câu; Một câu thanh tịnh; câu thanh tịnh là vô vi trí tuệ pháp thân."* Thế nào là một câu thanh tịnh? Chính là danh hiệu Phật, chúng ta niệm danh hiệu Phật chính là hình thành ba loại trang nghiêm của thế giới Cực Lạc: Phật trang nghiêm có đủ tám loại công đức, Bồ tát trang nghiêm có đủ bốn loại công đức, quốc độ trang nghiêm có đủ mười bảy món công đức. Công năng này rất lớn, cường độ của tâm là chủ đạo, đây chính là đạo lý "Nhứt thiết duy tâm" (Hết thảy pháp đều do tâm tạo).

Ý thức có năng lực rất to lớn, có thể cải tạo chính mình, có thể cải tạo thế giới. Cho nên công đức của pháp niệm Phật rất lớn, lấy câu thanh tịnh hình thành trang nghiêm thế giới. Các tổ sư của chúng ta dạy rằng: "Nếu người niệm Phật A Di Đà, đó là Pháp thiên thâm diệu tối thượng." Niệm Phật chính là tham thiền, tại sao nói được như vậy? Vì tham thiền chính là khôi phục tâm thanh tịnh của bạn, niệm Phật chính

làm cho tâm thanh tịnh, tâm rộng lớn, tâm chân chánh, tâm bình đẳng, tâm từ bi. Niệm danh hiệu Phật tiêu trừ tham sân si; tu từ bi quán chính là khôi phục tâm Phật.

Cho nên người niệm Phật cần phải hiểu đạo lý của Duy thức, đây chính là tư tưởng căn bản của Phật pháp, học tập Duy thức mà áp dụng trong pháp niệm Phật là nhận thức ý nghĩa chủ đạo sự tu hành một cách thiết thực nhất. Như thế mới là niệm Phật không phải là niệm một cách mù mờ và không có định hướng. Niệm một câu thì có công đức một câu, nếu không thông đạt điều này e rằng bạn niệm suốt ngày, niệm đến khô môi rất lưỡi mà không có tác dụng lớn. Phật pháp là cải tạo tâm linh, ba cõi do tâm tạo, vạn pháp do thức sanh. Vậy tâm năng tạo tất cả, tâm có khả năng nhận thức tất cả, giống như một kiến trúc sư vẽ bản thiết kế, rồi căn cứ bản thiết kế để cất nhà cửa, cất nhà ấy xong thì cần nung vào "Tâm" để xác nhận nó có đúng tiêu chuẩn hay không. Đạo lý này gọi là ba cõi do tâm tạo, vạn pháp do thức sanh. Chính vì lẽ đó mà Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Tâm như người thợ vẽ, vẽ ra hết cả thế gian; nằm ấm cũng từ tâm sanh, tâm tạo ra tất cả pháp."*

Niệm Phật và tư tưởng Phật giáo nhân sinh

Nhân sinh Phật giáo là tư tưởng do đại sư Thái Hư đề xuất. Đại sư luôn áp dụng tư tưởng Duy thức học vào đời sống. Trước đây, đi học tại Tấn Văn Sơn, Đại sư đã dạy môn Duy thức học cho chúng tôi, giảng qua vấn đề Phật giáo trong đời sống con người. Tu theo Phật cần chuyển hóa tâm linh, điều tất yếu con người phải thực hành tốt. Đại sư có hai câu thơ, câu đầu tiên là: *"Đức Phật bậc tôn kính, hoàn thành đủ nhân phẩm, thành người mới thành Phật, đó mới là chân thật."* Bạn muốn thành người, trước phải làm người tốt, làm người tốt mới có thể thành Phật, đây là căn bản. Còn thêm một câu thơ khác nữa: *"Muốn phát tâm làm Phật, trước lập chí làm người, Tam quy Tứ duy tịnh hóa cõi đời, Bát đức Thập thiện trang nghiêm thân"* Đây là vấn đề rất cụ thể là chúng ta học Phật như thế nào? Tiêu chuẩn làm người là **Tam Quy**, tức phải nương tựa ba ngôi báu: Phật, Pháp và Tăng; **Tứ Duy**: Tức phải hiểu rõ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ; **Bát Đức**: Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ; **Thập Thiện**: Tức là thân có ba: Không sát, không đạo, không tà dâm; khẩu có bốn: Không nói láo, không nói lời hung ác, không nói lời li gián, không nói lời sai ngữ; Ý có ba: Không tham, không sân, không si." Đại sư Thái Hư trong hai câu thơ nói trên chủ ý đề xuất tầm quan trọng của tiêu chuẩn làm người là Quy y, Tứ duy thực thể (cõi đời hiền hòa thanh lương) dùng Bát đức thập thiện tự nghiêm thân. Đây chính là cùng tương ứng ý nghĩa tu ba phước nghiệp của giáo lý Tịnh độ tông. Kinh điển của Tịnh độ, "Kinh Quán Vô Lượng Thọ" có dạy rõ: "Người niệm Phật phải tu ba phước nghiệp." Ba phước nghiệp đó là gì? Đó là: "Một là hiếu dưỡng cha

mẹ, phụng dưỡng sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu mười điều thiện. Hai là thọ trì ba pháp quy y, giữ gìn giới luật, không phạm oai nghi. Ba là phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh luận đại thừa, khuyến hóa mọi người tu tập.” Đây là ba phước nghiệp, phước thứ nhất là đại biểu cho pháp thiện của hàng trời người, phước thứ hai là đại biểu cho pháp thiện của hàng Thanh văn và Duyên giác, phước thứ ba là đại diện cho pháp thiện của hàng Bồ tát. Cho nên học Phật trước phải tu nhân là điểm khởi đầu, đây là điều tối thiểu.

Trong thời kỳ chiến tranh, có một ký giả đến phỏng vấn Đại sư Thái Hư rằng: Thế nào là pháp trọng yếu nhất của Phật giáo? Thế nào là sự việc cần thiết chính yếu nhất của đất nước Trung quốc? Thái Hư trả lời: Một pháp trọng yếu của Phật giáo là giảng đạo lý nhân quả và nghiệp báo. Không hiểu nghiệp báo, không tin nhân quả là không hiểu Phật giáo, nên người học Phật cần tin hiểu nhân quả. Vấn đề thứ hai: Thế nào là sự việc cần thiết chính yếu nhất của đất nước Trung quốc? Đại sư trả lời: “Đạo đức,” cần lấy đức để chuyển hóa quốc gia thì quốc gia mới thái bình, xã hội mới an định, nhân loại mới hòa hợp. Đại sư Thái Hư rất tin thông Duy thức học, đi đâu cũng giảng cái tạo tâm linh, tâm linh không sửa đổi, đạo đức không thành lập, đạo lý nhân quả không tuyên dương thì xã hội sẽ hỗn loạn.

Cho nên mong mọi người cần nhận thức rõ đạo lý này, học Duy thức đối với hiện thực của người niệm Phật có ý nghĩa vô cùng to lớn, năng lực của tâm rất lớn. Bạn niệm Phật nên dùng năm thứ tâm mà niệm, đó là: Thanh tịnh tâm, quảng đại tâm, chân chánh tâm, bình đẳng tâm, từ bi tâm.” Chính ngay đó là Tịnh độ, chính ngay đó là Cực lạc. Các bạn nên có những tâm ấy, khi có đủ những tâm ấy thì có thể sáng tạo một thế giới hòa bình, đoàn thể hòa hợp, gia đình hòa thuận, có khả năng thắt chặt tính đoàn kết, năng lực hướng thượng, năng lực đổi mới; đó chính là sự phát khởi tác dụng to lớn của sự tu học.



HOA ĐĂNG NGUYỆN CẦU

*Trước Đàn tràng trang nghiêm thành kính
Khởi hương trầm quyền tỏa an khinh
Trên cầu Chư Phật chứng minh
Long thần hộ pháp oai linh hộ trì
Hướng dẫn cho sinh chúng quy y
Nương Phật Pháp đồng quy nhiếp tâm
Độ cho con hết mê lầm
Diệt trừ tội lỗi ơn thâm đáp đền
Do vô minh muôn loài tạo nghiệp
Bởi si mê nhiều kiếp đọa đày
Thân thời sát đạo dâm vay
Khẩu luôn có bốn điều hay thường làm
Nói gian dối chuyện không nói có
Có lại không đâm thọc bất hòa
Nói lời thêu dệt điêu ngoa
Toàn là ác khẩu tan nhà điêu linh
Trong tâm ý tạo hình đủ tội
Tham sân si ngũ dục đắm mê
Hôm nay con biết quay về
Tự tâm quán chiếu “ngã” thể triệt tiêu
Trí Bát nhã nguyện siêu nghiệp lực
Diệt vô minh trí tuệ truyền đăng
Mỗi người thắp một ngọn đèn
Niếp tâm cầu nguyện phóng sinh cứu đời
Mong nhân loại bình an khương thái
Khắp muôn nơi thập thiện hành trì
Tâm luôn hỷ xả từ bi
Ít muốn biết đủ duyên tùy hỷ theo
Hành bố thí khó nghèo dứt hết
Phóng sinh đặng tật bệnh xa rời
Sống lâu sáng suốt ích đời
Thường hằng thực hiện khắp nơi thái bình
Tâm an tịnh trí anh minh sáng
Bản nguyện toàn độ tận chúng sanh
Hôm nay đốt nên tâm thành
Nguyện cầu muôn loại thoát nhanh khổ hình.*

thơ

THÍCH VIÊN THÀNH

An Lạc thất, nhân ngày Vía Đức Phật A Di Đà,
Mùng 7 tháng 11 năm Giáp Ngọ (2014)

KHÔNG CÓ PHƯỚC ĐỨC NÀO LỚN BẰNG SỰ THÔNG THÁI CỦA TRÍ TUỆ

Đào Văn Bình

Đối với người đời, không có phước đức nào lớn cho bằng vợ đẹp, con khôn, của cải đầy kho, quyền thế, danh vọng, ăn ngon mặc đẹp...

Thế nhưng bạn ơi,
- Biết bao nhiêu ông thủ tướng, tổng bộ trưởng bị tù đầy vì tham nhũng, gian trá, lạm quyền... thậm chí buồn lâu, dậm ô. Biết bao nhiêu ông tổng thống bị ám sát, lật đổ cũng chỉ vì tranh giành quyền lực.

- Ông bố đốt tờ giấy bạc mà người nghèo có thể mua bao gạo để tìm một món đồ cho cô đào cải lương đánh rơi trong phòng trà...vài chục năm sau ông con lại sống như kẻ ăn mày.

- Ông bố cặm cùi làm việc suốt đời tạo dựng gia tài khổng lồ. Ông con trở thành "công tử" ăn chơi phung phí, bao gái, đua đòi, ném tiền qua cửa sổ... chẳng mấy chốc phá nát sự nghiệp của cha ông.

- Bố mẹ quyền cao chức trọng, ông con không chịu học hành mở mang kiến thức, vùi tiền bao gái, tụ họp băng đảng, lái xe đua lượn trên đường phố, nghiện ngập xì ke ma túy cuối cùng "con đại cái mang" bố mẹ mất chức, tiếng xấu để đời.

- Ông chồng quyền cao chức trọng, bà vợ tưởng mình là "vua" lợi dụng quyền thế, dõ dưng sòng bài, buồn lậu, mua quan bán chức...dân chúng oán than, báo chí phanh phui, cuối cùng thì ông chết, dân chết chứ bà không chết...Tên tuổi những "ác phụ" này còn lưu truyền cho tới bây giờ.

- Bà làm thủ tướng đóng vai thanh sạch, ông ở nhà tướng không làm gì cả nhưng thực sự lại là "thủ tướng trong bóng tối" sắp xếp mọi chuyện... cuối cùng bà bị dân chúng tố cáo phải lưu vong. Hãy cứ qua xứ Pakistan hỏi xem bà là ai?

- Bố mẹ làm ăn chặt chiu cả đời để lại gia tài cho con nhưng di chúc không rõ ràng hoặc không di chúc, anh chị em không nhường nhịn nhau, đưa nhau ra tòa, có khi giết nhau...máu mủ chia lìa. An em giết nhau để tranh đoạt ngôi vua, tranh đoạt gia tài là chuyện thường tình của thế gian.

- Ông nghèo thì gia đình êm ấm. Khi ông giàu có lên thì gái đẹp, ca sĩ, đào cải lương, người mẫu nó bu vào cuối cùng ông "đá văng" người vợ già thời "tấm mần" ra ngoài đường... gia đình tan nát.

- Bà nghèo thời còn chân lấm tay bùn thì khép nép bên chồng. Khi bà giàu lên theo thói "trường giả học làm sang" sửa sang sắc đẹp, trưng diện, hát Karaoke... nhìn lại ông chồng cũ thấy sao què mùa quá. Thế là bà rước trai tơ về nhà, có khi âm mưu giết chồng để chiếm đoạt tài sản và vui vầy duyên



mới. Phải chăng có khi nghèo mà hạnh phúc, giàu là thảm họa?

- Bà hết lòng lo cho ông ra tranh cử tổng thống để hy vọng làm đệ nhất phu nhân. Có ngờ đâu tiền vận động tranh cử ông chuyển cho "cố bồ" chuyên chụp ảnh cho ông rồi có con với bà này. Ông dẫu diễm mãi cuối cùng báo chí phanh phui, bà vợ hận quá nạt đơn ly dị, cuối cùng chết vì ung thư vú. Ông bị dân chúng nguyền rủa. Hãy cứ qua Mỹ hỏi xem ông ứng cử viên tổng thống

đẹp trai này là ai. Câu hỏi đặt ra là... nếu ông không ra ứng cử tổng thống và chấp nhận vị thế thượng nghị sĩ thì có lẽ ông bà sẽ sống với nhau rất đẹp cho đến ngày bà qua đời. Ôi cái "mịch phong hầu" tìm công danh sự nghiệp nó tàn hại người ta!

- Ông dùng tiền mua rồi chặt chiu, nâng niu từng món đồ cổ rồi hãnh diện trưng bày cho mọi người xem. Có ngờ đâu khi ông chết đi, ông con không chuộng đồ cổ, bán hết để mua đầu giá quần áo, đồ lót, các món lặt vặt của các nữ tài tử Hollywood nổi tiếng đã chết hay các bức thư tình của các bà hoàng, vợ tổng thống năm xưa... giá cả trăm ngàn có khi cả triệu đô-la. Nếu ông sống lại chắc ông sẽ "buồn năm phút" và chửi rủa ông con bất hiếu!

- Một đứa trẻ dù sinh ra nơi cung vàng điện ngọc mà đầu óc ngu độn thì cũng không bằng một cậu bé sinh ra ở nơi bùn lầy nước đọng mà đầu óc thông minh, sáng láng.

Bạn ơi, trí tuệ là của cải khổng lồ vô tận, còn của cải vật chất như gió thoảng mây bay:

- Bằng trí tuệ con người có thể "đăng vân" bằng máy bay, lặn dưới nước như cá bằng tàu ngầm, đi trong lòng đất bằng đường hầm, chạy phoong phoong trên mặt đất còn hơn cả ngựa bằng xe hơi, xe hỏa và khám phá vũ trụ bằng phi thuyền, hỏa tiễn.

- Bằng trí tuệ con người có thể tìm kiếm thêm những tài nguyên trong lòng đất, dưới lòng biển như dầu hỏa, khí đốt, than đá, quặng mỏ, đất hiếm v.v... Và trong tương lai có thể tìm kiếm thêm nguyên liệu trên hỏa tinh, mặt trăng để bù đắp cho khối lượng tài nguyên trên mặt đất ngày càng cạn kiệt.

- Bằng trí tuệ con người đã khám phá ra biết bao "thần dược" để cứu nhân độ thế, chữa bệnh nan y, lấp ghép cơ thể, chữa bệnh hiểm muộn, kéo dài tuổi thọ v.v...

- Bằng trí tuệ con người có thể khám phá sự hình thành vũ trụ qua học thuyết "Big Bang" chứ

không phải do một ông thần nào hóa phép.

- Bằng trí tuệ con người sẽ thoát khỏi ám ảnh của “thần quyền” đã thống ngự con người mấy ngàn năm nay. Giáo chủ của một tôn giáo có thể đem lại niềm tin nhưng không thể cứu lành bệnh tật. Nếu có thể cứu lành bệnh tật thì có lẽ chúng ta chẳng cần đến đại học y khoa, bác sĩ, thuốc men, bệnh viện mà chỉ cần dựng tượng vừa rẻ tiền, vừa đỡ tốn ngân sách quốc gia vừa đỡ tranh cãi um sùm trong quốc hội.

- Bằng trí tuệ con người sẽ thấy chỉ có sự hòa hợp, cảm thông và tình thương mới giải quyết được những vấn đề của nhân loại chứ không phải bạo lực, o ép, khống chế, cấm vận, đe dọa.

- Một đất nước mà có nhiều trí thức, khoa học gia sẽ khỏi là tài sản vô giá và từ từ sẽ thống trị thế giới.

- Trí tuệ là biến cả mệnh mông ai cũng có thể vào. Không ai có quyền ngăn cấm ai, hoàn toàn miễn phí (free).

- Biến trí tuệ là **Biến Tự Do** và cao cả nhất và giải thoát nhất. Sự cùm kẹp hay u tối của trí tuệ là nỗi bất hạnh nhất của con người.

- Không có gì tốt lành cho bằng các thiện trí thức ngồi chung với nhau.

- Do đó không có gì nguy khốn cho bằng sự tập hợp của ngu dốt và hung ác. Khi đó đất nước sẽ tan nát, hận thù chia rẽ, chiến tranh, tài nguyên thiên nhiên bị phá hủy, bán rẻ bởi các lãnh chúa “war lord.” Sinh mạng người dân sẽ như con giun, cái kiến.. Và đất nước sẽ biến thành địa ngục.

Bạn ơi,

Theo đạo Phật, của cải vật chất là “hữu lậu” tức sinh phiền não. Còn trí tuệ là của cải “vô lậu” không phát sinh phiền não.

Các thiện trí thức, khoa học gia của thế giới đang cống hiến trí tuệ cả đời mình cho nhân loại đều có cuộc sống khiêm tốn. Trong khi các đào hát, điện ảnh, ca sĩ, người mẫu trong kỹ nghệ giải trí (entertainment) mua vui “khóc cười” trong giây lát cho nhân thế hầu hết đều sống ồn ào, dâm ô, trụy lạc.

Chư Phật chư vị Bồ Tát sống trong biến trí tuệ còn chúng sinh ngập lặn trong biến ái dục.

Chư Phật chư vị Bồ Tát tạo dựng sự nghiệp bằng Trí Tuệ. Chúng sinh tạo dựng sự nghiệp bằng của cải vật chất hiện giờ đang được đo bằng đô- la, xe cộ, iPhone, iPad...

Thế nhưng cũng xin bạn nhớ cho, Trí Tuệ phải đi đôi với Tử Bi. Trí tuệ mà không được đạo đức soi đường cũng là thảm họa, trước hết cho chính tâm hồn mình, sau đó là cho nhân loại.

Bạn ơi xin bạn nhớ cho:

Không có thứ phước đức nào lớn cho bằng sự thông thái của trí tuệ. Có trí tuệ là có tất cả.

Đào Văn Bình

California ngày 20/10/2014



NGUỒN THƯƠNG LỄ SỐNG

*Có giây phút bỗng hóa thành lịch sử,
Đã qua đi nhưng muôn thuở không mờ
Có giây phút bỗng trở thành kỷ niệm
Ôi thiêng liêng! Ôi tuyệt diệu! Nên thơ!*

*Có những người đến trong đời của bạn
Rồi chia xa, chia xa mãi – trọn đời
Nhưng tất cả đã trở thành ánh sáng
Nhu bình minh rạng rỡ một chân trời.*

*Nếu ai hỏi: Có gì là đẹp nhất?
Tôi trả lời: Thời thị giả của tôi.
Nếu ai hỏi: Có bao giờ thấy Phật?
Tôi sẽ cười: Phật đâu ở xa xôi?*

*Vâng, với con, Ông mãi là tất cả
Là nguồn thương, là lẽ sống cuộc đời.
Ông xa quá mà cũng gần gũi quá!
Lưu trong con tình nghĩa nặng muôn đời.*

*Rồi những lúc trong dòng đời xuôi ngược
Tháng năm dài con phải sống ly hương
Ân tình đó theo con từng nhịp bước
Là hành trang suốt bao quãng đường trường.*

Ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11/2014

THÍCH MINH TUỆ

Bóng mát cuộc tình

NGUYỄN VĂN SÂM

Buổi trưa trời trong vắt, cao thẳm, rọi những cụm sáng chập chờn qua kẽ lá, giao động theo từng hơi thở của không gian. Mấy gốc cao su ốm o, ghè lở, tím chút nắng ấm cuối xuân, cố vươn mình lên khỏi đám cỏ dại, cóc kèn, mắc cỡ thấp lè tè yên phận. Xa xa những cái mả phẳng phẳng vội vàng của người bản xứ nằm chênh vênh ma quái với miếng vải trắng quần trên đầu tấm mộ bia bằng gỗ lung linh trong gió. Vài chiếc võng nylon đủ màu đông đưa theo nhịp chân đưa của người nằm trên đang ở trạng thái mơ hồ thức ngủ. Mấy cô bé mới lớn tùm tùm năm tùm ba trên tấm carton nhỏ hí gần bia rừng vui vẻ bàn tán về những câu chuyện vừa mới xảy ra trong trại. Nhộn nhịp và thanh bình. H. đưa mắt theo dõi mấy tàu dừa là ngọn khuất sau dãy nhà trong xóm. Tháng này qua tháng khác, ăn không ngồi rồi, bị giam lỏng trong khung cảnh buồn nản, với những chuyện chửi bới về tiền nong ồn ào từng bữa một. Vô lý. Như cuộc đời đột ngột. Như mình bây giờ chỉ còn một thân dật dờ trên hải đảo xứ người. Căn bệnh độc quyền yêu nước của những tên già mọng du chỉ chứa một lối thoát nhỏ cho người khác: Hoặc thín thít sợ hãi co rút lại trong chuyện cơm áo, hoặc bỏ nước trốn đi với hy vọng mong manh làm được cái gì đó ích lợi hơn. Rồi hy vọng mỗi mòn theo ngày tháng đợi chờ. Rồi nhiệt huyết lắng dần như cháo mỡ sôi để cách đêm. Thư từ bạn bè bốn phương đông ca một bản than vãn về sự bất lực trước hoàn cảnh mới. Xứ này cuốn hút thời gian, quái quắc như con bạch tuộc trăm vòi quấn mảy lại, tới chừng được nhả ra mảy chỉ còn là một ông già hom hem bước lảo lảo xuống huyết mộ qua ngã nursing-home. Lời cảnh cáo của người sắp vô tròng, hay tiếng kêu cứu tuyệt vọng của người trong bấy sập? Giọng than thở của câu ca dao "cái vòng danh lợi cong cong" hay điệu chán chường của câu sáo ngữ "con nợ, vợ oan gia"? H. nhìn lại lòng mình. Gần một năm qua, hằng đêm tự hứa không đi vào bước sai lầm của

người trước, sẽ đem kiến thức và quyết tâm chuyển lại cuộc cờ. Phải chăng đó là một hình thái của sự tự dối vì lòng nôn nóng muốn thoát khỏi cảnh đời ảm rồi? H. xoay mình trần trố. Cô đơn trong vô dụng là cô đơn bậc hai. Tại tội nó hết. Đôi mắt xót xa oán trách pha lẫn chút hân hoan của người xưa hiện lên. Lấn quẩn đầu đầy. Đôi mắt ngày đêm xoay vô tim, bào mòn, thắt chặt, hẳn lên những vết thương nhức nhối, ứa máu. Đôi mắt biểu lộ tình cảm mâu thuẫn khó phân tách. Giống như nụ cười thơ thối lúc gặp nhau đầu buổi hẹn hò. Giống như cái nhìn oán trách của con chó nhỏ đang tung tăng bỗng bị vòng dây oan nghiệt tròng vô cổ lôi đi. H. mỉm cười liên tưởng đến một chuyện Tết lúc nhỏ. Thăng H. mặc áo mới chạy ra đường vừa hân hoan vừa tự hào về cái áo trắng có những lần xọc nhỏ xanh xanh. Và rồi lúc chơi đột pháo một đứa bạn nghịch ngợm vùng tay ném que diêm vào. Nó đã khóc mùi mẫn cho cái áo mới. Trong vòng tay người chị cả, nó đã sung sướng được dỗ dành sẽ có một cái áo khác đẹp hơn. Trạng thái lúc đó vừa thích thú vừa thống trách.

Sự mất mát giờ đây lớn hơn. Nỗi đau đớn trọng đại hơn. Nhỏ H. cũng đã trưởng thành để biết nguyên nhân gần và nguyên nhân căn bản, cũng đã đủ trí phán đoán để biết hy vọng giải quyết vấn đề trở thành một chuyện thiên nan vạn nan. Lòng H. chai lại trong cảm hờn. Lớp băng giá trong một lúc nào đó đặc biệt của địa cực đã phủ lên ngọn núi lửa từng bùng sôi bỏng. Dừng đứng trước những sinh hoạt nhỏ nhặt có tính cách bù gở của trại, vắng mặt trong cuộc sống ồn ào vô lý của thời gian đợi chờ.

Em, tại sao anh không hòa mình được với đám đông? Không quen được đôi mắt em mấy phút trước khi anh mím môi, thắt lòng đẩy cái hình hài quá nhiều thân thiết kia vào lòng biển?

Bao năm quần quýt, bao năm nghĩa tình. Những giọt nước

mắt khóc cho nhau khi người kia lao lý hay sương gió tủi nhục cho miếng ăn bị thắt chặt, tức tưởi...

Tiếng kéo kẹt nhẹ nhàng lắng đọng trong gió phía sau. H. quay lại. Ở đây từ lâu đã có một cái võng khác. Cũng có người muốn tránh đám đông. Bộ quần áo điểm những chấm nhỏ lỵ ty tím tím mới may ở trại. Một tờ báo Việt Ngữ xuất bản ở Hoa Kỳ trên ngực. Một quyển sách Anh Văn vỡ lòng trên mặt. Bước chân trên cỏ đầu đầy đánh thức đôi mắt nai u sầu, nơi khoé còn long lanh ngấn nước. Đôi mắt đẹp buồn hao hao giống người xưa.

"Cô không sợ ma?"

"Tôi chỉ sợ ma sống. Người chết đáng thương hơn đáng sợ".

Câu nói lạnh lùng nhưng mở lối về những nẻo đường mòn đầy máu của quá khứ.

"Nơi đây để sống lại những kỷ niệm về cuộc hải trình. Sống với người chết trước khi sống lại với người sống thú vị như vô tình bắt gặp một ánh trăng xuyên qua kẽ lá."

"Chắc người yêu của ông đẹp lắm?"

"Cũng có đôi mắt nai như cô vậy."

Một nụ cười tươi cổ tạo, che giấu nét bối rối. H. thoáng thấy trong đó một loé sáng thích thú.

"Tôi chưa ghét bị gán giống người này người nọ. Tôi chỉ muốn tôi là tôi".

"Đó không phải là sự gán ghép. Đó là một sự thực."

Th., sao em không còn, để anh khỏi nói dối? Từ một sự hao hao đến cái giống như đã là một bước xa. Lại thêm tâm tình và kỷ niệm. Anh không muốn bắt đầu lại cuộc tình mới. Có những lời chỉ thốt ra được một lần trong đời. Lặp lại lần nữa, trở thành xấu trá, trơ trẽn. Người ta chỉ có thể rung động chân thành một lần. Những lần khác sự thần thánh đã không còn phù hợp với ngôn ngữ. Chỉ còn là một cái vỏ mang tính chất gạt gẫm, vị kỷ?... Mà tại sao anh lại làm điều đó? Vì yêu em nên quý trọng cái đã mất, nên cố thay thế bằng cái hao hao hay vì yêu mình nên cố gắng bắt đầu sống lại

cuộc đời riêng?

Anh đâu có sự lằng lằng bên cạnh người tình như lúc chân ướt chân ráo ngày xưa vào cổng trường Đại Học. Rồi chỉ là một cuộc hành trình ngược về thời gian. Một sự không song phẳng với người sau qua tình cảm đã khắc ấn trong tim với người trước. Như vậy có phải là anh vẫn yêu em?.

Gió hắt hơi nóng vào mặt. Những cây cỏ đại lao xao. Mấy lớp không khí dao động lượn lờ hình phản chiếu trong ao ảnh. Những ngôi mộ xa vẫn nằm đó, yên phận, xè xè dưới gốc cao su điểm tô thêm sự tẻ nhạt cho khung cảnh. Buổi trưa bình thường và có thực như cuộc đời. Cô gái vẫn trong dáng đợi chờ một câu giải thích, hững hờ lật từ trang sách. Mắt thoảng nghĩ ngờ ...

"Nếu hân hạnh gặp cô trước, tôi đã nói người kia giống cô..."

"Nếu vậy tôi đã phiêu lãng nơi khung trời nào rồi. Đâu còn được ở đây hầu chuyện ông."

Một nụ cười tinh quái và tha thứ tiếp theo câu nói.

Th., em thấy đó. Không ai muốn chết hết. Dầu đến sau trong cuộc tình, dầu khổ sở trong cuộc đời, chính sự có mặt đã là một chiến thắng. Vậy tại sao đời lại không cho em có mặt?

Đôi mắt hao hao giờ đây bắt đầu biến thành đôi mắt Th. Mới mấy ngày xa vắng đã nhớ nhung. Không dè hình ảnh Th. lại mạnh như vậy. Nôn nao, bồi hồi chờ đợi một người con gái mới đẹp đôi vài câu phải chăng là triệu chứng của tình yêu? Minh yêu đôi mắt? Thể hiện lại một cách khác tình yêu với Th.? Khó phân tích. Nhưng ít ra đôi mắt nửa như mẫn nguyện nửa như trách trời không còn xoáy tìm anh nữa... Thịnh thoảng anh bắt gặp em mỉm cười độ lượng như vui với hoàn cảnh mới của anh. Gần một năm ở trại, có lúc nào quên được em đâu? Có yêu ai, giờ đây cũng chỉ là thể hiện cách khác tình yêu đối với em. Một sự đi tìm quá khứ, quá khứ nặng nề bị đồng loại phủ phàng gạt bỏ...

Bước chân giao động những ngon cỏ thấp, một con châu chấu nhảy vút nhanh ẩn trốn. Trên trời vài cụm mây xanh hững hờ, chậm rãi:

"Sao tới bữa nay cô mới tới? Mấy hôm nay trời lê thê ghê..."

"Ông biết đó, kỷ niệm nào bị khơi động cũng đau lòng. Nhưng..."

Người đàn bà nhìn xuống cái vũng dây nylon được quấn gọn cầm trên tay như gián tiếp thú nhận lòng.

"Ai ra đi cũng mang theo quá khứ. Trên biển còn thêm những phút không thể quên. Ai nấy đều bị kỷ niệm ràng buộc quấn nặng tâm hồn, dè xuống bẹp dí không cựa quậy được. Chỉ có hai thái độ cực đoan hoặc sống chết với dĩ vãng, hoặc quên để trực diện cuộc đời. Không có



cái lưng lơ, nửa chừng..."

"Bất cứ bắt đầu nào cũng khơi dậy vết thương ngày cũ."

"Thế cô không biết rằng "minh" đang tạo những kỷ niệm mới thêm vào kho tàng cũ, lớp đầu tiên trong nhiều tầng của quá khứ?"

Người con gái hất mái tóc ra phía sau, ranh mãnh:

"Ông quá chủ quan, ông làm tôi hoài nghi chính tình cảm của mình."

Th., em thấy đó. Giống như lúc mình mới gặp nhau. Em bướng bỉnh, trả miếng anh từng câu nói. Như muốn dùng lá chắn ngôn ngữ để bảo vệ, để chứng tỏ cứng cỏi, trưởng thành. Nhưng em thấy đó. Rồi em ngoan như bất cứ người tình nhỏ nào. Sự cứng cỏi, trưởng thành không nằm ở ngôn ngữ cũng không có ở những lời đối thoại, mà nằm ở hành động. Và em chỉ trưởng thành sau những năm dài chúng mình vẫy vùng trong ngục tù bao la của đất nước. Đã len lỏi trong sự sơ hở của địch để kiếm sống và thực hiện những công tác mà

bất cứ một ai có ý thức đều không thể chối từ. Đã cười mũi tui nó khi chúng chia ra những cái bánh vẽ anh hùng, tiên tiến, đối tượng... Đã kịch liệt đấu khẩu với những thằng trâu xanh, bò vàng mỗi khi có dịp. Nhưng chúng mình cũng thấy rằng đấu tranh tiêu cực không hữu hiệu. Em đã đề nghị mình ra đi để hoạt động trong một mô thức rộng lớn hơn. Em biết đó, em đã trưởng thành trong niềm đau đớn vô biên và độc nhất trong lịch sử dân tộc, nhưng em đã đi vào lòng biển để lại đôi mắt em trong lòng anh và một vết thương nhức nhối về sự xuống dốc thể thảm của tình nhân loại.

Những con người hiền hòa một sớm một chiều trở về thú tính trước bạc vàng và xác thịt. Những con người khát quyền đến nỗi mang lá chắn mặt ngựa nhưng vẫn tưởng mình ôm được chân lý nên cố gắng thay đổi dòng lịch sử bằng những phạm trù. Anh không tin dị đoan để tự dối bằng câu mười phần chết bảy còn ba, nhưng anh tin tưởng bấy giờ em đang hoá thân thành người trước mặt. Bóng mát vườn cao su này trước kia là chỗ anh tìm cô đơn để được tự do tưởng nhớ về em. Giờ đây là chỗ anh nhìn lại đôi mắt sáng ẩn chút u buồn của em. Em đồng ý? Em không ghen?

Trời về chiều, bóng mát lẫn chiếm nhiều hơn. Không khí đem theo một chút muối mặn rịn rịn của biển cả. Dưới vài gốc cao su mấy cặp trẻ sơ sàng trứng giỡn. H. nhìn như nhìn vào cõi trống không. Một người con trai đang cố gắng vớt vát một cái hôn vội vàng trước khi buông người tình.

Mắt người con gái lăm lét trong tình quái khi nhận ra H. ở sạp kế bên mình. Anh đánh trống lảng:

"Chắc họ ngỡ mình đang ở giai đoạn mào đầu của tình yêu..."

"Ông nghĩ thì có, vũ trụ của họ đâu còn hiện hữu mà chắc với không?"

"Cô có còn ai thân thuộc ở trại này?"

"Chỉ còn kỷ niệm và một sự đau đớn khôn cùng."

"Tối nay hứa hẹn một bữa mát trời... Xin phép được mời cô ăn chén chè sen. Không khí trong tiệm cũng dễ thương nhẹ nhàng,

không ồn ào như mấy quán cà phê trẻ.”

“Tại sao không là một ly nước ngọt bình thường?”

H. nhìn sâu vào mắt người đối thoại để đo lường sự thông minh và ranh mãnh.

“Danh từ nào rồi cũng bị phóng thể đi. Từ tiếng chè bình thường mà cô không ưa đó đến danh từ cao hơn như Độc Lập, Tự Do... Lỗi không ở ngôn ngữ, lỗi ở người bóp méo nó, mặc cho nó một ý nghĩa khác.”

“Rung động qua hình ảnh nào đó đã mất cũng là hình thức bị bọm...”

???

“Không, tôi muốn đề cập đến trường hợp chung. Như tôi chẳng hạn... Chúng tôi lấy nhau rồi, chuyển đi chính nhà tôi lo liệu. Rồi anh ấy ngã lăn dưới những nhát chém phũ phàng. Anh ấy nghĩ mình có thể làm được chuyện bảo vệ người yêu. Nhưng thời gian thiếu thốn đói khát trên ghe đã làm anh kiệt lực. Tôi sống như cái bóng ở đây đã hơn một năm, không tha thiết đến chuyện định cư sớm muộn. Anh ấy như ông, ít nói, nhiều suy tưởng, thích sống cho lý tưởng...”

H. tròn mắt ngạc nhiên. Lần đầu tiên được nghe một câu dài, tình cảm, kể lể...

“Tôi nghĩ chúng ta còn cuộc sống trước mặt, phải hiện diện để nói lên niềm thống khổ của mình, những dã man tàn bạo mà mình là chứng nhân. Đó cũng là nhiệm vụ với người đã khuất...”

Nụ cười đậu trên môi. Hàm răng dưới nhỏ đều xinh xinh có một cái thụt vào, phối hợp với ánh mắt tạo một vẻ đặc biệt như để che lấp bối rối, như muốn xóa tan một cách tàn nhẫn đến quyết liệt câu nói hàm chứa sự thuyết phục mới vừa được nghe.

“Nhưng ông cũng chưa giải quyết được vấn đề thực giả trong kho tàng kỷ niệm.”

Em thấy đó Th. Kiểu nói này xưa em thường dùng, trốn tránh một chữ hay trả lại anh một chữ. Càng lúc anh càng có cảm tưởng trước mặt anh là em ngày nào. Ai có can đảm nói yêu sau một vài lần chuyện trò lòng bông? Vừa láo khoét với người được nói, vừa phũ phàng người đã mất. Ai có thể nói không với một người mình biết sớm muộn gì mình cũng sẽ yêu? Cái khó ở chỗ đó, nói không cũng không được, nói có cũng không xong. Lòng anh bây giờ cũng vậy. Yêu em nhưng như không yêu em vì anh đang thấy thích thú, thoải mái bên nụ cười câu nói của người



đối thoại, đang mở cửa lòng để đón người đó. Đang vui vì sự hiện diện của cô ta. Nhưng như là anh vẫn còn yêu em vì người khác chỉ đến được với anh bằng những hình ảnh thiết thân của em anh có từ lâu trong trí. Yêu em mà không, không yêu mà yêu. Phải chăng anh mặc cảm, anh chưa sống thực với lòng? Nửa anh muốn làm người tình Đồng Phương chung thủy. Nửa anh học đòi làm kẻ Tây Phương khát tình. Thực sự anh đang bối rối. Tình yêu mới giả mà thực. Thực mà giả.

“Có thể lúc đầu mỗi cặp tình nhân đều không thể xác định tính chất của cuộc tình, nó có thể chỉ là sự phù hợp tính tình, sự ham muốn hay chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh. Nhưng chắc chắn, nếu có, đoạn giữa sẽ luôn luôn thật.”

“Thế còn đoạn chót?”

“Không ai muốn có đoạn cuối hết. Cô thấy đó, đoạn cuối có ra gì đâu, một sầu thảm, một hận tủi. Chúng mình phải làm thế nào cho không có đoạn cuối.”

Lại nụ cười như vừa rồi.

“Ông gian thật. Chưa chi đã bàn chuyện đoạn cuối. Những phần còn lại đâu?”

Th., em thấy không, người đến sau em không khác em tí nào. Cũng ốm ở lúc có lúc không. Như lúc chúng mình mới quen, em tuy đã đồng ý nhưng nhiều khi vẫn phủ nhận. Đó là đặc tính làm cao cổ hữu của đàn bà con gái? Đó là thể hiện sự thận trọng khi đứng trước tình yêu chân thật?

H. chồm tới hôn phớt lên trán thiếu phụ, vầng trán có

những nét hằn của năm tháng khổ đau. Một cái ngoảnh đầu né tránh lấy lệ. Một câu phản đối hình thức:

“Ông này!”

“Đó là phần đầu cô vừa nói thiếu...”

Th., anh đang học đòi “làm kẻ chụp lấy cơ hội”. Sợ trật một sát-na sẽ không còn dịp may. Anh đã mất đi sự lúng túng ngại ngùng đáng yêu với... em lúc nào. Hồi đó mình ngượng ngịu. Đối tượng là tất cả, ngoài ra có gì đáng kể đâu. Nay anh mới biết hoàn cảnh bên ngoài đáng sợ hơn nhiều. Tội quý đất liền. Tội thú biển. Cuộc tình kết thúc ngoài ý chúng ta. Cắt bỏ đi đoạn thật quan trọng, nối kết tạm bợ cuốn phim gần như trở thành loạt chèo, gượng gạo.

H. đưa tay cho thiếu phụ nắm.

“Trời mát rồi, mình đi uống ly nước ngọt.”

Anh mắt Th. nhìn H. như biết ơn.

“Cuộc tình nào cũng có bóng mát, nhất là sau khi đã cách biệt trong thời gian. Bắt được quá khứ không phải là chuyện dễ dàng. H. nghĩ rằng người vắng mặt đã nói câu đó qua cửa miệng người hiện diện, anh bóp chặt bàn tay nhỏ thon đang nắm gọn trong tay mình. Xa xa, chiếc camionette xích đổ, bỏ xuống những người đi chợ Unggat trở về, tay xách nách mang cười cười nói nói.

Gió chiều lồng mát thổi tung tầng những chiếc lá cao su vàng ánh nơi bia rừng.

Nguyễn Văn Sâm

(Trích tập truyện *Câu Hồ Vân Tiên*
Giáo Việt, Texas, 1985)

Đời người trong một câu

Thuật giả: **TÂM PHƯỚC**
Soạn giả: **THÍCH MINH CHIẾU**
(trích Truyện Cổ Phật Giáo)



Nhà vua ấy, ngay từ lúc lên ngôi báu đã giao cho một viên đại thần cái trọng trách sưu tầm dưới các bầu trời xa lạ những tinh hoa rải rác trong vũ trụ và những triết lý của cuộc đời. Ý cửu trùng muốn thu nhập những cái hay ở đời để dựng một nguyên tắc trị dân.

Ba mươi năm trời đã qua, vị thanh niên anh tuấn nầy, chờ đợi tóc đã điểm bạc. Lễ khánh thọ ngũ tuần đã cử hành long trọng trong Hoàng cung. Lúc ấy quan đại thần cũng về với đoàn lạc đà, bốn vó trắng bụi đường xa, và trên lưng chất hơn nghìn sách quý mà vị đại thần đã có công kết tập.

"Trăm đã nhiều tuổi rồi, tinh hoa của trời đất nhiều đến thế. Trăm làm sao xem hết. Khanh mang về rút ngắn lại cho trăm đủ thời giờ xem."

Đoàn lạc đà lại chờ những pho sách đi và mười năm sau nữa, bộ sách rút ngắn lại còn năm trăm quyển được dâng lên ngự lãm:

Nhà vua vuốt chòm râu bạc phau ngần ngại phán:

"Hãy còn nhiều quá. Tuổi trăm đã lớn, đọc sao cho kịp. Khanh chịu khó về gạn lọc một lần nữa những tư tưởng huyền diệu trong ấy."

Viên đại thần tận trung không hề nghĩ đến số năm tháng đã tàn tạ trên đầu, lui về một nơi u tịch kết tinh kho tư tưởng.

Sau năm năm triển miên, với bao nhiêu tinh hoa và tư tưởng cổ kim đông tây, viên quan già nua mừng rỡ khi thấy kết quả: năm trăm cuốn dồn lại chỉ còn một pho sách dày. Một pho sách dày chứa tất cả triết lý của muôn cuộc đời!

Cuộc sách dày ấy, một buổi sớm được mang vào ngự lãm.

Nhưng nhà vua đã nằm yên trên giường bệnh, chung quanh ngự y châu chực.

Vừa mở mắt nhìn vị đại thần tận tâm và cuốn sách quý giá. Một nụ cười nhàn nhạt nở trên môi vua như ánh hoàng hôn.

Vua thở ra một giọng yếu nhỏ, viên đại thần quý xuống lẳng tai đón lấy:

"Trăm yếu lắm, một trang sách còn chưa thể xem được huống là cả cuốn... Song trước khi nhắm mắt, trăm háo hức muốn biết qua những tư tưởng gì, những triết lý gì, đã chi phối cả đời người, đã điều khiển cả một vận mệnh... Khanh khá rút ngay quyển sách này thành một câu hay vài chữ cho trăm xem kịp và đủ sức hiểu..."

Nét mặt viên đại thần trở nên trầm ngâm và hai mắt già nheo lại. Tứ thần đã chờn vờn

đầu đó. Các ngự y cúi đầu trước số mệnh. Nhà vua nằm yên khắc khoải chờ. Thời gian như ngừng hẳn lại. Không khí trở nên nặng nề và nghiêm trọng. Vàng son nội điện tự nhiên cũng hóa rầu rĩ. Mọi người chăm chú và kính cẩn nhìn viên đại thần đang lặng lẽ đem cuộc đời thu vào một câu. Sau một hồi suy nghĩ, viên đại thần từ từ bước đến bên án. Cả bộ Văn phòng tứ bảo hình như run khi bàn tay già đưa ra.

Bàn tay kính cẩn nâng cây bút, và nhẹ nhàng vạch trên mảnh hoa tiên những nét buồn lung linh. Mọi người đều ngó theo. Thần chết lúc ấy đã chấp chờn đầu long sàng. Đã mấy lần nhắm mở, Vua mới cất được mấy tiếng cuối cùng: "SANH LÃO BỆNH TỬ."

*Một đời người luống qua vô ích
Chỉ kết liễu trong ân hận.*

KHÔNG

*một sáng tự phản quan
nhìn cái không năm uẩn
sắc thọ tướng hành thức
không có gì là thực
thấy được cái chân không vạn pháp
thật pháp tức không pháp
không mà không rộng không
mới đích thực chân không diệu hữu*

CHÂN MINH TRÍ

Santa Ana, sáng 16-4-2014



TRỌN HẮC ÍN

thiên thần khóc thiên thần cười
thiên thần điên thiên thần gào
mình ta ngồi chơi
với bầy cuội đen bóng nhầy

thiên kiến khoả thân cùng răng
nhai đi
nhai lại
vết hằn kinh niên

*tắm vải của ni chừ lật mặt
buông theo đồ tể tháng năm cùn
sương đã đi hết một mùa gặt
còn nghe khúc hát biển tà dôn*

*quỳ gối hết sáng đêm
buồn đời lên mục gỗ
con trăng ướt ngoài thềm
cửa thông đồng chưa mở*

lý thuyết của thơ lành như bột
có khi đánh thép tựa quai hàm
người đờn ông gò lưng
trên sóng rượu
rồi nhấp nhấp
bọt quay bờ
mù tịt con mắt
nhường nhượng
ư ừ ca

*vẫn được vẫn cứ vẫn
về được về cứ về
hà có gì ghét bỏ
một vẫn về be he*

ĐẠI VỆ

sáng nay vừa rửa vừa lau
một mình tôi với mái đầu bạc phơ
tôi già tôi đến không ngờ
mấy o rông phượng đi mô hết rồi
tôi ngồi chằm mút đơn côi
mà nghe lâm lự cả đời xưa sau

THƯƠNG TƯỜNG

*Tôi mùa mưa qua sông
trăng chuối lấp lánh bạc vỉnh hằng
tuyên xưng cái đẹp tôi
lên trùng trùng cơ cấu
mạn ngã biển hình
vi sinh thuyền em
nâng mây độ sơ huyền
dòng chuyển đời huyền thiên lá râm
ngọn sào biên biếc
gã thư sinh chết giữa cười
đoan nghi phồn hậu ôm chầm
phao chứng
bơi giữa dòng lục lâm
hoa thi mùa bóng thối trường kỳ
chuông chiều. và kẻ thăm âm
đau rát phiên tụng râm ran khuya đèn treo
mưa chừ
mấp mọ qua đèo
chợt chim thương tưởng
bay vèo
núi
non*

thơ

HOÀNG XUÂN SƠN



Lặng thinh mà tỏa sáng

HUỆ TRẦN

Bài viết "Phật trên hè phố Oakland" của nhà báo Trần Khải, tiếp tục được tải truyền rộng rãi trên các website.

Bài viết ghi lại đại cương sự kiện phóng viên Chip Johnson kể lại trên báo SFGate.com về một pho tượng Phật đã đem lại sự bình an, sạch sẽ cho một khu phố nhiều tội ác và rác rưởi trước đây. Chi tiết đặc biệt đã thu hút người đọc, là pho tượng Phật Thích Ca bằng đá, chỉ cao khoảng 2 feet, được đặt ở góc đường 11 và đường 19, trong khu Eastlake, thành phố Oakland, là do một người vô thần, tình cờ nhìn thấy tại một tiệm bán vật liệu xây cất.

Bài báo tường trình rằng, anh Dan Stevenson chẳng thờ Phật, cũng chẳng thờ Chúa, cũng chẳng theo tôn giáo nào. Nói chung, Dan Stevenson là một người vô thần.

Nhưng tôi nghĩ, tại sao một người dân bình thường và được mô tả là vô thần đó, khi nhìn thấy tượng Phật Thích Ca, lẫn lộn giữa những vật liệu xây cất, anh lại khởi lòng từ bi, mua về? Rồi chẳng phải anh chỉ mua để chưng bày đâu đó quanh nhà, mà anh đã mang ra góc đường 11 & 19, là địa điểm khét tiếng về đủ loại tội hình sự, đồng thời cũng là bãi rác lộ thiên, nơi dân cư quanh đó

cứ mang rác ra mà đổ thoải mái! Khi gần tượng, anh còn cẩn thận hàn cứng tượng vào một khung sắt, rồi dán đầy khung xuống nền xi măng bằng một loại keo tốt, phải mua tới 35 đồng để bảo vệ tượng không bị cạy đi.

Một người vô thần, tự động một mình làm những điều đó, lại hy vọng là tượng Phật ở đó sẽ đem bình an cho khu phố, thì người đó có thực vô thần không? Tại sao anh không mua một hình tượng nào khác mà lại là tượng Phật Thích Ca? Và điều gì khiến một người vô thần, hy vọng là pho tượng nhỏ xíu đó lại có thể đẩy lui tội ác?

Đa số dân cư khu đó đủ mọi sắc dân da màu, từ nghèo khó tới trung lưu. Nếu Dan Stevenson chia sẻ niềm hy vọng này của anh, trước khi gắn pho tượng xuống, có lẽ ít ai tin tưởng và đồng ý với anh, nếu không muốn nói, còn cho là anh vọng tưởng, hoang đường!

Vậy mà, sự hiện diện của pho tượng nhỏ, nơi góc đường, đã thay đổi cả khu phố.

Đây không thể chỉ là tình cờ. Những ai có niềm tin nơi Phật pháp, nhiều phần sẽ tin rằng Dan Stevenson đã có hạt giống bồ đề được gieo trồng kiếp trước, hay ngay kiếp này, mà

chính anh không hề nhận biết. Hạt giống đó vẫn âm thầm được tưới tắm, gặp đủ duyên là trở quả, đơm hoa.

Những bất ngờ cực kỳ mẫu nhiệm đã khiến cả chính quyền lẫn dân chúng quanh vùng sửng sốt, là từ khi tượng Phật được an vị tại đó, thống kê về mọi loại tội phạm và phá rối, đã giảm tới 82%.

Nơi khi trước là điểm tụ họp của các thành phần tội phạm, nay người từ khắp nơi, mọi thành phần, mọi chủng tộc ghé đến chiêm bái, tỏ lòng tôn kính.

Nơi khi trước rác rưởi nhơ bẩn, bừa bãi, nay là hoa thơm trái ngọt người người mang đến cúng dường.

Bài báo của phóng viên Chip Johnson mô tả điều này, cùng với lời những cảnh sát làm việc thống kê nói rằng, không thể hiểu nguyên nhân vì sao lại có sự thay đổi tuyệt hảo như vậy, chỉ nhờ một tượng Phật bằng đá!

Nhìn trên phương diện tích môn, quả là họ không thể tin, không thể hiểu. Nhưng nếu chuyển được cái nhìn về phương diện bản môn thì sự thật hiển nhiên này có chi lạ đâu!

Tượng Phật bằng đá đơn sơ đó, tuy lặng thinh mà tỏa sáng Pháp thân. Pháp thân Phật là tâm từ vô lượng vô biên, cực kỳ mạnh mẽ tới những tâm chí thành khẩn gọi.

Khi xưa, năm anh em ngài Kiều Trần Như được coi là tăng đoàn đầu tiên, sau khi được Đức Phật thuyết Tứ Diệu Đế tại Lộc Uyển. Khi đó, ngài Xá Lợi Phất còn đang lang thang nay đây mai đó tìm cầu đạo sư. Một lần, tại thành Vương Xá, Xá Lợi Phất chợt thấy một vị khất sỹ trẻ, đang ôm bát khất thực. Vị khất sỹ lặng lẽ từng bước, có nói gì, làm gì đâu! Vậy mà từ nhân dáng đó đã tỏa ra năng lượng vô cùng thanh tịnh, an lạc khiến ngài Xá Lợi Phất rung động toàn thân, đến mức không thể không đi theo, chờ vị khất sỹ đó khất thực xong, vào rừng thọ trai, rồi mới đến bên, cung kính thưa rằng:

- Sư phụ của ngài là ai, mà ngài thọ nhận được nhân dáng đoan nghiêm nhường này!



Vị khất sỹ đó chính là ngài A Xà Bà Thế (Assaji), người em út trong ngũ huynh đệ Kiều Trần Như. Ngài trả lời ngài Xá Lợi Phất rằng:

- Sư Phụ tôi là Đức Phật Cồ Đàm, bậc Giác Ngộ vừa đạt đạo giải thoát.

Ngài Xá Lợi Phất khẩn khoản xin ngài A Xà Bà Thế ban cho vài lời Đức Phật đã dạy. Từ chối không được, ngài đọc một bài kệ ngắn, lời Đức Thế Tôn:

"Muôn vật từ duyên sinh

Lại từ duyên mà diệt

Bậc Giác Ngộ tuyệt vời

Đã từng thuyết như vậy"(*)

Vừa nghe xong bài kệ, lập tức, ngài Xá Lợi Phất thấy tâm mình bừng sáng, bèn theo về gặp Đức Phật xin thọ giáo, để không bao lâu sau, trở thành một, trong mười Đại Đệ Tử, hoằng pháp lợi sanh cho tới ngày nhập Niết Bàn.

Pháp thân là như thế, lặng thình mà tỏa sáng.

Pháp thân cũng có thể là biểu tượng.

Chiêm ngưỡng một bức tranh Bồ Tát Quán Thế Âm với bình tịnh thủy Cam Lồ trên tay, người chí kính thành tâm có thể cảm nhận nước Cam Lồ đang được Bồ Tát rưới cho mình, khiến phút giây, bao phiền não được đoạn tận, bao uế trần được tẩy sạch, như vừa được khai sinh mới mẻ.

Kinh nghiệm này không lạ gì với những ai từng vững tin và am hiểu giáo pháp.

Người theo pháp môn Tịnh Độ, ngồi trước tôn tượng Đức Phật A Di Đà, tĩnh tâm niệm Phật, sẽ không khó gì, khi tâm người đó nhập vào cảnh giới có chim thuyết pháp, gió đưa hương.

Họa phẩm lặng thình.

Tôn tượng lặng thình.

Nhưng năng lượng vô hình vẫn tỏa sáng.

Trong chương cuối, của *Kinh Bốn Mười Hai Chương*, Hòa Thượng Phước Tịnh chú giảng, có



NHỚ QUÊ

*Cúc nở Xuân về rộn đỏ đây,
Nhưng sao khắc khoải nhớ nhung đây!
Quê tôi xa lắc không về được,
Nên phải đau lòng nuốt đắng cay...*

*Thu đến hoa tàn ngọn gió lay,
Hỏi ai có thấy, thấy lòng này?
Nỗi niềm xa xứ ôi! Cô quạnh,
Năm tháng ngậm ngùi nhớ lắm thay!*

*Tôi vẫn hằng mong có một ngày,
Dưới trăng quê mẹ ngắm trời mây.
Cho lòng vui bớt bao nhung nhớ,
Cho kẻ ly hương thoát đọa đây.*



DIỆU ĐỨC

đoạn thuật lại lời đối thoại giữa Quốc sư Huệ Trung và nhà vua.

Quốc sư rời kinh đô, lên núi Bạch Nhai luyện tâm. Nhà vua thương nhớ, thỉnh thoảng lại cho người lên rước về triều để được vẫn an. Có lần vua hỏi:

- Bốn mươi năm trên núi, ngài chứng được những quả vị gì?

Quốc sư chỉ tay lên trời, hỏi vua:

- Mây trắng trên kia, ai đóng đỉnh mà dính trên không trung vậy?

Vua trả lời:

- Không ai đóng đỉnh cả. Nó tự vậy thôi!

Quốc sư bèn nói:

- Ta cũng thế. Ta không có quả vị gì để chứng. Ta là người bình thường, là một ông tăng trên xó núi thành thời. Ta không bị buộc vào gì cả.

Tuy dẫn chứng này phải dùng ngôn từ, nhưng nói, mà thực như không nói, vì Quốc sư nào có thường kể cận bên vua. Vậy mà điều gì khiến nhà vua luôn tưởng nhớ đến ngài? Có phải là Pháp thân ngài vẫn tỏa sáng đến tận lòng thành khẩn của nhà vua?

Thế nên, pháp thân tuy vô hình nhưng vẫn thể hiện ở muôn hình vạn trạng. Tôn tượng Phật Thích Ca bằng đá trắng, bên hẻm phố Oakland, nay đã được cư dân nơi đó thiết kế một Am nhỏ, với kiến trúc như một ngôi chùa tí hon bằng gỗ. Và tôn tượng được an vị bên trong, như một biểu tượng linh động và rõ nét nhất về sự cảm hóa nhiệm mầu, qua lòng tử bi mẫn ái của Chư Phật đối với chúng sanh.

Nay, không chỉ cư dân trong vùng thay nhau chăm sóc, không chỉ những Phật tử mọi sắc dân về tụng kinh, lễ bái trước Am, mà du khách thập phương nghe tin, cũng ghé thăm, chấp tay tỏ lòng kính ngưỡng.

Giữa khu phố người người an lạc, hạnh phúc đó, tượng Phật tịnh tọa trong Am, vẫn chỉ lặng thình mà tỏa sáng.

Huệ Trân

(Tào-Kê tịnh thất, đêm trăng tháng mười)

(*) Làng Mai dịch.

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



VÔ MÔN

Hồn gã ăn mày vừa lên đến cửa thiên đường lập tức được rước vào trong. Đám đông bên ngoài ồn ào phản đối:

- Gã ăn mày chỉ bố thí có mấy đồng mà vào được thiên đàng, còn tôi bố thí rất nhiều mà chẳng được vào.

- Tôi làm công đức nhiều, đóng góp nhiều, tụng kinh nhiều... mà cũng chẳng được vào. Chợt trên thềm không có tiếng thăm thì:

- Thiên đàng, địa ngục vốn vô môn; vào được hay không là do chính tâm các người, sao còn mê muội đường này?

BÁ LIÊN

Bá Liên nổi tiếng giàu nhất quận, ruộng đất cò bay thẳng cánh, thóc lúa đầy lẫm. Bá Liên còn dựng chùa tư, trong nhà bài trí nhiều tượng Phật... Nhưng Bá Liên nổi tiếng trùm sò và khắc nghiệt với người làm công.

- Các người nộp lúa cấy rẻ phải giê cho sạch nhé, nếu ta phát hiện có hạt lép nào thì đừng trách ta ác.

Năm ấy trời làm đại hồng thủy, thóc lúa nhà Bá Liên bị ngâm nước mọc mộng ráo trôi. Bá Liên muốn người gánh đi đổ mấy ngày không hết. Dân làng xi xào với nhau:

- Cửa thiên trả địa.

CỔNG THẦY TƯ

Con rạch chảy ngang xóm chùa, dân làng qua lại khó khăn. Có nhà hào phú bỏ tiền xây cổng bắc qua. Người làng nhớ ơn gọi cổng Thầy Tư. Một hôm chủ quận mới về tuyên bố:

- Từ nay phế bỏ cái cũ, xây dựng cái mới. Cổng Thầy Tư gọi là cổng Thanh Niên, Rạch Bà Tám gọi là rạch Phụ Nữ. Ai ngoan cố trái lệnh sẽ trừng trị; lệnh ban sớm mai thì chiều hôm trên rạch vắng vắng hồ lơ.

... Hồ... ơ... Cổng thầy Tư nổng ngang rạch Bà Tám

Bậu theo tình mới chứ Qua đây chẳng có ham.

... hồ... ơ... Nhớ xưa cộng khổ đồng cam... hồ... ơ...

Hồ... ơ... Cổng Thầy Tư đó ai làm Bậu qua...

CÔNG HẦU MÀ CHI

Thừa tướng dự mưu phế lập với hoạn quan nhưng còn do dự. Hoạn quan chớp thời cơ cướp ấn nắm quyền đem thừa tướng ra hành quyết. Ngày ra pháp trường thừa tướng than thở cùng con trai:

- Công hầu mà chi? sao bằng ngày xưa ta cùng con chiều chiều dắt chó dạo chơi ngoài cửa thành, tỉnh ra đã muộn rồi.

THÁI TỔ

Thái Tổ xuất thân từ cửa chùa, khi lên ngôi rất sùng Phật

pháp cho xây chùa, tô tượng, độ tăng... Trong triều có đại thần không phục dâng sớ can gián:

- Bệ hạ mới lên ngôi, thành quách chưa vững, dân khí chưa mạnh mà xây nhiều chùa quá tổn hại đến quốc khố.

Ngày thiết triều Thái Tổ nói:

- Có đất nào, có người nào mà không phải của trăm? nói gì đến quốc khố, và lại trăm làm vậy để dắt dân vào hướng thiện. Trăm muốn tạo cái gốc cho đời sau.

Trăm quan đồng phủ phục:

- Chúng thần phụng mệnh!

NÓI KHÔNG BẰNG LÀM

Con trẻ suốt ngày chơi game, xem tivi, mê Ipad, Ipod... Người cha bèn la:

- Con mê chơi quá ôm mấy cái đó suốt ngày hư mắt, tai hại tinh thần lắm!

Con trẻ trả lời:

- Con thấy ba cũng ôm laptop suốt ngày mà!

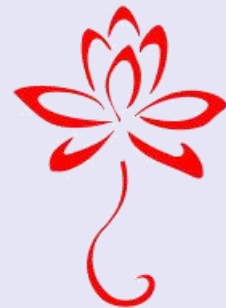
- Nhưng ba làm việc chứ đâu có chơi!

Con bèn cãi lại:

- Con cũng làm bài tập mà.

Chiều hôm đó người cha bỏ laptop rủ con đi tắm biển, thẳng nhò lập tức chạy theo không màng đến tivi, game nữa.

Peach State, Dec 2014



Vì hiện tại hãy làm một chút gì đó

Tác giả: **LÂM THANH HUYỀN**

Dịch giả: **MINH CHI**

(Thay lời tựa cho tác phẩm “Tin Tức Từ Biển Tâm”)

Một ngày, tôi đi dạo chơi ở đường phố Đôn Hoa Nam, bỗng một phụ nữ chạy theo gặp tôi, cô ta vừa thở vừa nói: “Xin hỏi, ông có phải là Lâm Thanh Huyền không?”

Tôi nói: Phải.

Cô vui vẻ nói: “Tôi muốn gọi điện thoại đến nhà xuất bản gặp ông, ngờ đâu lại gặp ông trên đường đi”.

Tôi nói: “Cô có việc gì đấy?”

“Tôi ...à”. Cô ta muốn nói nhưng lại thôi, rồi lại mạnh dạn nói: “Tôi cảm thấy là trước khi học Phật tôi rất vui, nhưng bây giờ lại sống rất khổ, không biết có phải là do tự mình hay không?”.

Sau đó, chúng tôi cùng đi dạo dọc đường Đôn Hoa Nam, giữa hai hàng cây trùng dương. Tiếng người và tiếng xe cộ chạy qua bên cạnh. Dòng xe chạy ngược xuôi này, từ đầu đến và đi đầu tôi không biết. Tôi có cảm giác như đang xem một đoạn phim về một đoạn đường, khi thì dồn dập, vội vàng, khi thì yên tĩnh vắng lặng.

Vị nữ sĩ trung niên, đi bên cạnh tôi, nói về sự xung đột, va chạm, khổ đau, giữa học Phật và cuộc sống.

“Tôi mỗi ngày đều lên khóa lễ sớm và chiều. Mỗi lần tụng kinh một giờ. Vì khóa lễ sớm và chiều cho nên tôi không thể đưa con đi học, cũng không đi đón con về nhà. Chồng tôi rất không bằng lòng, cho rằng tôi đã bỏ quá nhiều thì giờ vào một công việc không có ý nghĩa.

Các con tôi rất thích nghe loại âm nhạc sôi động, nhưng nhà chúng tôi chỉ có một dàn máy mà thôi. Nếu tôi lên khóa lễ, thì các con tôi không nghe nhạc được, do đó mà có tranh chấp, cũng do đó mà các con tôi không tin Phật giáo. Khi chúng nó nói thì tỏ ra bất kính Phật và Bồ tát. Tôi nghe chúng nó nói mà càng thêm khổ.

Bà tôi, chồng tôi và cô em tôi đều theo tín ngưỡng dân gian. Năm mới hay gặp ngày lễ thì giết gà vịt để cúng. Tôi không thể làm như vậy được, vì làm như vậy sẽ



mâu thuẫn với tín ngưỡng của tôi. Nhưng nếu không làm thì lại sanh ra cãi vã, mâu thuẫn, trong nhà không được yên.

Tôi muốn hóa độ cho họ, nhưng họ bài bác tôi và bài bác cả Phật giáo. Giữa tôi với họ, không thông cảm với nhau được. Lâm tiên sinh xem tôi nên giải quyết thế nào?”

Càng nói về sau, đụng chạm đến chỗ thương tâm của cô, cho nên mắt cô đỏ hoe.

Tôi nói: “Vì sao cô học Phật?”

Cô ta nói: “Đời người là biển khổ. Tôi hy vọng sau khi chết được vắng sanh về cõi Cực Lạc phương Tây.”

“Thế thì vì sao cô lên khóa lễ sớm chiều?” Tôi lại hỏi.

Cô nói với giọng chí thành: “Bởi vì tôi cảm thấy nghiệp chướng rất nặng, cho nên phải theo khóa lễ để sám hối nghiệp chướng đời trước của mình.”

“Cô có bao giờ nghĩ rằng, cô chỉ lo lắng cho quá khứ và tương lai, còn đối với hiện tại cô có nên làm đôi chút gì chăng?” Cô ta đứng ngẩn người ra, không nói được nửa lời. Bởi vì, đúng là trong quá trình học Phật, cô ta hoàn toàn không nghĩ tới vấn đề

hiện tại.

Tôi nói với cô ta: “Hãy đối xử với chồng tốt hơn. Đó chính là khóa lễ rất tốt đấy. Hằng ngày, quan tâm đến con, đưa nó đến trường và đón nó về nhà. Đó cũng là khóa lễ rất tốt đấy. Hãy thử đừng có tranh cãi với người khác, và khéo tùy thuận họ. Lại là một khóa lễ rất tốt nữa. Thậm chí, cùng với các con nghe nhạc sôi động khiến các con cảm thông với tình yêu của mẹ, chúng nó sẽ không còn sợ hãi.

Đó cũng là một khóa lễ rất tốt nữa. Các hạnh Bồ Tát như bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự đều là những việc làm như thế cả! Nếu chúng ta thể nghiệm được “nhà nào cũng có bộ kinh khó tụng,” mà lại đem bộ kinh đó đọc tụng được, đọc thuộc được, đọc thông được thì việc thể nghiệm Phật pháp chân thực sẽ rất giản đơn.

“Bởi vì, bộ kinh ở trong nhà đó, cũng sâu sắc, khó nghĩ bàn như các bộ kinh trong chùa vậy.”

Tôi thấy mắt cô bạn như sáng ra và cô nói: “Đúng vậy! Vì sao trước đây, tôi không có nghĩ hay làm một chút gì đó cho hiện tại? Nay, Lâm tiên sinh, dưới lầu công ty Bách Hóa Viễn Đông này có quán cà phê, bán cả phê rất ngon. Tôi mời ông uống cà phê và giảng thêm cho tôi một tí.”

Chúng tôi đi uống cà phê. Loại cà phê ở đây rất đặc biệt, nước cà phê đen trắng sữa trắng, lấy thìa con khuấy lên, mùi thơm bay khắp, nhất là vào một buổi chiều thu như hôm nay, lòng con người có cảm giác êm dịu.

Tôi hỏi cô ta “Cô có biết thuyết 12 nhân duyên không?”

“Biết chứ.” Tôi nói tiếp: 12 nhân duyên giống như 12 giờ, ghi trên mặt đồng hồ đeo tay của tôi đây, chúng ta hãy viết trên đó:

Đó là cái bí mật của sự luân chuyển của chúng ta trong vòng sanh tử luân hồi? Vô minh và hành là hai cá nhân phiền não thuộc đời sống quá khứ, chúng ta dựa vào thức mà tái sanh ở thế giới này. Khi chúng ta mới tái sanh, chúng ta còn ở trạng thái

bào thai mới thành hình gọi là danh sắc. Trong thai mẹ, sáu cảm quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý dần dần hoàn bị gọi là sáu xứ. Sau khi lọt lòng mẹ, mới 2, 3 tuổi thì mới có cảm xúc, gọi là xúc. Từ 4, 5 tuổi đến 14 tuổi, 15 tuổi mới cảm thọ được thế giới này gọi là thọ.

Vô minh, hành là hai cái nhân của "đời sống quá khứ."

Thức, danh sắc, sáu xứ, xúc thọ là "năm quả của đời sống hiện tại." Ai là gì? Từ 16 tuổi, 17 tuổi trở đi, cảm giác ái dục bắt đầu mạnh mẽ. Đó là ái.

Vì có ái cho nên tham cầu, muốn chiếm hữu được cái này, cái kia. Đó là thủ.

Do ái, thủ mới tạo ra các nghiệp, gọi là hữu.

Ai, thủ, hữu là "ba cái nhân của đời sống hiện tại". Ba cái nhân đó là chỗ dựa để chúng ta tái sanh ở đời vị lai. Do đó mà có sanh. Đã có sanh thì có già chết (lão tử). Tiếp đó, lại theo thứ tự như trên mà quay một vòng nữa, dựa vào vô minh, hành mà tái sanh. Tôi giảng qua 12 nhân duyên, khiến cho bầu không khí giữa chúng tôi trở thành trang nghiêm.

"Trên hình thức, cuộc sống chúng ta hình thành một đường thẳng quá khứ, hiện tại, vị lai. Thực ra, thì đó là một sự quay vòng như trên mặt đồng hồ đeo tay vậy. Do đó, kinh nghiệm hiện tại có thể đã từng là kinh nghiệm quá khứ, và những kinh nghiệm đó sẽ lặp lại nhiều lần trong vị lai. Chúng ta không cách nào hiểu biết được các nhân từ vô minh đến thọ, cũng không quản được 2 nhân sanh và lão tử ở vị lai. Làm gì cho hiện tại đây, tức là với thái độ chân thực, xem xét khâu ái dục của chúng ta, khâu tham cầu của chúng ta, và nghiệp của chúng ta. Đó là những điều mà hàng ngày chúng ta đều có thấy, cảm thọ và đối mới được!"

Vị nữ sĩ xem đồng hồ đeo tay của tôi bỗng kêu lên một tiếng "Tôi phải về nhà đón con tôi và làm cơm!"

Tôi nói "Không phải là những việc ấy chồng cô làm cả sao?"

Cô ta cáo từ với giọng niềm nở "Tôi hiện nay hiểu rồi, phải làm chút gì đó cho hiện tại chứ."

"Nếu có thời giờ rỗi, cô cũng đừng quên khóa lễ ở bàn thờ Phật đấy! Nếu hiểu rõ được hiện tại, hiểu rõ được chân giá trị của giờ phút này thì lên khóa lễ sớm và chiều mới có sự phát hiện sâu sắc hơn."

Nhìn thấy cô ta đi khuất sau thang lầu tôi mới nhớ rằng mình đã quên không hỏi tên cô.

Tôi ngồi trong hàng cà phê, suy xét và thưởng thức 2 chữ thần kỳ "hiện tại." **Hiện** (現) là vương kiến, nghĩa là cái thấy của quốc vương. Cũng tức là cách hiểu biết trọng yếu nhất, thù thắng nhất. **Tại** tức là "tôi đang ở."

Dùng một kiến giải trọng yếu nhất để nhìn rõ cảnh giới, nơi thâm tâm tôi đang tồn tại, thấy rõ thân tâm mình khởi và diệt như thế nào, thấy rõ thân tâm như như bất động như thế nào!

Đó là sự thể nghiệm thân thiết và chân thực biết bao!

Tin rằng trong quá khứ, chúng ta đã tạo nhiều tội nghiệp mà không biết, nhưng làm sao mà thay đổi được!

Cũng tin rằng, trong vị lai sẽ có một thế giới mới tốt đẹp, nhưng nếu như chúng ta hiện nay, ngay một bát cơm, một chén trà cũng không thưởng thức được thì làm sao sẽ thưởng thức được cái tốt đẹp ở cõi Tịnh Độ?

Chúng ta trở về xem xét hiện tại, đó là "tĩnh giác", cũng tức là trở về Phật Pháp, bởi vì Phật Pháp không hướng về quá khứ, cũng không hướng tới tương lai mà cầu tìm. Phật pháp vốn là ở đây Phật tánh là vốn có. Chỉ vì chúng ta không tĩnh giác, xem thường cho nên mới thấy xa vời.

Hàng đàn chim ở trong rừng, không bằng một con chim ở trong tay mình... nước đầy ở đại dương không bằng nước ở trong chén. Tiệc lớn ngày hôm qua không giúp ích gì cho cơn đói ngày hôm nay. Bộ áo mới hôm nay, đến mai sẽ không còn mới nữa.

Tôi cũng đứng dậy, chuẩn bị đi đón con ở trường về, đó cũng là khóa lễ hàng ngày của tôi.

Trong một thời gian rất ngắn, rất ngắn, trong vườn lớn của nhà chúng tôi, trồng các cây đa, cây táo và cây long nhãn, bọn trẻ con thay phiên nhau phụ trách quét sạch lá rơi trong vườn.

Cha chúng tôi dạy chúng tôi một phương pháp rất tốt để quét sạch lá vườn, tức là sáng sớm, trước khi lấy chổi quét vườn thì hãy dùng sức lay từng cây một. Ông nói: Như vậy là để quét luôn những lá sẽ rụng ngày mai, và như vậy sẽ tiết kiệm sức cho ngày mai.

Do đó, trước khi quét vườn, chúng tôi đều lay gốc cây để cho lá rụng, nhưng điều rất lạ là mặc dù dùng sức đến đâu, ngày mai vẫn có lá rụng.

Thậm chí, đối với cây vừa mới lay gốc không lâu, qua một cơn gió thổi, lá lại rụng nữa.

Như vậy, cứ lay gốc cây mãi. Một ngày cây táo ở gần giếng bị lay mạnh đến bật rễ mà chết.

Lúc đó, tôi mới thể nghiệm rằng, ngày hôm nay chỉ cần quét sạch lá trên đất này là được, vì ngày mai nhất định sẽ còn có lá rụng.

Điều quan trọng là trong quá trình quét sân, phải quét từ tế, có để tâm. Như vậy, hàng ngày đều giữ vườn được sạch sẽ. Trong tâm mình cũng nhờ quét vườn mà được thanh thản.

Lá rơi trên đất vừa quét sạch, lại nổi bật lên như còn tươi, thậm chí lại còn đẹp nữa.

Các khâu ái, thủ, hữu bị rơi rụng trong đời sống con người, cũng như lá vàng lúc ban đầu nhìn cũng chướng mắt. Nhưng nếu con mắt biết quan sát mà xem, thì vẫn có khía cạnh đẹp của chúng.

Vì hiện tại hãy làm một chút gì vậy!

Hãy làm chút gì cho cuộc sống vô thường, ngắn ngủi, trôi nổi bất định này!

Ngày ngày tĩnh giác, ngày ngày có sự chuẩn bị trong sáng, đó là khóa lễ vĩ đại nhất!

(lược bớt một đoạn tác giả nói về tác phẩm và việc xuất bản - CP)

Trong cuộc đời, tiếng cười và nước mắt đan xen này, buồn và vui quyện nhau này, hãy vì hiện tại mà làm một chút gì!

Lâm Thanh Huyền



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÁNH CHƯNG CHAY



Nguyên liệu:

- 9 chén nếp
- 3 gói đậu xanh cà
- 1 cây ham chay
- 4 muỗng café bột nếp chay
- 4 muỗng café muối
- 3 muỗng café đường cát
- 2 muỗng café nước mắm chay
- 3 tép tỏi (bầm nhuyễn)
- 2 cái củ hành hương (bầm nhuyễn)
- 1 muỗng café tiêu
- 2 talbespoon dầu ăn
- 2 xấp lá chuối (rửa sạch lau khô)

Cách Làm:

Vo sạch nếp, cho 2 muỗng café muối ngâm 24 hrs, xả nước lạnh, để lên rổ cho ráo nước, trộn đều với 1 café muối.

Đậu xanh vo sạch, ngâm qua đêm rồi xả nước, cho 1 muỗng café muối vô đậu để 30 phút, rồi đem xả nước cho hết bọt, hấp đậu chín, tán nhuyễn lúc đậu còn nóng, cho 3 muỗng café bột nếp, 2 muỗng café đường, 2 tablespoon dầu ăn trộn cho đều.

Ham chay thái độ dày 3/4 inch ướp với củ hành, tỏi, tiêu, 1 muỗng café bột nếp, 1 muỗng café đường, nước mắm chay để qua đêm, bắc chảo nóng chiên ham sơ qua cho thơm, đừng chiên vàng.

Dùng khuôn 5" x 5" x 2.5" loại khuôn đóng xôi (hoặc khuôn lớn nhỏ tùy ý). Dung lượng sau đây dành cho khuôn nói trên.

Cắt lá chuối vừa khuôn, xếp góc lót vào khuôn, cho 1/2 chén nếp, 1/2 chén đậu, một miếng ham chay, 1/2 chén đậu, sau cùng 1/2 chén nếp (nếu muốn ăn đậu nhiều thì cho 3/4 chén đậu).

Dùng dây nylon cột lại, thêm một lớp giấy foil ở ngoài.

Nấu nước sôi, cho bánh vào nấu, nhớ châm nước sôi vô bánh cách khoảng 2 hrs, nấu 10 hrs là bánh chín. Vớt bánh ra, thả vô thau nước lạnh, lấy bánh ra sắp lên tấm thớt rồi dẫn bằng thau nước nặng khoảng 6 hrs là được.

Công thức này gói được 9 cái bánh chưng chay, một cái nặng 2 1/2 pounds.

Chúc các bạn làm bánh chưng chay thành công trong dịp đón Xuân về.

Chân Thiện Mỹ (nguồn: *Thư Viện Hoa Sen*)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Tấm lòng của một người cha xa xứ

BẠCH XUÂN PHÊ

Sáng tinh mơ, Ba vẫn thường lặng lẽ, ngồi thiền trước bàn thờ Phật và Ông Bà Tổ Tiên. Những lúc như thế nhìn Ba mà lòng cảm thấy nhẹ nhàng thanh thản. Ba sinh ra và lớn lên trên bán đảo Phương Mai, miền duyên hải hữu tình và thơ mộng dọc Miền Trung trong một gia đình ngư dân và thương gia. Năm nay Ba đã ở cái tuổi "Bát thập đắc hi hi" thể mà tinh tấn chuyên cần với những việc thường ngày như thế, trong đó có nghe tin tức bên Việt Nam và tìm mọi cách để giúp đỡ những người còn lại. Thậm chí, khi đi mua áo ấm tặng Ba, Ba cũng luôn nghĩ về những người thiếu thốn ở Việt Nam, nơi chốn nhau cắt rốn của mình. Đây là một ví dụ đẹp điển hình trong bài thơ mà chúng tôi đã viết nói lên tấm lòng của Ba về quê hương đất nước cũng như những lời dạy bảo của người.



trong làng, Ba thất học khi lên lớp ba lớp bốn và bắt đầu đi biển để giúp kinh tế trong gia đình. Ở tuổi thiếu niên, vì lần lộn dầm mưa dãi nắng rất sớm, nên Ba là người khỏe mạnh. Thân hình rắn chắc, nước da ngăm, và là một người bơi lặn rất giỏi. Ngoài ra, Ba làm lưới, làm biển thì số một. Ba đã thành thạo tay nghề và được sự tín nhiệm của Ông Nội với các nghề lưới Đàng Cước, lưới Đàng Đen, lưới Quát, mành Chiếc, mành Ruốt, Rút Chì, và mành Tè v.v... Một con người dân dã như Ba vẫn dạy chúng tôi lẽ sống, phải đầy đủ Nhân-Lễ-Nghĩa-Trí-Tin khi còn trẻ và bây giờ thì phải sống và làm việc theo tinh thần Phật giáo. Ba, một ngư dân bình thường, như trí tuệ của Ba như bao người Cha khác, rất thật và thực tiễn. Ba luôn nhấn mạnh rằng rằng:

*"...Ích kỷ lộng hành đâu giúp nổi quê hương!
Cái gì lợi mình hại người thì càng tang thương
Cái gì thiếu đạo đức là hại luôn dân tộc
Cái gì thiếu nhân bản là mất luôn tình nghĩa..."*

ÁO BA LÀM ẤM QUÊ HƯƠNG

*Mùa Đông lạnh cùng Ba đi mua áo
Ba tươi cười làm con cũng vui theo
Nhưng rồi lại, "Con ơi sao đắt quá!"
Sổ tiền này con hãy gọi về quê
Giúp người nghèo khổ, thiếu cơm những tháng*

Đông về

Hay giúp người thân quen, còn ngặt nghèo khó nhọc

*Hay cho cháu chắt có tiền đi học
Thân Ba già ăn mặc có bao nhiêu
Nhưng lời Ba đã dạy con đủ điều
Đặt nước điều linh
Vẫn còn nhiều người dân thống khổ
Bụi bặm cuộc đời, chùi rửa đi! Lời Ba thổ lộ
Ích kỷ lộng hành đâu giúp nổi quê hương!
Cái gì lợi mình hại người thì càng tang thương
Cái gì thiếu đạo đức là hại luôn dân tộc
Cái gì thiếu nhân bản là mất luôn tình nghĩa
Sống vui vẻ và thanh tao để đời không mai mỉa
Này con yêu ơi! Con hãy sống an lành
Sống vị tha và tha thứ vì đời vốn mong manh
Sống bình dị, biết yêu thương con nhé!
Lời Ba dạy như chút phước sương nhỏ bé
Mang tử bi gieo hạt đợi mong
Mùa Đông lạnh, nuôi mầm Xuân hy vọng
Hạnh phúc nào đi mua áo cùng Ba!*

(From <http://phebach.blogspot.com/2014/12/ao-ba-lam-am-que-huong.html>)

Ba tôi đó, một người giản dị, giản dị và hài hòa. Ba vốn là một con người chất phác, hiền lành, và một mực. Thuở thiếu thời, như bao đứa trẻ khác

Có vậy mới thấy được tấm lòng cao cả của những người Cha lo lắng và yêu thương đến con cái, quê hương và cho cả tha nhân. Chúng tôi rất hân hạnh được còn Ba, còn Mẹ, chúng tôi trân quý là "Còn Cha gót đỏ như son" hay cảm thông được "Con không Cha như nhà không nóc." Nhân ngày Lễ Cha của chùa Quang Nghiêm mà Hòa thượng Thích Minh Đạt tổ chức 18 năm qua vào dịp rằm tháng 10, ngày thị tịch của Đại đệ tử đức Phật, ngài Xá Lợi Phất, con viết vài hàng về Ba để biết ơn và cảm niệm ân đức của người.

Sacramento, một ngày mưa bão.



HAI THẾ KỶ ĐẦU (của Phật giáo Việt Nam)

Nguyễn Lang

(tiếp theo trang 12)

Không những Đạo An bỏ sót kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, ông lại bỏ sót luôn *Lý Hoặc Luận* của Mâu Tử nữa. Theo Đạo An, những kinh sách đầu tiên bằng Hán tự được dịch tại Lạc Dương. Đạo An là người miền Bắc, đã từng ở Lạc Dương, biết nhiều về tình hình lưu truyền của Phật kinh miền Bắc, thế mà đã không nghe nói kinh *Tứ Thập Nhị Chương*; điều này làm ta tin rằng miền Bắc không phải là nơi xuất phát kinh này. Paul Pelliot (Meou Tseu ou les Doutes Levés) nói rằng có thể kinh này phát xuất ở miền hạ lưu Dương Tử, bởi dấu tích đầu tiên về kinh đã thấy ở tờ biểu của Tương Giai, mà Tương Giai là người ở gần miền này. Như vậy Đạo An có lẽ chưa từng đặt chân tới những miền có lưu hành kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, tức là miền Giang Tả, và Giao Chỉ ở miền Nam. Đạo An cho rằng Lạc Dương là trung tâm đầu tiên phát xuất kinh điển Hán tự, không nói đến *Tứ Thập Nhị Chương* và *Lý Hoặc Luận* vốn là hai tác phẩm không phát xuất từ Lạc Dương trong khi đó hai tác phẩm này đều tuyên truyền cho uy tín lãnh đạo của Phật giáo Lạc Dương bằng cách kể truyền giấc mộng Hán Minh Đế. Ông Henri Maspéro nghĩ rằng Mâu Tử đã viết trong chương 21 của *Lý Hoặc Luận* về giấc mộng Minh Đế sau khi đã chịu ảnh hưởng bài tựa kinh *Tứ Thập Nhị Chương*. Nhưng ông Paul Pelliot thì cho rằng không có gì chắc bài tựa kia đã được viết trước Mâu Tử; vào cuối thế kỷ thứ năm mới có tài liệu chứng thực về sự có mặt của bài tựa này. Tuy *Hóa Hồ Kinh*, viết về cuối thế kỷ thứ tư cũng có ghi câu chuyện giấc mộng, nhưng *Hóa Hồ Kinh* cũng có thể lấy tài liệu từ *Lý Hoặc Luận* chứ không phải từ bài tựa kia, ông Pelliot nói vậy. Theo chúng tôi, có lẽ ông Maspéro nói đúng. Chắc hẳn bài tựa kia đã do một người tỵ nạn Lạc Dương viết tại Giao Chỉ để tạo uy tín cho Lạc Dương. Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* nếu không phát xuất từ Lạc Dương hẳn phát xuất từ Bành Thành hoặc từ Luy Lâu. Nhưng như ta biết trung tâm Luy Lâu là bàn đạp để Phật Giáo truyền vào đất Hán; cuốn kinh đầu tiên tuyên dịch lời Phật dạy hẳn đã phát xuất từ trung tâm Luy Lâu vào thượng bán thế kỷ thứ hai và được đưa vào miền Giang Tả vào khoảng giữa thế kỷ này.

HỌC THUẬT GIAO CHỈ

Nước Nam Việt của Nhà Triệu bị nội thuộc nhà Hán bắt đầu năm 110 trước Công Nguyên. Trong thế kỷ đầu của thời Bắc thuộc này, Tích Quang, thái thú quận Giao Chỉ, và Nhâm Diên, thái thú quận Cửu Chân, đã lấy văn hóa nhà Hán truyền bá trong dân gian. Sinh hoạt kinh tế (nông nghiệp), phong tục (cưới hỏi, sinh lễ...) và văn học (chữ Hán) Hán trở thành quan trọng. Trong thế kỷ này và trong thế kỷ kế tiếp, không biết trong dân chúng có nhiều người học chữ Hán và đọc sách Hán không, nhưng ít nhất những người tham dự vào guồng máy cai trị cũng đã phải học theo Hán học. Người cai trị cấp huyện, như thân phụ của Trưng Trắc và Trưng Nhị có lẽ phần nhiều làm lạc tướng. Thân phụ của Trưng Trắc và thân phụ của Thi Sách đều là lạc tướng, thuộc giai cấp lãnh đạo của Lạc Việt ngày xưa, khi mà Lạc Vương [2] cầm đầu quốc gia, Lạc Hầu tay chân của Lạc vương coi sóc đất nước và Lạc Tướng cai trị quận huyện. Thi Sách và chị em bà Trưng có lẽ cũng đã thấm nhuần ít nhiều Hán học. Ngoài ra còn có những người thông dịch và thư lại mà thời nội thuộc nào cũng có. Chính vì Hán học đã được sử dụng trong thế kỷ này mà những người theo Phật có biết Phạn ngữ cũng phải học Hán để ghi chép những điều về đạo Phật bằng thứ tiếng mà chính quyền bảo hộ và guồng máy cai trị đang dùng. Nếu văn tự bán nhà bán đất hay kiện cáo được viết bằng Hán tự thì bài tam quy hay những đoạn kinh Phật thường được các vị sư môn dạy cho tín đồ cũng phải được phiên dịch và lưu hành bằng Hán tự.

Đến cuối thế kỷ thứ hai, Lý Tiến lên làm thứ sử. Đây là người Giao Chỉ đầu tiên được đưa lên chức vụ này. Năm 200, hai người Giao Chỉ khác, một được bổ làm lệnh huyện Hạ Dương, một làm lệnh huyện Hạ Hợp, cả hai nhiệm sở đều ở Hán. Sau đó, một người Giao Chỉ tên Trương Trọng được làm thái thú Kim Thành, một người khác tên Lý Cầm làm quan bên triều đình Hán đến chức tư lệ hiệu úy (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*). Hán học tại Giao Châu thịnh hành rực rỡ vào cuối thế kỷ thứ hai, điều này khiến cho người ta nghĩ rằng thái thú Sĩ Nhiếp có công lớn trong việc mở mang học văn tại Giao Châu, và gọi ông là "Nam Giao Học Tổ". Cổ nhiên Sĩ Nhiếp có công lớn trong việc học văn tại Giao Châu, nhưng không thể vì vậy mà người ta có thể nói Hán học bắt đầu từ thời Sĩ Nhiếp. Có lẽ người ta nghĩ rằng khi có người ra làm quan thì khi ấy mới thực sự có Hán học. Nhưng trước khi Lý Tiến làm thứ sử, chính quyền bảo hộ đã thực hành một chính sách kỳ thị không cho người Giao Chỉ lên nắm những chức vụ quan trọng. Chính Lý Tiến đã dâng sớ về vua Hán Đế năm 200 để kêu ca việc bất công ấy, và Lý Cầm, lúc này đang làm túc



Một trang kinh Pháp Hoa bằng tiếng Phạn

về ở triều Hán đã cùng với năm người đồng hương ra nắm phục trước điện vua Hán để phụ lực ủng hộ cho lời sớ của Lý Tiến (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư). Như vậy Hán học, bắt cầm rễ tại Giao Châu từ Tích Quang và Nhâm Diên trong thế kỷ thứ hai và đến cuối thế kỷ này thì trở nên rục rở. Vài trò của chữ Hán trong sự truyền đạt tư tưởng và văn hóa Phật giáo suốt thế kỷ thứ hai tại Giao Châu hẳn là quan trọng. Có như thế thì thời Mậu Tử tại Giao Chỉ mới có số lượng kinh Phật lưu hành mà Lý Hoặc Luận ghi chép là “quá nhiều.”

Những Kinh Điển Được Phiên Dịch Đầu Tiên Nhằm Đối Tượng Người Xuất Gia

Những kinh điển đầu tiên được phiên dịch hay tuyển dịch tại Giao Chỉ như kinh *Tứ Thập Nhị Chương* đã nhắm tới đối tượng người xuất gia hơn là người tại gia. Chúng ta đã biết tăng đoàn Giao Chỉ và thời Mậu Tử đã có hơn 500 vị, trong khi ở Trung Quốc mãi đến thế kỷ thứ ba mới có tăng đoàn. Giáo lý truyền dịch trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, phần lớn là để dành cho giới tăng sĩ. Đoạn đầu kinh dịch nghĩa thế nào là Sa Môn:

“Từ bỏ người thân, đi xuất gia, biết được tâm mình, về được gốc mình gọi là sa môn. Người sa môn giữ giới luật thanh tịnh, thực hành bốn đạo hạnh chân chính thì đắc quả A La Hán...”

Đoạn kế tiếp:

“Người sa môn xuất gia với mục đích đoạn dục khứ ái, tìm về nguồn gốc tự tâm, đạt chân lý sâu xa của Phật, giác ngộ được vô vi...” [3]

Đoạn khác:

“Người sa môn cạo bỏ râu tóc nhận lấy đạo pháp thì phải từ bỏ tài sản trong đời, chỉ khát thực đủ sống, mỗi ngày một bữa ăn, ngủ mỗi đêm dưới một gốc cây... Điều làm cho người ta ngu si và tệ lậu là ái dục...”

Những đoạn kinh khác dẫn dò cách thức tu tập, giữ tâm, trì giới, xa nữ sắc... đều nhằm tới người xuất gia. Kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, tóm lại, không phải đã được tuyển dịch để nhằm vào quần chúng Phật tử cư sĩ trong dân gian mà chính là nhằm tới hàng xuất gia, điều này thấy rõ khi ta xét đến nội dung của kinh. Để cho giới cư sĩ, những kinh *Bản Sinh* và *Bản Sự* nói về các đời trước của Phật hẳn là thích dụng hơn. Những kinh này nhấn mạnh về giáo lý nhân quả nghiệp báo. Sách *Lý Hoặc Luận* cho ta biết những chuyện tiền thân (như chuyện thái tử Tu Đạt Noa bố thí cả vợ con) đã phổ thông trong dân gian hồi ấy, và cũng chứng tỏ rằng ít ra vào thời ấy kinh Vasantara-Jataka cũng đã được phiên dịch và lưu hành trong dân gian.

Sự hành đạo trong thế kỷ thứ hai cũng đã gặp những trở lực gây ra do những người bài báng đạo Phật, có lẽ là những người bênh vực văn hóa Khổng Lão. Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* nói nhiều về thái độ cần có để đối xử với những bài báng và mạt ly kia:

“Người ác nghe ta hành thiện muốn tới nhiều loạn ta: hãy giữ tâm bình thản không giận dữ trách móc...”

Và:

“Hành đạo cũng khó khăn như một người địch lại vạn người, phải kiên trì, vô úy...”

Và:

“Người ác hại người hiền cũng như ngựa mặt lên trời nhổ nước bọt; nước bọt không tới trời mà rơi xuống mặt mình...”

NHỮNG QUAN NIỆM CĂN BẢN VỀ GIÁO LÝ

Quan Niệm Về Phật - Đối với người xuất gia,



BƯỚC CHÂN LÃNG TỬ

*Ta như là kẻ mộng du,
Giữa đời rào bước thiên thu hiện về
Ơ kia! dòng chảy TAO KHÊ!
Tình ra cơn mộng tái tê ngổ ngang
Chông chênh từng bước đi hoang
Mà quên nghe những điệu đàn tơ rung
Nhặt khoan sáo trúc xen cùng
Cho bơ vơ mãi tao phùng đứt dây
Nhịp nhàng theo gió cùng mây
Thở hơi thở nhẹ qua đây hẹn hò
Đò ngang, đò dọc dẫn đò
Chơi vui chiếc bóng mơ hồ trắng, đen
Ta thấp đèn sáng giữa ngày
Thời gian gõ nhịp gót giày vương chân
Bước đi bước lại tàn ngần
Thì ra cũng giấc mộng trần phiêu du
Một giây, thấp thoáng thiên thu
Thì ra chiếc bóng ngao du cũng là...
Nhón chân ngắm giải Ngân Hà
Xóa tan cuộc mộng la đà trần ai...*

thơ NGUYỆT-BÌNH

Phật là người giác ngộ và dạy đạo giác ngộ và dạy đạo giác ngộ. Nhưng đối với người trí thức theo Khổng hay theo Lão, thì Phật được trình bày như nguyên tố của đạo và đức. Ta hãy đọc đoạn sau đây của *Lý Hoặc Luận* để thấy quan niệm tín ngưỡng bình dân về Phật phối hợp với quan niệm về Phật của Phật tử trí thức (những người như Mậu Tử) trình bày trong một ngôn ngữ có thể đối thoại được với người theo Khổng Lão:

“Phật là nguyên Tố của Đạo và Đức, nguồn gốc của thần minh. Phật nghĩa là Thức Tinh (Giác). Ngài có thể biến hóa không cùng, phân thân tán thể, khi có đó, không đó, khi lớn khi nhỏ, khi vuông khi tròn, khi già khi trẻ, khi ẩn khi hiện, lửa không đốt được, trong bùn không nhiễm, giữa họa mà không bị tai ương, khi đi có thể bay, khi ngồi hào quang sáng chói. Đó gọi là Phật” (*Lý Hoặc Luận*).

Đoạn văn trên của *Lý Hoặc Luận* cho ta thấy luôn cả tín ngưỡng bình dân về Phật, có lẽ đã được tiếp nối từ thế kỷ thứ nhất.

Quan Niệm Về Pháp - trong thế kỷ này, chữ Đạo được dùng để dịch chữ pháp (sau này trở thành đạo pháp). Chữ pháp trong nghĩa Phật Pháp Tăng có lẽ cũng được dùng, nhưng trong giới trí thức có khuynh hướng Khổng Lão, chữ Đạo rất được thích

dụng. Mâu Tử nói về Đạo như sau:

"Đạo là dẫn dắt (lãnh đạo). Đạo dẫn dắt người tới vô vi (vô vi đây tức là niết bàn, dịch từ chữ Nirvana chứ không phải từ chữ asamkṛta). Đạo có thể vì kéo mà đi tới, đẩy mà đi lui, nâng mà lên cao, đè mà xuống thấp: nhìn nó thì nó vô hình, nghe nó thì nó vô thanh, bốn bên không có giới hạn, tràn ra ngoài tứ phía, nhỏ như hào ly nhưng trong đó không gian lại mênh mông."

Ta liên tưởng đến định nghĩa về Đạo trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử. Nhưng đây chỉ là ngữ phong của Mâu Tử nhằm tới người theo Lão Khổng. Đối với quần chúng Phật tử, Đạo vẫn là phép Phật, là phép Tam Quy, Ngũ Giới, Bồ Thái và cúng Dường. Đối với giới tăng đồ, Đạo là lời Phật dạy về vô thường, vô ngã, giới luật, cách giữ tâm, gìn ý và tu chứng niết bàn (vô vi). *Tứ Thập Nhị Chương* đây những lời dặn dò về cách hành đạo. Câu chuyện về dây đàn mà Phật đem ra nói với chư tăng là một ví dụ: dây đàn chùng quá thì âm không tới, căng quá thì đứt và âm bay, người tu hành phải giữ mức tinh tấn trung bình.

Quan Niệm Về Tăng - Quan niệm về Tăng rất rõ ràng: 250 giới luật, cao đầu, mặc áo vàng, xả bỏ tài sản, đi khất thực và hóa đạo, nhằm tới sự chứng nhập vô vi: đó là hình ảnh của người xuất gia. Không có dấu hiệu gì chứng tỏ có sự cố mặt của ni giới hồi đó.

Quan Niệm Niết bàn - Niết bàn (nirvāṇa) được dịch là vô vi, mục đích của người Phật tử xuất gia. Nhưng tuy sử dụng danh từ vô vi, Phật luôn luôn nói rằng vô vi của Phật không phải vô vi của Lão. Một người hỏi Mâu Tử tại sao cần phân biệt như vậy. Mâu Tử đáp:

"Nếu ta chỉ gọi chung các thứ cỏ là cỏ, thì ta đâu thấy các loại cỏ khác nhau. Nếu ta chỉ gọi chung các kim loại là kim loại, thì ta không thấy các kim loại khác nhau. Sự vật có thể đồng loại nhưng dị tính."

Quan Niệm Về Luân Hồi Nghiệp Báo - Luân hồi và Nghiệp báo là những tín ngưỡng đã được chấp nhận trong dân gian từ thế kỷ trước. Dân chúng Giao Chỉ sau khi hai bà Trưng mất, vào giữa thế kỷ thứ nhất, đã làm đền thờ Hai Bà. Quan niệm linh hồn tồn tại sau khi chết và thác sinh vào một hình thái khác tùy theo nghiệp báo đã ăn sâu vào tín ngưỡng bình dân. Nhưng đối với giới Nho gia, những người thường lấy câu "vì năng sự sinh yên năng sự tử" (chưa biết đối phó với vấn đề sống làm sao biết đối phó vấn đề chết) và với sự hoài nghi về việc tái sinh tiếp tục của con người để đã kích đạo Phật, Mâu Tử đã trả lời:

"Hồn thần của con người không tiêu diệt khi chết, chỉ có xác thân là mục nát thôi. Thân xác cũng ví như rế và lá ngũ cốc, hồn thần ví như hạt giống của loại ngũ cốc. Rế và lá có sinh tất có tử, nhưng không phải vì rế lá hoại mà giống ngũ cốc không còn." (Lý Hoặc Luận)

Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* cũng nói:

"Những nhớ uế của ác tâm đã rửa sạch thì mới biết được hồn linh từ đâu tới và sẽ đi về phía sinh tử nào."

Quan Niệm Về Vô Ngã - Mâu Tử không có những câu trả lời về sự công kích lý thuyết vô ngã. Có lẽ ít người nghĩ đến vô ngã là một viên đá nền tảng của triết học Phật Giáo. Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* dành cho tăng sĩ nói về vô ngã như sau:

"Phật nói: nên suy ngẫm đến tứ đại trong thân thể (tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong). Mỗi đại đều có tên gọi, nhưng trong [hợp thể] ấy tìm không ra ngã (đó vì vô ngã). Ngã là một quan niệm sinh ra dựa trên bốn đại, không trường cửu; nó như huyễn."

Ta thấy trong cổ bản này, danh từ vô ngã đã được dùng để dịch anātma. Rải rác trong các kinh luận thời Hán ta cũng thấy chữ "phi thân" dùng cho vô ngã. Có lẽ quan niệm vô ngã không được phổ thông lắm, bởi lẽ quan niệm này không được phổ cập nhiều trong nhân gian vì rất có thể bị xem như mâu thuẫn với quan niệm hồn linh bất tử đang làm căn bản cho tín ngưỡng nghiệp báo luân hồi.

Từ Bi, Bồ Thái và Tĩnh Dục - Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* và sách *Lý Hoặc Luận* nói nhiều tới bồ thái, nhưng chỉ có kinh *Tứ Thập Nhị Chương* nói nhiều về vấn đề diệt dục. Điều này cũng dễ hiểu bởi kinh *Tứ Thập Nhị Chương* được xem là cuốn sách chỉ nam của người xuất gia. Danh từ "đại nhân từ" trong *Tứ Thập Nhị Chương* được dùng thay cho danh từ đại từ bi.

Thiền - Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* có dùng danh từ "thiền định" một lần, trong lời mở đầu (trú tại thiền định, hàng chư ma đạo), và trong một chương, có nói đến sự quán niệm về vô thường (quán thể giới niệm vô thường, quán thiên địa niệm vô thường). Đây cũng là một hình thức thiền định, gọi là vô thường quán.

TINH THẦN HÒA ĐỒNG TÔN GIÁO

Một điểm nổi bật của Phật Giáo Việt Nam trong đệ nhị thế kỷ là tinh thần hòa đồng tôn giáo.

Đạo Phật thâm nhập vào đời sống tín ngưỡng dân gian ở Giao Chỉ một cách tự nhiên như nước thấm lòng đất, không gặp phản ứng và trở ngại, bởi lẽ những tín ngưỡng nhân gian không chống lại những tín ngưỡng cơ bản của đạo Phật. Nhưng đối với dân trí thức lãnh đạo Giao Chỉ đã thâm nhiễm văn hóa Hán tộc, nhất là đối với giới trí thức người Hán ty nạn chiến tranh, trong đó có những nhà trí thức bậc lớn như Mâu Tử gọi là "di nhân Bắc phương," thì đạo Phật phải làm nỗ lực để thắng vượt. Phương pháp của đạo Phật không phải là chống đối, mà là hòa đồng. Đặc điểm này thấy rất rõ trong lịch sử phát triển của đạo Phật khắp trên thế giới. Điều này một phần do tinh thần cởi mở không giáo điều của đạo Phật, một phần do Phật tử chịu học hiểu về các ý thức hệ mà họ muốn đối thoại. Kết quả của phương pháp hòa đồng là không những Phật Giáo đã sử dụng được kho tàng từ ngữ của cả Khổng lẫn Lão để phiên dịch kinh điển và truyền đạt tư tưởng mà còn khiến cho nhiều người theo Khổng - Lão thấy được chiều sâu và giá trị của đạo Phật một cách dễ dàng. Mâu Tử trong *Lý Hoặc Luận* đã áp dụng phương pháp này một cách triệt để, và nhờ quán xuyên được giáo lý Khổng - Lão mà ông đã giải thích rành rẽ về đạo Phật cho những người theo hai giáo này.

Mâu Tử nói rằng giáo lý của Khổng - Lão bắt nguồn từ tuệ giác của Khổng - Lão và có giá trị về đạo và đức của chúng; giáo lý đạo Phật bắt nguồn từ tuệ giác của Phật và cũng có giá trị về đạo và đức của đạo Phật. Vậy đạo Phật và các đạo Khổng, Lão không chống đối nhau. Trả lời câu hỏi tại sao học Phật rồi còn cần phải học kinh truyền nữa, Mâu Tử trả lời: *"Khi người ta khát, người ta không đợi phải gặp sông Dương Tử hay sông Hoàng Hà, mới uống. Gặp giếng hay gặp suối người ta cũng có thể uống đủ để hết khát rồi."* Ý nói giáo lý Khổng - Lão cũng đủ tuệ giác để hướng dẫn người.

Có người hỏi nếu đạo Phật quan trọng tại sao Nghiêu Thuấn, Chu Công và Khổng Tử không nói đến đạo Phật trong kinh truyền và cũng không theo đạo Phật. Mâu Tử trả lời là không phải cuốn kinh nào hay cũng là do Khổng Khâu tác thuật, không phải

phương thuốc nào thần diệu cũng là do Biển Thước chế ra. "Chu Công xem Lão Đàm như bậc thầy, những điều này có được chép trong bầy kinh đâu?"

Mâu Tử dùng văn học Khổng Lão để giải thích đạo Phật một cách hùng biện quá khiến cho có người nghi: "Lời của ông giải thích đạo Phật sáng sủa đẹp đẽ, tôi nghi đó là do sự khéo léo của ông chứ không phải là do đạo Phật hay". Mâu Tử trả lời: "Thì có bao nhiêu kinh sách của Phật đó. Ngày xưa chưa hiểu Phật tôi còn kích bác nhiều hơn ông nữa... Ngũ Kinh đối với tôi ngày xưa chỉ là hoa mà chưa phải là trái..."

Cuối cùng khi người ta trách ông sao không dùng ngay từ ngữ Phật Giáo mà giảng đạo lại dùng từ ngữ Khổng - Lão, ông nói: "Tại vì ông đã biết về kinh truyện, nên tôi dùng sự việc trong kinh truyện để làm cho ông dễ hiểu." Và ông kể chuyện Công Minh Nghi: "Công Minh Nghi đàn điệu "thanh Giốc" cho con bò cái nghe, con bò cứ cúi xuống gặm cỏ như trước. Không phải là do con bò điếc, mà vì cái điệu nhạc kia chẳng nghĩa lý gì qua lỗ tai con bò: nó tưởng điệu nhạc là tiếng muối hay tiếng nhặng gì đó. Nhưng nếu mà con bò con kêu lên một tiếng thì lập tức bỏ cái quấy đuôi, ngẩng cổ và nghe ngóng..."

PHÁ MẶC CẢM TỰ TÔN VỀ "TRUNG QUỐC"

Tinh thần oecuménique của Mâu Tử cũng nhằm tới mục đích phá mặc cảm tự tôn về Trung Quốc, cho rằng nước Tàu là trung tâm của trời đất, xung quanh chỉ là biên địa, mọi rợ, di địch. Người kích bác đạo Phật đã viện dẫn Khổng Tử và Mạnh Tử: "Khổng Tử nói: "Các giống di địch ở miền Đông và miền Bắc dù thời thái bình có vua cũng không bì được với nước ta trong thời loạn không vua." Mạnh Tử chê Trần Tương đi học theo phép Hứa Hành và nói: "Ta từng nghe dùng học thuyết nước lớn để giáo hóa di địch, chưa từng nghe dùng lấy học thuyết di địch để giáo hóa nước lớn bao giờ." Hồi hai mươi tuổi, ngài đã học Nghiêu, Thuần, Chu Công và Khổng Tử, tại sao bây giờ lại bỏ đi để học những thứ di địch miền Đông và miền Bắc."

Sau khi giải thích rằng người kia không thực sự hiểu câu nói của Khổng và Mạnh, Mâu Tử nêu ra chứng cứ những bậc vĩ nhân như Ngu, có nhiều người xuất thân từ các miền di địch, và nói: "Không chắc là đất Hán nằm giữa. Tôi kính trọng đạo Phật và tôi học Phật, không phải vì vậy mà tôi bỏ Nghiêu, Thuần, Chu, Khổng. Vàng ngọc không gây tỷ vết cho nhau, bích ngọc và mã não để chung không sao cả. Khi ông cho người khác làm lạc, có nghĩa chính ông đã làm lạc không?" Ở một nơi khác, Mâu Tử còn nói: "Ấn Độ mới thật là nằm giữa trời đất, và địa vị trung hòa, vì vậy Phật đã ra đời nơi đó." Nguyên tắc pháp môn của Mâu Tử được tóm tắt như sau: "Xe và thuyền không đi cùng một lối, nhưng đều đưa người tới chốn."

LÃO TỬ THÀNH PHẬT Ở ĐẤT HỒ

Phật Giáo tuy gặp trở lực ở Giao Chỉ nhưng những trở lực ấy so với những trở lực gặp ở đất Hán thì vẫn nhẹ hơn nhiều. Lý do căn bản là ở Giao Chỉ, Phật Giáo đã chinh phục giới quần chúng bình dị trước. Trong khi đó tại đất Hán, Phật Giáo phải đương đầu trước hết với giới trí thức Khổng - Lão.

Vào thời đại Đông Hán, Lão Giáo chưa có nhiều sắc thái tâm linh triết học mà chỉ thịnh hành như một tôn giáo thần tiên bất tử. Một số người thờ phụng Hoàng Lão thấy Phật có vai vế ở Giao Châu và thấy một số trí thức nhà Hán hâm mộ, bèn dựng ra một thuyết gọi là thuyết Hóa Hồ. Tức là giáo hóa



TÌNH, RƯỢU, GIÓ

*Ta lấy rượu viết yêu em trong gió.
Gió bay đi và rượu cũng bay theo.
Dấu yêu em lung linh trong nắng lụa.
Chiều về. Nắng tắt lụa còn reo.*

LƯU TRỌNG TƯỚNG

người Hồ; theo thuyết này, Lão Tử sau khi biệt tăm tại miền Tây đã đi qua đất Hồ (Ấn Độ). Nơi đây ngài đã giáo hóa chinh phục người Hồ và sau đó trở thành Phật Thích Ca. Phật Thích Ca do đó cũng là Lão Tử, và vì vậy theo Phật cũng như theo Lão. Nhờ cánh cửa này mà đạo Phật đi sâu vào nội địa nhà Hán, và ta nghe câu chuyện Hán Hoàn Đế thờ Phật và Hoàng Lão chung trên một bàn thờ. Thuyết Hóa Hồ được phát sinh ở miền hạ lưu sông Dương Tử, nơi đây Sở Vương Anh đã tin theo cả Phật Giáo và Lão Giáo. Hóa Hồ Kinh tục truyền do Vương Phù chế tác trong thời đại tây Tấn (265-316). Không phải Vương phù sáng chế thuyết Hóa Hồ; ông chỉ thu lượm thần thoại liên hệ đến Lão Tử mà ghi chép ra thôi.

Ở Giao Chỉ, sự truyền bá đạo Phật đã không cần nhờ vào thuyết Hóa Hồ, bởi quần chúng không phải là những người theo đạo Lão và không có mặc cảm tự tôn về văn hóa. Đối với trí thức say mê Hoàng Lão, phương pháp hòa đồng và diễn đạt tư tưởng bằng ngôn ngữ Khổng - Lão cũng đủ để đưa tới thành công.

Nguyễn Lang

[1] Mâu có thể là lấy từ Mâu Ni, cũng như Thích là lấy từ Thích Ca, và Mâu Tử có thể là một cái tên có nghĩa tương đương với Thích Tử, Điều Ngự Tử hay Phật Tử.

[2] Danh từ Hùng Vương có lẽ đã được viết lầm danh từ Lạc Vương, chữ Lạc và chữ Hùng viết hơi giống nhau.

[3] Vô vi ở đây có nghĩa là niết bàn.

VAI TRÒ CỦA DINH DƯỠNG

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Từ thế kỷ thứ V trước Công nguyên, danh y Hy Lạp Hippocrates đã chủ trương rằng, để phòng ngừa và điều trị một số bệnh ta chỉ cần áp dụng những chế độ ăn uống cân bằng hợp lý và sống hài hòa với thiên nhiên.

Ngoài việc triều chính, vua Hoàng Đế của Trung Hoa ngày xưa đã biết chỉ dẫn cho dân chúng về bệnh tật cũng như cách sản xuất lương thực và sử dụng những món ăn thức uống có tác dụng trị bệnh và có lợi cho sức khỏe.

Các vị danh y Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông của Việt Nam trước đây đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của ẩm thực trong việc ngăn ngừa và chữa trị một số bệnh. Hãy nghe lời khuyên như sau của danh y Tuệ Tĩnh:

*"Muốn cho phủ tạng được yên;
Bớt ăn mấy miếng, nhịn thèm hơn đau".*

Hoặc:

*"Chết vì bội thực cũng nhiều;
Ngờ đâu lại có người nghèo chết no".*

Như vậy, có thể nói rằng từ rất xa xưa, các vị danh y trên khắp thế giới hầu như đều đã nhận biết được là vấn đề dinh dưỡng có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người, có thể giúp ta phòng trị bệnh cũng như duy trì được một cuộc sống luôn luôn khỏe mạnh.

Mục đích của Dinh Dưỡng

Dinh dưỡng có ba mục đích chính:

- 1- Tạo điều kiện thuận lợi để cơ thể có sức khỏe tốt;
- 2- Phòng ngừa các bệnh liên quan tới ăn uống;
- 3- Khôi phục sức khỏe sau thời kỳ bệnh tật, thương tích.

Người Anh có câu ngạn ngữ "You are what you eat" (Ăn ra sao thì người thế ấy", cũng là nói lên tầm quan trọng của vấn đề dinh dưỡng.

Thực phẩm ăn vào có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe trong suốt các giai đoạn khác nhau của đời người. Ăn uống không đúng với tình trạng sinh học thì cơ thể sẽ có hậu quả xấu mà đôi khi chỉ với một vài thay đổi nhỏ về dinh dưỡng cũng cải thiện sức khỏe rất nhiều.



Cứ nhìn người Á Châu trước đây, lấy căn bản thức ăn là gạo, ít calcium, thường đều nhỏ con hơn dân Âu châu ăn lúa mì, nhiều calcium. Quan sát người Việt ta, xưa kia dân miền Bắc, miền Trung dinh dưỡng thiếu hụt nên cơ thể nhỏ hơn so với người sanh trưởng ở miền Nam, gạo lúa dư thừa. Con cháu chúng ta bây giờ ở nước ngoài, dinh dưỡng đầy đủ nhờ đó cháu nào cũng to hơn hơn bố mẹ, ông bà.

Mỗi người cần có một thói quen ăn uống lành mạnh. Nhiều người ý thức được việc đó nhưng ít người thực hiện được. Vì thế, càng tìm hiểu nhiều về lợi hại của dinh dưỡng thì ta càng biết cách ăn uống sao cho thích hợp và có lợi cho sức khỏe.

Các lời khuyên về ăn uống thì nhiều và khác nhau nhưng mục đích đều hướng tới sự bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên cũng có người bối rối, không biết theo lời khuyên nào, cho nên tùy hứng làm theo ý mình. Thế là người ta đã tạo ra một thói quen đôi khi xấu nhiều hơn tốt. Do đó việc tạo ra thói quen tốt trong ăn uống đôi khi cũng không hẳn là dễ dàng.

Thói quen ăn uống cũng thay đổi tùy chủng tộc, văn hóa, khả năng cung cầu, điều kiện tâm lý, nếp sống cá nhân, sự hấp dẫn của món ăn, cách thức mời chào, quảng cáo của giới sản xuất.

Hầu hết các quốc gia đều đưa ra những tiêu chuẩn về dinh dưỡng cho người dân, quy định mức dinh dưỡng tối thiểu để cơ thể tăng trưởng mạnh và phát triển trí óc tốt đồng thời tránh được bệnh tật cũng như kéo dài tuổi thọ. Ngoài ra, còn có các chương trình quốc gia hướng dẫn để người dân biết cách áp dụng những tiêu chuẩn ấy trong việc ăn uống hàng ngày.

Một chế độ dinh dưỡng nhiều về lượng và phẩm cũng chưa đủ để có một sức khỏe tốt nếu không có sự cân đối hợp lý các thành phần dinh dưỡng. Trong cơ thể, các cơ quan luôn luôn hoạt động một cách nhịp nhàng tương ứng, để sử dụng các chất dinh dưỡng khác nhau cho các nhu cầu về năng lượng, kiến tạo cũng như tu bổ các tế bào sau khi bị thương tích, bệnh tật.

Số lượng thực phẩm tiêu thụ còn tùy thuộc các yếu tố xã hội, tâm lý, sinh học của con người. Tâm trạng vui buồn đều có ảnh hưởng tới sự ăn uống và tiêu hóa. Các phản ứng sinh hóa trong cơ thể cũng ảnh hưởng tới sự hấp thụ và chuyển hóa dinh dưỡng.

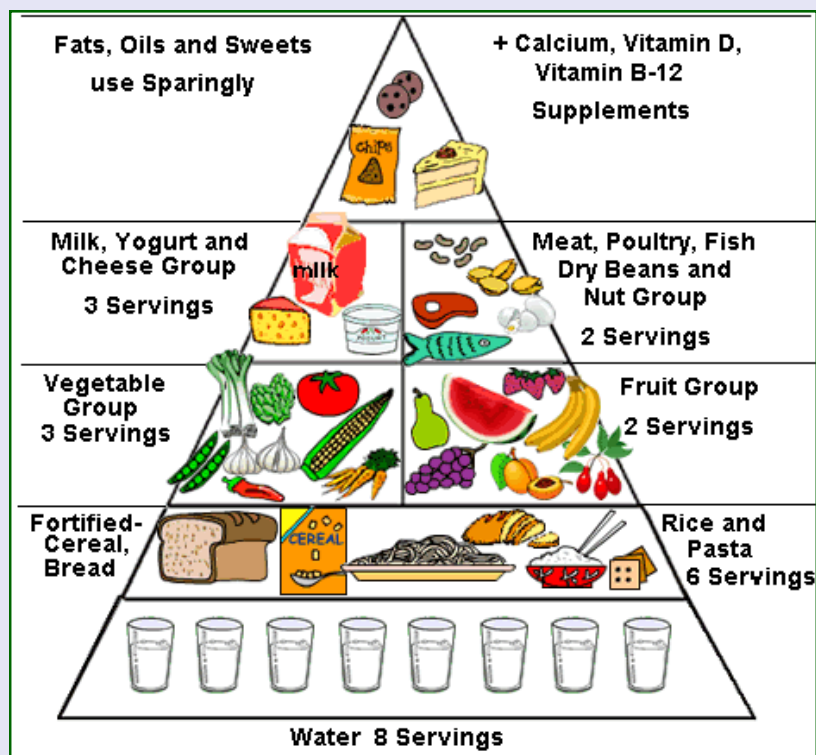
Tóm lại, chất dinh dưỡng có thể làm ta mập hay gầy, hoạt động nhanh nhẹn hay chậm chạp, sống vui khỏe hay thường xuyên đau ốm... Nghĩa là có rất nhiều ảnh hưởng.

Nhu Cầu

Một chế độ dinh dưỡng có thể xem là:

a- **Thỏa đáng**: khi cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho các hoạt động, chức năng của cơ thể cũng như có dự trữ cho nhu cầu cấp bách.

b- **Không đầy đủ**: khi tiêu thụ ít hơn nhu cầu. Trong trường hợp này, cơ thể sẽ lấy nguyên liệu từ kho dự trữ để nuôi dưỡng và tái tạo tế bào. Kho sẽ



với dần dần nếu không được bổ sung.

Lấy ví dụ: hồng huyết cầu chỉ sống khoảng 120 ngày, tế bào niêm mạc ống tiêu hóa cần được thay thế mỗi tuần lễ. Cả hai đều cần có nguyên liệu từ chất dinh dưỡng. Nếu chỉ thiếu dinh dưỡng trong thời gian ngắn, kho dự trữ có thể du di, nhưng nếu kéo dài lâu ngày sẽ nảy sinh nhiều bệnh tật.

c- **Quá mức:** khi cung cấp nhiều hơn nhu cầu, sẽ tạo ra tình trạng dư thừa. Chẳng hạn, chất sắt rất cần cho việc tạo huyết cầu tố, nhưng quá nhiều sẽ đưa tới suy gan; năng lượng dư được cơ thể hấp thụ và chuyển sang dự trữ, quá nhiều sẽ gây ra tình trạng béo phì.

Mọi người đều cần những thành phần dinh dưỡng như nhau, bất kể tuổi tác, giới tính, chủng tộc, điều kiện sinh hoạt. Tuy nhiên về số lượng thì mỗi cơ thể đều có nhu cầu khác biệt.

Cơ thể càng to lớn thì nhu cầu càng cao; một người hoạt động nhiều chắc chắn cần nhiều thực phẩm hơn người sống tĩnh tại; khi ngủ nghỉ, nhu cầu năng lượng giảm; khi cơ thể run vì lạnh thì cần thêm năng lượng để khởi lạnh cơ thể.

Khẩu phần ăn phải phù hợp với mỗi người, không gây cảm giác ngầy ngất mệt mỏi vì ăn quá no nhưng cũng không ăn quá ít, vì sẽ không cung cấp đủ dinh dưỡng cho hoạt động của cơ thể.

Chế độ dinh dưỡng hợp lý

Lời khuyên chung của các nhà dinh dưỡng và y tế về sự ăn uống là chúng ta nên:

1- Ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau, vì mỗi loại có chất dinh dưỡng mà loại khác không có.

Chẳng hạn sữa mẹ được coi như gần hoàn hảo, nhưng lại có ít sắt và sinh tố D.

Sữa bò có nhiều đạm nhưng rất ít sắt và không có chất xơ.

Thịt động vật có vú nhiều đạm nhưng ít calci.

Trứng không có vitamin C và có rất ít calci vì hầu hết nằm ở vỏ trứng.

Như vậy cần có chế độ ăn đa dạng mới cung cấp đủ chất dinh dưỡng.

2- Duy trì trọng lượng cơ thể ở mức trung bình. Để tránh tăng cân quá mức, chỉ nên ăn đủ số năng lượng mà cơ thể cần;

3- Giảm chất béo động vật bão hòa và cholesterol: lượng cholesterol ăn vào mỗi ngày không quá 300mg; chất béo động vật bão hòa không quá 10% tổng số năng lượng được cung cấp mỗi ngày. Nên dùng dầu thực vật với chất béo chưa bão hòa. Mức tiêu thụ chất béo nói chung không nên quá 30% tổng số năng lượng mỗi ngày.

4- Giảm thịt động vật có nhiều mỡ hoặc loại bỏ bớt mỡ khi ăn thịt; ăn nhiều cá. Việc ăn thịt tự nó không có hại cho người khỏe mạnh, nhưng ăn nhiều thịt thường kèm theo nhiều chất béo và cung cấp nhiều năng lượng.

5- Dùng sữa đã gạn bớt chất béo, nhất là ở người tuổi cao.

6- Ăn thêm thực phẩm có chất xơ và tinh bột.

7- Tránh tiêu thụ quá nhiều đường tinh chế. Đường không gây bệnh tiểu đường, bệnh tim như nhiều người lầm tưởng, nhưng vì có nhiều năng lượng cho nên dễ dẫn tới béo phì.

8- Giới hạn muối không quá 2500 mg mỗi ngày.

9- Hạn chế rượu bia. Nếu không thể bỏ hẳn thì không nên quá 350 ml bia hoặc 150 ml rượu vang, hai lần một ngày. Nếu là rượu mạnh thì không quá 50ml.

Hậu quả của chế độ dinh dưỡng sai.

Chế độ dinh dưỡng sai có nguy cơ đưa tới một số bệnh tật. Sai có thể là quá dư, quá thiếu hoặc không cân đối.

Thiếu dinh dưỡng, cơ thể sẽ chậm phát triển, trí nhớ kém, sức đề kháng với bệnh tật giảm, cơ thể suy nhược và đưa tới giảm tuổi thọ.

Dinh dưỡng dư thừa sẽ dẫn đến các bệnh kinh niên, như bệnh tim, ung thư, cao huyết áp, tai biến động mạch não, tiểu đường. Ngoài ra còn có thể mắc phải những bệnh khác như xơ gan, viêm túi ruột hoặc tai nạn, tự tử do tiêu thụ nhiều rượu.

Dinh dưỡng sai mà lại thiếu vận động cơ thể còn đưa tới nhiều ảnh hưởng không tốt khác cho sức khỏe.

Dinh dưỡng không đúng cũng gây ra tổn thương về nhiều phương diện cho các thể hệ sau.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com



Trút bỏ oán thù

TÂM KHÔNG—VĨNH HỮU

Tôi và Huyền, đứa em gái thua tôi bốn tuổi, cùng lớn dần lên mang theo trong đầu những lời nhắc nhở răn đe của cha về một mối thù mà ông cho là không đối trời chung. Cho dù anh em tôi cố cố gắng hết sức lực, mọi tìm trong ký ức của tuổi thơ nhạt nhòa xa xăm vẫn không sao nhỏ, không sao thấy được một chút đỉnh manh mối, duyên cớ nào về mối hận thù giữa gia đình mình với gia đình chú thím Bằng.

Trong cái trí nhớ tồi tệ của tôi chỉ hiện ra mơ hồ, mang máng cảnh chú Bằng dùng đòn cùng vợ con dọn gom đồ đạc rời khỏi ngôi nhà Từ đường mà cha tôi đang là trưởng nam, cháu đích tôn của ông nội, được hưởng cái quyền trông nôm hương hỏa. Chỉ nhớ được bấy nhiêu, tôi không còn nhớ gì thêm được, vậy mà phải luôn luôn ghi nhớ trong đầu, ôm khư khư lấy trong lòng một mối hận thù ghê gớm và vô duyên thái thậm, đã vậy còn phải có nhiệm vụ nhắc nhở đứa em gái không được quên tội hằn như mình. Có như vậy thì cha mẹ mới vui lòng thỏa dạ. Phận làm con, ai không muốn làm cho cha mẹ vui, anh em tôi cũng vậy, bao giờ cũng tuân lệnh cha mẹ từ chuyện học đến chuyện chơi, và đến chuyện ứng xử với đời với người. Nhưng trong sâu lắng tận góc ngách của trái tim, tôi vẫn âm thầm nuôi dưỡng một sự bất bình, phản đối trước mối thù không đối trời chung mà mình mà phải miễn cưỡng ôm khiêng bao năm ròng... Nhiều khi hỏi dò, tôi cũng biết được cái tâm, cái bụng của Huyền rất giống mình, nó chẳng thích thú gì, chẳng hăm hở gì với cái trò hận thù căm ghét của cha mẹ đã huấn luyện, áp đặt cho cả hai anh em tôi từ thuở còn đùng đình đi học cấp I phổ thông. Không thích, không ưa, nhưng không dám biểu lộ ra ngoài, hai anh em tôi đành chịu để cho mối hận thù an nhiên trú ngụ trong lòng mình, cứ như phải gánh chịu một của nợ oái ăm bất đắc dĩ, hay một căn bệnh nan y tai ác luôn làm cho thân tâm bức rứt khó chịu. Một ao ước thầm thường

nhất mà anh em tôi vẫn thường ngồi thủ thi với nhau, đó là vào một ngày trời tuyệt đẹp, trời êm ả, gia đình tôi cùng gia đình chú thím Bằng đoàn tụ, quây quần bên nhau với tiếng cười rộn rã, với những cái vỗ vai nắm tay thân thiết, cũng có thể là cùng khóc với nhau bằng sự cảm thông chia sẻ cay đắng... Nhưng, đó vẫn cứ là mộng mị chiêm bao, đôi khi còn là hoang tưởng.

Đã nhiều lần tôi dò hỏi nơi mẹ về mối thù ghê gớm kia, nhưng chưa bao giờ tôi được nghe giải thích rõ ràng, đầy đủ từ đầu đến đuôi câu chuyện. Mẹ chỉ cho hay là đôi bên có xích mích cãi vã, chiến tranh lạnh kéo dài một thời gian, rồi đến ngày bùng nổ ẩu đả. Cha tôi còn đánh thím Thúy, vợ chú Bằng, trong cơn tức giận không còn tự chủ được. Chú Bằng bệnh vợ, đánh lại anh trai, tức cha tôi. Rồi mẹ bệnh cha, xách cây rượt đánh em chồng, để cho thím Thúy phải bệnh chồng nhảy vô vào đánh can người chị em bạn dâu... nhờ có hàng xóm can gián khuyên răn kịp thời nên không đổ máu, chỉ bầm mắt bầm thịt và vỡ hư vài vật dụng. Nhưng cái tình anh em huyết thống thì tan tành nát vụn ngay cuộc chiến. Chú thím Bằng phải dọn đi sống ở một căn nhà cho thuê, cũng ở chung đường, cách nhà Từ đường chừng trăm thước, sau này chú thím làm ăn khá giả nên mua luôn căn nhà ấy ở cho đến nay... Hỏi về lỗi, mẹ tôi âm ỉ cho hay "Anh em máu mủ, bà con ruột thịt mà để xảy ra đánh nhau thì không ai không có lỗi!". Sau, tôi dò hỏi nơi cha mới biết đôi bên gây nhau chỉ vì "những chuyện vặt vãnh còn con của đàn bà". Cái sai lầm lớn nhất của cha là đã không kiềm chế được nóng giận trong khi tranh cãi, nên vùng tay đánh em dâu để "trị tội hôn hào". Từ hành động vũ phu ấy, thay vì phải ứng đối với nhau bằng lời hay lẽ phải, bằng tình lý rạch ròi, một mối hận thù nở bung lên, vùng vẫy, và loang thấm vào tận máu xương. Trước khi cuốn gói rời

khỏi ngôi nhà từ đường mà mình đã từng được sinh ra, lớn lên, hít thở chung một bầu không khí an lành với anh trai suốt mấy mươi năm trời, chú Bằng đã đập một cái chén kiểu vỡ tan ngay cổng ngõ, rồi buông lời thề độc địa cắt đứt tình huynh đệ, chỉ bước vào nhà từ đường lại khi cái chén lành lặn như cũ. Từ hôm ấy, chú Bằng cùng vợ con tuyệt giao với gia đình tôi. Hai bên đã không tìm cách giảng hòa, xóa bỏ chuyện cũ, mà càng ngày càng đào sâu thêm hố ngăn cách, luẩn phiên nhau bôn phân tưới nước cho mối hận thù nảy nở bung to lên, và rễ ăn sâu bám chặt chằng chịt trong lòng người...

Anh em tôi được nghe cha, rồi mẹ kể lại nhiều tình tiết thật xót xa, nhưng cũng thật buồn cười, trong chuyện hai nhà đối xử với nhau suốt mười năm qua. Một lần, nghe người trong xóm báo cho hay "vợ thằng Bằng lâm cơn bệnh thập tử nhất sinh, ảnh hưởng đến cái thai sáu tháng trong bụng mà không đủ tiền chạy chữa", cha tôi đau cắt ruột, bèn hỏi ý mẹ, mẹ tôi phản một câu chắc nịch "cho mẹ con nó chết luôn, đâu có quan hệ huyết thống gì?". Cha ngủ không yên, giữa khuya lén mẹ đi thẳng đến nhà em trai, với xấp tiền mấy triệu đồng mới rút từ quỹ tiết kiệm khi chiều. Đứng trước cửa nhà em, cha tôi lưỡng lự thật lâu, sau cùng mới dám gõ cửa. Cửa mở. Và đóng sầm lại ngay trước mặt cha. Bên trong còn vang tiếng chửi thề quát đuổi của chú Bằng. Cha về kể thật cho mẹ nghe, mẹ dùng đũa gõ vào bàn thờ Phật, rồi đi thẳng vào phòng mẹ, đứng trước cửa nhà em chồng mà tru tréo mạt sát gần cả giờ đồng hồ. Vậy mà bên trong nhà im lìm, cửa đóng then cài kín bưng, không hề có một mây may phản ứng. Cha tôi phải nằn nì khản cả giọng, mẹ mới chịu buông tha, về nhà, ngủ một giấc đến sáng quên hết mọi chuyện vì cả cha lẫn mẹ chẳng ai muốn nhắc lại cái chuyện "vô duyên thú" xảy ra hồi hôm. Lần khác, mẹ tôi bị xe tông té nặng, nằm viện trong trạng thái hôn mê cả tuần lễ, một mình cha tôi chạy đôn chạy đáo, loay hoay lo cho con cái, chăm sóc cho vợ đến phờ phạc hốc hác... Thím Thúy lò dò vào bệnh viện với một giỏ đầy sữa đầy cam, nhưng cứ đứng lạng lẽ trước cửa phòng không dám vào, mắt thì nhìn chăm chăm xuống... đất để chạy trốn cái nhìn rực lửa căm hờn của người anh chồng. Rồi thím phải lạng lẽ về như khi lạng lẽ đến, sau



hơn nửa giờ chờ đợi được nghe tiếng mời của ông anh chồng. Hôm sau, thím lại vào bệnh viện, lần này có chồng đi kè kè một bên với hai giỏ xách nặng trĩu. Nhưng, cha tôi đã găm lên, đuối thẳng tay chửi thẳng miệng, hùng hổ hung hăng, làm cho vợ chồng chú Bằng quay lưng chạy ra khỏi bệnh viện như bị ma đuổi quỷ rượt...

Cứ vậy, oán thù không được cởi, mà càng ngày bị buộc chặt thêm nhiều gút rối rắm. Bên nào cũng có cục tự ái to đùng như trái đất. Trái đất đè bẹp cái tình thương, đè bẹp lòng nhân hậu tốt lành, đôi lúc tình thương và lòng nhân hậu đã cố ngoi lên, trỗi lên được một cách khổ sở, yếu mềm, thoi thóp, rồi cũng phải tan biến vào hư vô. Nhiều người lớn tuổi trong xóm, cũng như bạn bè thân thiết của cả hai bên gia đình, đã nhiều lần đứng ra khuyên giải giảng hòa nhưng đều chào thua. Mỗi hận thù cứ vậy mà tăng trưởng, oán mới chồng lên oán cũ, thù sau đè lên thù trước, tưởng như không bao giờ được giải mở tiêu tan.

Hai anh em tôi bắt đầu dĩ phải "nổi tiếp và phát huy truyền thống hận thù của cha mẹ", chưa bao giờ dám đặt chân đến đứng trước của nhà chú tím Bằng, chứ đừng nói đến chi chuyện bước qua cửa để vào trong. Nhiều khi tình cờ gặp mặt với chú, với thím, ở giữa đường giữa chợ, anh em tôi cũng nào đâu dám ngó, cứ tìm lối né tránh cho yên. Có nhiều lần chú Bằng gặp tôi trên phố, khi thì đang đứng trước một sạp báo, khi thì vào chung một tiệm tạp hóa, tôi phải làm bộ không thấy chú để khỏi rắc rối, chú cũng chẳng nói năng hỏi han gì, chỉ bước lại đưa tay xoa đầu tôi thật mạnh, làm rối tung cả tóc, rồi... thôi. Những lần

như vậy, tôi chờ chú đi thật xa, mới dám đứng nhìn theo với nước mắt lưng tròng. Nhỏ Huyền kể cho tôi nghe nó cũng được chú bằng xoa đầu, bẹo má mấy lần giữa chợ mà không nói nửa lời, làm nó sợ đến run cầm cập, rồi nó ứa nước mắt. Anh em tôi đều biết rằng chú Bằng chẳng thù ghét gì hai đứa cháu, mà còn thương là đằng khác, nhưng mỗi hận thù khủng khiếp lại hiện ra sừng sững, che mờ phủ khuất mọi thứ tình cảm trên đời, nên anh em tôi không dám làm gì hơn ngoài sự lặng thinh không kể lại cho cha mẹ hay. Còn thím Thúy thì đã đôi lần níu áo kéo tay tôi ngoài chợ, kêu tôi vào ngồi ăn chè, uống nước với thím... cho vui, nhưng lần nào tôi cũng giẫy nảy từ chối, nên những lần sau có lẽ gặp tôi, thím không còn níu kéo mời mọc gì nữa. Nhỏ Huyền kể rằng thím Thúy cũng thường hay cho nó khi thì kem, khi thì bánh mỗi lần gặp nó trước cổng trường giờ tan học. Con của thím, nhỏ Ngọc, bằng tuổi Huyền, cũng học chung trường nhưng khác lớp. Thím mua cho Ngọc thứ gì, thì mua mời Huyền ăn thứ ấy. Huyền lần đầu từ chối, nhưng sau vì thấy thím thật tình năn nỉ mình, nên phải nhận. Nhận cho thím vui, và nhận cho nhỏ Ngọc vui, vì Huyền nhìn thấy trong ánh mắt người em chú bác với mình luôn đầy ắp nỗi buồn, và rục lên hi vọng khi nhìn đầm đầm vào mắt Huyền. Nhận rồi, nhỏ Huyền lại không dám ăn, không phải vì sợ bị trúng độc, mà chỉ vì một duyên cớ mơ hồ không thể xác định được, nó đem trao cho đứa bạn khác ăn giùm mình, dĩ nhiên không cho thím Thúy thấy...

Rồi, niên học mới, trời run

rủi cho Huyền và Ngọc vào ngồi học chung lớp, ngồi bên nhau cùng bàn, trước còn giữ khoảng cách bằng giới hạn tình bạn bè, nhưng sau thì tình chị em con bác con chú đã vùng dậy dữ dội, mãnh liệt, quật ngã và xóa nhòa đi mọi thứ cấm kỵ khô khốc đã bao năm dựng thành rào chắn lạnh lùng giữa những con người có mang bên trong một trái tim rạo rức cùng một dòng máu. Hai đứa quần quít, chung vai thích cánh bên nhau từ nhà đến trường, từ sân vào lớp, từ lớp về nhà... bắt chặp những lời nhắc nhở răn đe của những người lớn cổ chấp. Đã mấy lần nhỏ Huyền bị mẹ mắng rửa ráy mặt bóng mũi, đã mấy lần bị cha bộp tai thấy trăng sao nhảy múa, vì cái tội cả gan đi chung, gần gũi thân thiện với "con nhỏ con nhà mấy dạy" hoặc "cái con người dưng nước lã vô giáo dục bên nhà vợ chồng thẳng cả chốn". Nhưng nhỏ Huyền không ngán sợ, nó chấp nhận đòn roi và mắng chửi để đổi lấy những giờ phút vui tươi ấm áp bên người bạn thân thiết, và cũng là người em con chú con bác, có lẽ vì nó đã cảm nhận được, biết chắc được thứ nào quý hóa hơn, đáng giữ gìn hơn thứ nào... Thấy em gái mình chứng tỏ bản lĩnh, tôi nghiêng mình bái phục, và rồi cũng ăn theo, nhiều lần tạt qua trường em gái vào giờ chơi, để được trò chuyện thăm hỏi đứa em con ông chú. Chúng tôi đã gần gũi bên nhau, động viên khích lệ nhau đừng nhớ nghĩ đến mỗi hận thù của hai gia đình, mà phải dần hồi tìm mọi cách nối lại tình bà con huyết mạch đã đứt đoạn bao năm bởi những người lớn khư khư ôm cục tự ái to ăm. Anh em tôi đã lén cùng với nhỏ Ngọc đến nhà trẻ để thăm thẳng Bính, em của Ngọc, cho nó biết anh em, nhận bà con. Thật là vui, thật là sướng và hào hứng, cứ như chúng tôi là những nhà thám hiểm đi tìm kiếm khám phá những điều mới mẻ, và cả những điều cũ kỹ vốn đã bị vùi lấp bởi bụi bặm rêu rong có tên gọi đáng ghét là Hận Thù. Chú Bằng bắt gặp chúng tôi vui vẻ bên nhau, ban đầu chú trợn mắt bĩu môi, nhưng những lần sau chú mỉm cười. Thím Thúy thì mừng ra mặt, hỏi han đủ chuyện, nhưng tuyệt đối không hề nhắc đến cha mẹ tôi bao giờ. Chú thím Bằng không có ý kiến gì, hình như cùng muốn "có sao cứ để vậy, tới đâu thì tới", nên chúng tôi mạnh dạn tìm đến với nhau nhiều hơn trước...

Cho đến một ngày, ngày mà

tôi sẽ nhớ suốt đời không quên, chuyện như được ông Trời sắp đặt bài bố đã xảy đến. Vào buổi chiều tan học, Huyền và Ngọc sánh vai đi ra khỏi cổng trường, đến khúc cua vắng, bị hai thằng con trai chặn lại để “xin đều”, chúng dí dao hăm dọa, lột chiếc đồng hồ của nhỏ Ngọc, giật sợi dây chuyền của nhỏ Huyền, bắt luôn chiếc lắc vàng mà mẹ tôi đã làm quà cho nhỏ Huyền hôm sinh nhật của nó. Chưa hết, một thằng lục cặp lấy hết tiền của nhỏ Ngọc, lại giờ trò sàm sỡ đòi hun với hít... Nhỏ Ngọc sợ đến phát run, cứ đứng ì ra không dám phản ứng. Nhưng nhỏ Huyền thì không nhần nhịn được nữa, dù con dao Thái Lan cán vàng của thằng kia đang còn dí vào bên hông mình, nó bắt thần vung cái cặp tấp nặng trịch vào mặt thằng dí dao, nhanh như cắt lại đập qua đầu thằng sàm sỡ đang uy hiếp nhỏ Ngọc. Rồi nó la toáng lên, kéo ta nhỏ Ngọc chạy băng ra giữa đường, nhằm lúc một chiếc xe gắn máy vừa ôm cua phóng vụt tới, nhỏ Ngọc vội ôm người Huyền kéo lại, hai đứa cũng ngã nhào xuống đất phía sát lề, tránh được một tai nạn hiểm nghèo. Chiếc xe thằng kít rợn người, người điều khiển xe nhảy vội xuống khi chưa biết rõ có chuyện gì đang xảy ra với hai cô nữ sinh. Nhỏ Ngọc chỉ về phía hai thằng lưu manh, thét lên “chú ơi... ăn cướp kia! Mấy thằng đó...” hai thằng cô hồn lật đật co giò phóng chạy, mang theo luôn những thứ chúng “xin đều”, chẳng ai chặn bắt được. Khi hoàn hồn rồi, nhỏ Ngọc mới nhớ ra “em biết mặt một thằng, cái thằng dí dao vào chỉ, nó là anh ruột của thằng Tuấn lớp 9B”. Chuyện đến tai cha mẹ tôi, và đương nhiên bên chú thím Bằng cũng được rõ. Cha mẹ tôi bảo: “Mất của được người là quý rồi, thôi bỏ đi!”. Còn nhỏ Ngọc kể lại, chú thím Bằng bảo con: “Thí cô hồn cho tụi nó đi, đừng đụng tới cái lũ lưu manh đó, chúng có bằng bè dữ tợn lắm, chúng mà trả thù thì... mệ!”. Người lớn hai bên nghe chuyện xong chỉ phát biểu bấy nhiêu, tuyệt nhiên không bàn luận gì về chuyện nhỏ Huyền bênh vực em, nhỏ Ngọc cứu nạn chị, chẳng khen cũng chẳng trách, nhưng chúng tôi biết tông bên trong của họ đều đang rung động, ray rứt dữ dội lắm mà cố ghì nén giấu che đi. Tôi nổi mầu anh hùng, qua hôm sau, rú thêm sáu đứa bạn cùng lớp cũng “mang máu anh hùng”, chuẩn bị đầy đủ khí giới phòng thân, kéo nhau đến

lớp 9B để kéo cổ thằng Tuấn ra tra hỏi về anh nó. Thằng Tuấn sợ quá, ngoan ngoãn dẫn đám chúng tôi đi tìm thằng anh tên Ngọt, cùng đi theo “những anh hùng” còn có cả hai nhỏ Huyền và Ngọc. Thời may gặp hai thằng “xin đều” đang ngồi uống cà phê ở quán cóc bên đường, trước một quán Bi-Da, đám “anh hùng” chúng tôi vây lại, đòi lại những gì đã mất hôm qua. Hai thằng lưu manh chửi thề, hỏi bằng chứng, nhân chứng với giọng xấc láo. Tôi sùng gan đâm vào mặt thằng Ngọt một cú thôi sơn bạt hải, nó bật ngửa ra sau, loạng choạng xém té. Ngay lập tức, đám bạn tôi nhập trận, hai thằng lưu manh ăn nỏ đòn, chạy không kịp, vừa lết vừa la, vừa van xin vừa khóc lóc đến thảm hại. Khi các anh lớn bên trong quán Bi-Da túa ra can gián, đám anh hùng chúng tôi mới buông tha kéo quân về với lòng hả hê thỏa mãn. Tưởng vậy là xong, không ngờ đến chàng vạng, tụi thằng Ngọt dò hỏi ra nhà tôi, kéo nguyên băng du đảng hung tợn với mã tấu dao lê, xích sắt, còn nhị khúc như trong phim võ Hồng Kông, vây trước nhà, réo rống lên đòi “trả nợ máu”, làm náo động cả xóm. Cha mẹ tôi run bần bật, đóng chặt cửa sắt, rút vào nhà trong. Bọn du đảng chửi rủa vang trời, đập cửa rầm rầm. Một hồi, bỗng nghe lao nhao bên ngoài, rồi tiếng nhảy nhót chạy lịch lích. Chúng năm phút sau, có người đập cửa, gọi: “Xong rồi, tụi nó biến hết rồi. Không sao đâu mở cửa đi... anh Hai ơi!”. Tôi và nhỏ Huyền trở mặt nhìn nhau, rồi cùng vụt chạy đến mở cửa. Không lăm vào đầu được nữa, chính là tiếng gọi của chú Bằng. Hai anh em chúng tôi mở toang hai cánh cửa sắt sang hai bên. Trước nhà, đứng thẳng và uy nghiêm như pho tượng, mắt đăm đăm nhìn vào bên trong nhà tôi là người em ruột của cha tôi. Cha tôi từ nhà trong bước ra, tiến về phía cửa, rồi đứng lại, bất động. Duy đôi mắt ông sáng quắc lên, long lanh, rục rịch một niềm vui mừng xúc động. Chú Bằng vẫn đứng im, mắt nhìn anh ruột không chớp. Phía sau lưng chú là bà con lối xóm chen lẫn nhau, xì xầm bàn tán, và rồi dường như cùng nín thở để chứng kiến “sự kiện lịch sử trong đời”. Chú Bằng tăng hăng một tiếng, rồi kêu lên: “Anh Hai! Tha lỗi cho em...”. Cha tôi chỉ chờ bấy nhiêu, bước liền ra khỏi cửa. Hai người ôm nhau,

xiết nhau. Hận thù đã được trút bỏ ngay dưới chân họ, dưới chân hai anh em tôi, và kia, phía sau lưng chú Bằng đã thấy thím Thúy cùng hai đứa con hiện diện với tấm thân đều nhẹ tênh vì cũng vừa trút bỏ được hận thù. Mẹ tôi từ bên trong cũng bước ra, cất giọng rồn rảng: “Mời chú thím với mấy cháu vào nhà, sao còn đứng chỉ ngoài đó?”. Tôi cùng nhỏ Huyền nhảy ào ra đón hai đứa em trong nước mắt nghẹn ngào...

Chú Bằng nghe người trong xóm báo tin có băng du đảng vây nhà tôi, chú vội chụp ngay cây rựa chẻ củi, một thân một mình hiên ngang đi giải vây cho “Kẻ thù không đội trời chung”. Bọn du đảng miệng hùm gan sứa gặp phải một ông trình sát thủ thiệt, tuy đã xuất ngũ về vườn từ lâu nhưng vẫn còn phong độ, nên mới giao tranh thử mấy đòn đã hề nhau chạy thực mạng. Ghé góc hơn nữa là phía sau chú Bằng còn có một đám bà con hậu thuẫn bằng gậy gộc lăm lăm, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ an ninh xóm làng. Ai nấy đều vui vui mừng hả hê. Nhưng cái vui “đánh đuổi thằng giặc” cũng không bằng cái vui nhìn thấy tận mắt cảnh anh em trùng phùng, hận thù xóa bỏ, tình máu mủ ruột thịt giữa hai gia đình được gắn bó lành lặn lại sau nhiều năm nát tan dai dẳng. Cha tôi cười nói với chú thím Bằng: “Mấy năm qua, nhờ đi chùa nghe pháp Phật, nghiền ngẫm về Mười Điều Tâm Niệm trong kinh Luận Bảo Vương Tam Muội, anh mới ray rứt ăn năn sám hối, biết mình đã quá u mê. Oán thù nên cởi chớ không nên buộc. Cởi được thì nhẹ nhàng thanh thoát. Với người đứng ta còn phải vậy, huống chi là anh em máu mủ!”. Chú Bằng then thủng: “Anh nói chí phải... Phật dạy biết bao điều hay lẽ phải, quan trọng là mình có chịu nghe nhớ và thực hành hay không thôi!”. Cha tôi gật gù, cười hiền hòa: “Nè, chén bể thì bỏ, mình chơi chén khác chớ hơi sức nào phải lượm nhặt và ghép từng mẩu vụn mảnh nát?”. Chú Bằng mắc cỡ đỏ mặt, đánh trống lảng: “Phải cảm ơn mấy đứa nhỏ, anh Hai à!”. Trong nhà chợt nghe mấy tiếng chuông ngân lên. Mẹ tôi đánh chuông đó.



Chùa Hội Phước New Mexico Tổ Chức Lễ Húy Nhật Lần Thứ 299 Tổ Phật Ấn Quảng Hiền

New Mexico (**Bình Sa**) - Chiều Thứ Hai, ngày 08 tháng 12 năm 2014 chùa Hội Phước tọa lại tại địa chỉ 8624 Zuni Rd SE, Albuquerque, NM 87108 đã long trọng cử hành lễ tưởng niệm húy nhật lần thứ 299 Tổ Phật Ấn Quảng Hiền.

Tham dự buổi lễ có Đại Đức Linh Nhân, Đại Đức Quảng Long, Ni sư Giới Châu, Ni Sư Viên Quang, Tiến sĩ Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế, đại diện GHPGVNTN HK, Đạo hữu Quảng Trà Nguyễn Thanh Huy đại diện Tổng Hội Cư Sĩ, phóng viên Đài Truyền Hình SBTN ông Vũ Nhân cùng đông đảo đồng hương phật tử tại địa phương đã có mặt vào lúc 6 giờ tối để tham dự lễ cắt băng khánh thành Thuyền Bát Nhã và chính thức tôn trí bằng hiệu "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Chùa Hội Phước, nơi đây cũng là văn phòng của Tổng Vụ Cư Sĩ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ. Lễ đài trang nghiêm hai bên với hai câu đối nổi lên tôn chỉ và ý nghĩa của ngôi chùa mang tên "**Hội Phước**" đó là "**Hội** đủ duyên lành sang bên giác" và "**Phước** thành quả lớn vượt sông mê" hai bên có quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ tung bay trước gió.

Tiếp theo là lễ cung nghinh Di ảnh, Long Vị của tổ Khai Sơn Tổ Đình Sắc Tứ Hội Phước Tự từ thuyền Bát Nhã vào an vị tại tổ đường. Sau phần nghi thức cúng Lễ Tiên Thường là chương trình Thiền Trà. Tại buổi lễ Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, đương kim trụ trì chùa Hội Phước New Mexico đã kể lại quá trình hình thành và phát triển tổ đình Sắc tứ Hội Phước, là một trong những ngôi danh lam cổ tự có chiều dài lịch sử trên 300 năm truyền thừa và phát triển ở xứ Trầm Hương Nha Trang Khánh Hòa.

Tổ đình do Tổ sư Phật Ấn-Quảng Hiền và ngài Tịch Viễn - Hồng Quy khai sáng năm 1680. Hai Ngài thuộc Thiền phái Lâm Tế, dòng Đạo Mân-Mộc Trần và dòng Trí Thắng Bích Dung. Lúc đầu 2 ngài cất am tranh tại hòn Hoa Sơn (Núi Một) Nha Trang.

Ngày mùng 9 tháng 12 năm 1716, Tổ Phật Ấn phát nguyện thiết lập hòa đàn trà tỳ xá báo thân, trụ thế 115 năm. Đệ tử thân xá-lợi ngài lập Liên Hoa



tháp thờ tại Hoa Sơn. Từ đó Hoa Sơn có tên Kim Qui Đới Tháp (Rùa vàng đội tháp). Cảm kích trước tấm gương vì đạo cao cả này, người đời sau xúc động ghi lại thành văn thơ.

Dong buồm vượt biển vào đây

Thuyền Sư ghé lại những ngày hoang sơ

Ba trăm năm lẻ đến giờ

Đạo Phong vẫn tỏa, xóa mờ thương đau.

Năm 1742, tổ Đại Thông cho dời chùa xuống khu đất

thoáng rộng, cách đồi Hoa Sơn khoảng 500m về hướng Bắc. Năm 1940, chùa được vua sắc phong "Sắc tứ Hội Phước Tự." Ngày nay đọc lại những trang sử truyền thừa, ai mà không ngậm ngùi nhớ về chùa xưa.

Ta-bà vật đổi sao dời

Chuông nhà thờ đổ trên đồi chùa xưa.

Hoa Sơn dù trải nắng mưa

Dấu chân khai phá khi xưa vẫn còn...

Trên bàn thờ chư Tổ ở chùa Hội Phước được tôn trí trang nghiêm bức chân dung tổ khai sơn Phật Ấn từ xưa còn lưu lại và câu đối:

Nhất hoa hiện thoại truyền đăng quang tổ ấn

Ngũ điệp lưu phương kể thể hiện tông phong.

Qua các long vị thờ tại tổ đường, chúng ta có thể hiểu sơ lược về sự truyền thừa của mười ba đời tổ sư tại tổ đình sắc tứ Hội Phước. Thiền, Tịnh, Mật là những pháp môn chủ đạo được hành trì qua bao đời, bằng pháp môn này, chư Tổ đã làm lợi lạc cho đời và tạo nên mối quan hệ gắn bó thân thiết giữa đạo và đời. Với đạo hạnh và năng lực của mình, chư Tổ vận dụng lòng từ bi, hộ trì kinh chú, giải tỏa những oán kết sâu dày trong nhiều đời. Vì vậy, ngôi chùa như một đàn tràng giải nghiệp oan khiên. Trong đó năng lực thần chú nhiệm mầu đem lại sự an lành cho cuộc sống, làm cho thân hết tật bệnh, tâm được bình an bằng việc chiêm bái, nguyện cầu, trì kinh, niệm Phật..

Chùa Hội Phước Nha Trang hiện nay nằm ở vị trí khiêm tốn nhưng toàn cảnh rất hài hòa trang nghiêm. Lối kiến trúc trang nhã, đậm nét cổ kính, thể hiện sự kết hợp khéo léo của Thiền, Tịnh, Mật tạo nên nét văn hóa đặc sắc của thiền môn, đã đem lại sự an lạc cho Phật tử đến hành lễ chiêm bái.

Sáng hôm sau, Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê cùng Cư Sĩ Quảng Trà và phóng viên Đài SBTN Vũ Nhân đã đến thăm trụ sở cộng đồng, tại đây đã được ông Thông Lương, Chủ Tịch Cộng Đồng New Mexico và cũng là Phó Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hoa Kỳ, Giám Đốc Đài Phát Thanh New Mexico, tại đây các vị cũng đã trao đổi một số vấn đề sinh hoạt của cộng đồng đối với công cuộc đấu tranh chung cho Tự do, Dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam, buổi gặp gỡ diễn ra tuy ngắn ngủi nhưng cũng đã nói lên tinh thần đoàn kết để tiếp tục công cuộc đấu tranh chung hiện nay.

Mọi chi tiết liên lạc về **Chùa Hội Phước** địa chỉ:

8624 Zuni Rd SE, Albuquerque, NM 87108

Tel.: **(714) 675-8226**



The Story of the Question Raised by Thera Ananda

(Dhammapada—Verses 193)



While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (193) of this book, with reference to the question raised by Thera Ananda.

One day, Thera Ananda pondered thus: "Our Teacher has told us that thoroughbreds of elephants are born only among Chaddanta and Uposatha breeds, that thoroughbreds of horses are born only among the Sindh breed, that thoroughbreds of cattle are born only among the Usabha breed. Thus, he had talked to us only about the thoroughbreds of elephants, horses, and cattle, but not of the Noblest of men (purisajanno)."

After reflecting thus, Thera Ananda went to the Buddha, and put to him the question of the Noblest of men. To him the Buddha replied, "Ananda, the Noblest of men is not born everywhere, he is born only among Khattiyamahāsala and Brahmanamahāsala, the wealthy clans of Khattiya and Brahmana."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 193: It is hard to find the Noblest of men; he is not born everywhere nor in every clan. To whatever clan such a wise man is born, that clan prospers.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

NHỮNG BƯỚC CHÂN ĐI

Miền sơn cước núi non dào
Chim muông dón dả mảng bèo dưới sông
Bận lòng nhắc tới đũa trông
Hoa rơi bèo dạt hoa cùng bèo trôi
Cõi người cõi đất dòng đời
Chung cùng một cõi/ thể thời thể thời
Nhân sinh lẽ sống đạo đời
Thẳng trâm thế sự Đất Trời chốn pha
Điều tâm vốn có khắp nhà
Tự ngã không biệt như là không không
Cánh cửa Chánh Pháp biển sông
Kho tàng vô tận đất trồng giao thoa
Ai ơi nhớ lấy đường hoa
Dưỡng lai viếng chốn xóa nhòa có nhau
Hợp tan/tan hợp nổi nào
Lao xao sóng vô xuyên xao nghĩ gì
Lòng đầy cảm xúc bờ mi
Nhận ra từ đó người thì bóng đâu



Đường trần thế tục giọt sầu
Nguồn cảm Chánh Pháp âu rầu đục tan
Lạy Phật lạy Pháp lạy Tăng
Niệm trong chánh niệm nói năng thanh lời
Trong ngoài vẻ đẹp thuyền bơi
Muôn trùng con sóng với đời thực hư
Cảnh giới bất tử Chân như
Đường xưa mây trắng thế từ thoát suy
Căn/trần thấu đáy tư duy
Buồn đau lần áp đèn khuya thêm dầu
Chuông chùa vắng vắng từ lâu
Dòng người lớp lớp gót dấu nổi trôi.

thơ **ẤN KIÊN**

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

LỜI GIỚI THIỆU CỦA BAN BIÊN TẬP:

Phương Trời Cao Rộng là tên gọi chung của bộ truyện dài gồm 5 tập: *Phương Trời Cao Rộng*, *Bụi Đường*, *Ngõ Thoát*, *Cởi Trói I* và *Cởi Trói II* của nhà văn Vĩnh Hảo. Truyện được khởi viết cuốn đầu tiên (*Phương Trời Cao Rộng*) từ năm 1993 và hoàn tất cuốn sau cùng (*Cởi Trói II*) vào năm 1997. Tác phẩm được viết theo lối tự truyện, với nhân vật chính xuất gia làm chú tiểu ở Phật học viện Hải Đức, Nha Trang, đầu thập niên 1970. Qua cuộc đời của nhân vật chính này, nếp sống và lý tưởng của người xuất gia từ lúc hành điều cho đến khi trưởng thành được vén mở. Tác phẩm cũng cho thấy sự phấn đấu gian nan của một tăng sĩ, đối với nội tâm cũng như ngoại cảnh, để bảo vệ lý tưởng và chí nguyện xuất trần cao đẹp của mình. Sau hơn 5 năm nguyệt san Chánh Pháp lưu hành, với sự đề nghị và thôi thúc của nhiều tôn đức, văn thi hữu và độc giả, Ban Biên Tập và nhà văn Vĩnh Hảo quyết định khởi đăng tác phẩm *Phương Trời Cao Rộng*, kể từ số 38, tháng 01.2015. Tác phẩm gồm 15 chương, sẽ được lần lượt đăng mỗi kỳ nối tiếp nhau; chương nào dài sẽ phân làm 2 kỳ. Bộ truyện dài này đã được xuất bản từ 1993 – 1997, và cũng đã được phổ biến trên website www.vinhhao.info từ lâu; nhưng nhiều độc giả không có cơ hội mua sách và đọc truyện trên mạng, do đó, Chánh Pháp trích đăng nơi đây là để gửi tặng những độc giả ấy. Trân trọng.

CHƯƠNG MỘT

Trước mắt tôi là một bãi cát trắng chạy dài, hình vòng cung, đầu bãi cuối bãi hướng ra biển khơi như vòng tay mở rộng để ôm choàng lấy cái đẹp của sóng nước menh mông, hay như sự vươn tới của con người bé nhỏ trước vẻ bao la bất ngát của biển trời xanh rộng. Tôi mê biển là mê ở chỗ đó: mê cái xa rộng ngút ngàn không thấy được bến bờ là đầu ở cuối chân trời xa xăm mù mịt kia.

Ba tôi thường nói bãi biển Nha Trang là bãi biển đẹp nhất Đông Nam Á. Ông còn kể rằng có thời gian người Pháp kiểm soát chặt chẽ bờ biển này, ai xuống bãi mà xả rác sẽ bị phạt nặng, bắt giam. Cho nên, bờ biển Nha Trang cũng là bờ biển sạch nhất Đông Nam Á. Dĩ nhiên là tôi cũng cảm thấy hãnh diện, sung sướng là được sinh ra ở một vùng duyên hải đẹp nổi tiếng như vậy. Nhưng trong cái nhìn của tuổi bé thơ, vẻ đẹp của trời biển, của thiên nhiên, nằm ở ngoài sự so sánh và hiểu biết.

Tôi không nhớ rõ là từ năm nào tôi bắt đầu xuống bãi biển ngồi một mình để ngắm nhìn những cụm mây, những cánh buồm, trôi qua, trôi qua, trên trời, dưới biển. Nhưng có thể nói là khoảng thời gian mới từ tiểu học bước vào trung học là thời gian tôi có mặt dưới bãi biển thường xuyên nhất. Tôi học trường Võ Tánh. Từ trường tôi bước xuống bãi chẳng xa là mấy. Đi bộ chừng năm bảy phút. Cứ giờ nghỉ là tôi xuống



bãi. Có khi đi học sớm để xuống bãi.

Đọc theo bãi biển Nha Trang có nhiều hàng dừa cao rợp bóng. Dưới bóng dừa có những băng ghế đá hay những trụ rào ngang bằng xi măng có thể ngồi lâu hóng mát, ngắm cảnh. Từ đây tôi có thể dõi theo những con tàu lướt sóng xa xa, chạy dọc theo chiều dài của bãi biển rồi nhỏ dần, nhỏ dần cho đến khi mất dạng vào những cụm mây ở cuối trời. Không còn con tàu hay cánh buồm nào chạy ngang biển thì tôi dõi theo những đợt sóng xuất hiện từ xa, nhấp nhô tiến dần vào bờ rồi ném mình trên bãi cát, tung lên những bọt bong bóng trắng xóa. Có những con hải âu tung cánh giữa không trung, phóng mình xuống nước để bắt cá hoặc đáp nhẹ trên những phiến gỗ nhỏ trôi lềnh bềnh giữa đại dương. Có những

cặp trai gái dìu nhau đi trên bãi cát hoặc những cô cậu học sinh cùng lứa tuổi tôi đùa giỡn với sóng nước với những nụ cười rạng rỡ, hồn nhiên. Có những chị gánh hàng rong, vất vả lội chân không trên cát, cất tiếng rao lạc lõng giữa gió biển lồng lộng.

Tôi ngồi nhìn ngắm bãi biển như vậy nhiều giờ đồng hồ mà không biết chán. Một đôi khi vì không muốn từ giã bãi biển mà tôi cứ ngồi lì đó, quên luôn giờ học đã đến. Cũng có thể vì thấy ngồi chơi trên bãi biển hứng thú hơn ngồi trong lớp học mà tôi muốn trốn học. Và tôi đã trốn học rất nhiều lần. Tôi trở thành một học sinh dở, tuy không dở số cũng xếp vào hạng gần chót trong lớp. Gia đình tôi không sao hiểu nổi một đứa học trò xuất sắc như tôi hồi tiểu học, vừa bước vào trung học là đã trở nên dở tệ như

vậy. Dù sao, tôi cũng không nên trút cái tội trốn học ấy hoàn toàn cho bãi biển. Tất phải có nhiều nguyên do đưa đến chuyện trốn học nhưng nếu không có bãi biển góp phần làm nơi trốn nấp, nơi nương tựa, nơi để tôi tìm đến trong những giờ trốn học buồn tẻ đó thì hẳn là tôi không trốn học nhiều đến nỗi có lần suýt bị đuổi học như vậy.

Có lẽ đến một tuổi nào đó, hay đến một lúc nào đó trong đời, tâm tư tự đứng muốn vượt tung những khuôn khổ, những phép tắc kỷ cương đang giam hãm mình. Thời điểm đó có thể đến nhanh hay chậm, tùy theo tâm lý và hoàn cảnh của mỗi người. Và nó đã đến với tôi rất sớm: chính vào tuổi mới vào trung học.

Giáo sư dạy toán hình học và đại số cho lớp tôi lúc ấy là thầy Tân, một viên sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Thầy dạy ra sao tôi không nhớ rõ, chỉ nhớ rằng giờ của thầy làm tôi chán nhất. Có lẽ trong quân đội, thầy là một chiến sĩ quan mục thước và nghiêm khắc thái quá. Thầy vào lớp với bộ quân phục gần hai bông mai, ủi hồ thẳng thớm, chắc là mới lấy ở tiệm giặt ủi ra. Tóc thầy chải rẽ ngôi rõ ràng, xúc keo láng bóng; mái tóc ở trước được chải ngược ra sau chừa một vầng trán cao rộng như một cái hình chữ nhật mà nhìn vào hẳn người ta phải nghĩ là thầy rất giỏi toán (điều dĩ nhiên, vì thầy là giáo sư toán!). Mỗi lần vào lớp, thầy cứ lo đi “*duyet binh*” mà không chú trọng chuyện giảng dạy cho lắm. Thầy hô nghiêm cho cả lớp đứng dậy, im lặng đứng trong hàng ghế mình ngồi. Rồi thầy cầm cây thước dài vừa nhịp nhịp nơi tay, vừa đi kiểm tra từng bàn.

“Trò kia, sao áo thiếu hột nút vậy?”

“Dạ, em mới bị sút hột này.”

“Về nhà viết hai trăm câu: *tôi phải xem lại nút áo trước khi vào lớp.*”

Đến bàn kế tiếp, thầy lại bắt được một lỗi khác:

“Tại sao không có nịt?”

“Dạ ... em quên.”

“Viết hai trăm câu: *tôi phải nhớ mang nịt khi đi học.*”

Rồi một lỗi khác nữa:

“Tại sao mặc quần sọt?”

“Dạ quần dài mà em mới giặt, chưa khô, nên mặc đồ quần sọt.”

“Viết hai trăm câu: *tôi phải mặc quần dài đi học.*”

Đến chỗ tôi, thầy ngăm ngúa một hồi khá lâu. Hình như là thầy không ngờ tôi lại phạm quá nhiều



Chùa Hải Đức Nha Trang, ảnh của Võ Văn Tường—1999

lỗi như vậy. Thầy hỏi:

“Áo này chưa hẳn là áo trắng. Ngà ngà thôi, phải không? Thôi cũng được. Nhưng quần này chắc chắn là không phải quần xanh rồi. Quần đen. Rõ ràng quá. Tại sao? Còn nữa, quần sọt đen! Tại sao không phải là quần dài mà là quần sọt? Xích ra coi, ôi chao, không mang giày mà mang dép. Xắn-dan không phải là giày. Các trò phải nhớ điều đó. Xắn-dan chỉ là đôi giép thôi vì nó ló ngón, ló gót ra ngoài. Nhiều lỗi quá. Trò có nghe tôi dặn dò tuần trước không vậy?”

“Thưa không, em vắng mặt tuần trước.”

“Mới khai giảng có một, hai tuần mà đã vắng mặt rồi. Sao vậy? Lý do gì?” (tôi chưa nói lý do thì thầy đã nói tiếp) “Lý do gì cũng không thể tha thứ được. Lên đứng trên bục kia chờ tôi.”

Thầy tiếp tục *duyet binh*, đi hết các bàn, lỗi lên bảng đen khoảng mười mấy học sinh *phạm lỗi kỉ luật* tương tự như tôi. Xong xuôi, thầy bắt đầu đánh phạt. Gọi từng người nằm xấp trên bục gỗ trước bảng đen. Mỗi cậu lãnh ít nhất là ba roi. Riêng tôi, nhiều lỗi quá, bị đến mười roi. Đau lắm nhưng tôi không khóc, chỉ thấy giận cầm cầm trong lòng. Làm sao quên được cung cách phạt đòn và kết tội của thầy. Khi tôi vừa nằm xuống, thầy đã quát trước ba roi cho đỡ tức. Sau đó thầy mới hỏi

thêm cho rõ ràng. Những cậu bị đòn trước tôi đều bị tra hỏi và đều có cơ để thầy đánh thêm hoặc kết tội nặng. Hình như thầy muốn cho sự đánh phạt của thầy tăng thêm phần chính nghĩa nên mới vận hỏi dài dòng như vậy. Chẳng hạn thầy hỏi một bạn trước tôi:

“Cha làm nghề gì?”

“Dạ... đạp xích lô.”

“Còn mẹ làm gì?”

“Dạ ... bán xôi.”

“Nhà có mấy anh em?”

“Dạ, năm.”

“Cha mẹ làm lụng cực khổ như vậy để nuôi năm anh em ăn học mà mình chẳng lo học để đền đáp!”

Trót! Trót! Trót! Thầy vung roi ngay sau khi dứt lời, rằng thầy nghiêng ken két. Tôi bất mãn cách kết tội như vậy. Thầy gom chuyện kỷ luật với chuyện học thành một. Hình như đối với thầy, một kẻ phạm nội quy thì không thể học giỏi được. Nhưng cái nội quy ở đây không phải là nội quy của trường mà là nội quy của riêng những lớp học do thầy đảm trách. Chuyện bận quần sọt hay quần dài, có nịt hay không nịt, quần xanh hay quần đen, ở các lớp khác, nhất là các lớp lớn hơn, đâu thấy áp dụng. Đến lượt tôi, thầy vừa nhìn mặt tôi đã quát liền ba roi dẫn mặt, rồi mới hỏi:

“Cha làm gì?”

“Dạ, công chức.”

“Mẹ thì sao?”

“Dạ, nội trợ.”

“Nhà có mấy anh em?”

“Dạ, mười bốn.”

"Trời đất, mười bốn? Mười bốn con lộn! Mà mấy dòng?"

"Dạ ... dòng gì ạ?"

"Ba có mấy vợ?" thầy hỏi với giọng mỉa mai.

"Dạ, một."

"A, nhớ rồi. Phải ba là ông Đản làm ở Tòa Hành Chánh không?"

"Dạ, phải."

"Phải mi có thằng anh để tóc dài ăn bận híp-pi tên Hiền không?"

"Dạ, phải."

"Hèn chi! Thằng anh mi dạy mi ăn học như vậy đó hả? Anh em tui bây không thương ba mẹ, không biết giữ tiếng cho ba mẹ, hoang đàng ngỗ nghịch, chửi thầy, bỏ học, chẳng ra thể thống gì! Tao đánh cho mi nhớ mà lo học hành đàng hoàng. Về nói lại với thằng Hiền là tao đánh mi, nghe chưa!"

Tôi ngước đầu lên nói:

"Dạ, bài học bài tập em có làm đầy đủ rồi."

"Đừng có cãi, nằm đó mà nghe này. Cái tội không lo học, không biết thương cha mẹ! Trăm roi cũng chưa đủ!"

Nhưng thầy quát tôi đủ mười roi thì ngưng, có lẽ vì thấy mình hơi quá đáng. Rồi thầy bắt tôi viết phạt năm trăm câu: "*tôi phải chăm chỉ học hành và tuân theo kỷ luật của nhà trường.*" Tôi tự ái lắm, nhưng chỉ biết nhủ lòng là cố gắng học để thầy không thể khinh thường mình được.

Về nhà, tôi nói chuyện với ông anh mà thầy ấy nêu danh. Anh tôi cười, nói:

"Ông dạy dỗ khết bị tui tao chống quá. Ông biết tao bày đầu nên đâm ghét, cứ đòi đuổi tao ra khỏi lớp. Nhưng đuổi không được vì ông hiệu trưởng nể ba đâu dám đuổi. Vì vậy ông càng ghét thêm."

Anh tôi học trường Đăng Khoa, cũng là một trong những học sinh xuất sắc của trường. Tôi không biết anh tôi có che giấu điều gì giữa anh và thầy Tân không. Nhưng chỉ riêng chuyện của tôi, tôi thấy là tôi không phục thầy ấy rồi. Nếu tôi lớn hơn chút xíu, có lẽ tôi cũng chống thầy ấy như anh tôi đã làm vậy.

Nhưng chuyện của tôi trong lớp toán của thầy vẫn chưa hết. Tuần sau vào lớp nộp bài phạt rồi. Tôi lại bị bắt viết bài phạt khác. Lần phạt này mới thực sự đẩy tôi vào thế chống đối thầy rõ rệt hơn. Chuyện là như vậy: thầy bắt học sinh khi viết bài hoặc làm bài tập đều phải dùng hai cây bút, một đỏ một xanh. Đề lớn thì viết chữ đỏ, gạch đứt màu xanh;

đề nhỏ thì viết chữ xanh, gạch đứt màu đỏ. Các nguyên lý hay định nghĩa thì viết chữ đỏ. Câu giải hoặc ví dụ thì viết xanh. Phương pháp trình bày thật rườm rà, rắc rối, đều cần phải ghi nhớ khi chép bài học và ngay cả khi làm toán tập, toán thi trong lớp. Phiền nhất là viết chữ A) bằng mực xanh xong, bỏ bút xuống, lấy bút đỏ lên viết chữ Định Lý, rồi bỏ bút đỏ xuống lấy bút xanh gạch đứt chữ vừa viết, rồi lại bỏ bút xanh xuống lấy bút đỏ lên viết nguyên câu định lý, rồi bỏ bút đỏ xuống để lấy bút xanh viết nguyên đoạn ví dụ... Tôi đã cố gắng trình bày theo ý thầy, nhưng vẫn có vài chỗ trình bày sai, lộn. Nguyên cả cuốn bài học và cuốn bài tập của tôi đều bị thầy quẹt tréo dấu nhân, không thêm chấm bài làm xem đúng sai, và cho con *zéro* một cách ngang ngược. Đã vậy, thầy còn bắt tôi viết phạt năm lần cuốn bài học và năm lần tất cả những bài tập từ hôm khai giảng đến giờ. Viết đủ những bài phạt này, tôi phải tốn nhiều ngày, nhiều giờ và nhiều cuốn tập. Tôi không thêm năn nỉ xin thầy chấm lại như một số bạn cùng lớp. Tôi cũng không cần phải cãi lý với thầy. Tôi bỏ học. Và tôi xuống bãi biển, ngồi ngắm cảnh, nhìn trời nhìn mây nhìn nước.

Giờ của thầy toán tôi lãnh nhiều con *zéro*. Tôi bỏ học giờ thầy, nhưng có khi cũng phải gắng gượng vào lớp. Mà hể vào lớp là tôi bị thầy gọi lên, hỏi bài, hỏi bài phạt đã chép chưa, rồi cho con *zéro* khác. May sao, chỉ một vài tháng sau là thầy bị đổi đi. Có lẽ thầy phải ra trận. Mong rằng các binh sĩ dưới quyền chỉ huy của thầy có nhiều thì giờ để học hỏi và chiến đấu hơn là cầm cú chịu bị phạt vì những tội kỷ luật. Một giáo sư khác thay thế thầy Tân dạy toán cho lớp tôi. Lớp toán đã có không khí khác, nhẹ nhàng hơn. Nhưng, tôi đã mất căn bản rồi. Chạy theo các bạn đến đuổi sức.

Những ngày trốn học trước đây cũng ảnh hưởng rất lớn cho việc học hành của tôi. Trốn giờ thầy toán thì phải trốn luôn giờ Sử địa (vì hai giờ kế nhau, cùng chung một lớp). Rồi giờ Sử-địa lại dính với giờ Việt văn hay giờ Lý-hóa. Cứ vậy mà dính chùm với nhau, nghỉ giờ này phải nghỉ luôn giờ kia. Cuối cùng, tôi bị thầy giám thị cho người đến tận lớp gọi lên văn phòng. Thầy

giám thị nổi tiếng là đánh đòn nặng với cái roi mây dài hơn một thước. Học sinh bị kêu lên văn phòng giám thị là run bắn. Tôi đứng xếp hàng chờ đợi tới phiên mình. Không học sinh nào bị gọi đến mà không bị đòn. Có những anh học lớp đệ nhị đệ nhất cũng phải nằm dài xuống đất để giám thị phạt đòn y như con nít. Đến lượt tôi, ông giám thị cầm xấp hồ sơ đọc lướt qua, thấy tên ba tôi thì chùn tay không đánh, đưa tôi lên văn phòng ông hiệu trưởng. Không phải ba tôi là một ông tướng ông tá dữ dằn có quyền lực to lớn trong tỉnh khiến cho mọi người phải sợ hãi. Ba tôi hiền lành và chỉ là một công chức ở Tòa Hành Chánh tỉnh mà thôi. Tuy nhiên, hầu như giới giáo chức, công chức các ngành ở Nha Trang đều kính nể ba tôi, không muốn đụng chạm đến gia đình ba tôi. Ngay cả bên quân đội hay cảnh sát cũng vậy, hễ các anh trai lớn của tôi có bị bắt (vì lý do để tóc dài, hay đi chơi về khuya trong giờ giới nghiêm) nhưng khai đến tên ba tôi thì họ cũng thả ra hoặc mời ba tôi đến để bảo lãnh về.

Tôi bước vào văn phòng vị hiệu trưởng già, hiền lành và đức độ nổi tiếng của trường. Ông hiệu trưởng xem hồ sơ học bạ của tôi, lắc đầu hỏi:

"Phải con là con của ông Đản không?"

"Dạ, phải."

Ông hiệu trưởng nói giọng hụt hơi, khàn khàn, nhưng tình cảm, hiền hậu:

"Ba mẹ con ở Nha Trang, chẳng ai mà không biết tiếng, ông bà hiền lành đức độ, gia đình gia giáo như vậy mà sao con cứ trốn học hết giờ này tới giờ khác, bộ con không sợ làm buồn lòng ba mẹ con sao? Con có người chị học rất giỏi, lúc nào cũng đứng đầu lớp, đầu trường, sao con không noi gương chị để làm vui lòng ba mẹ? Con có chuyện gì trở ngại trong lớp phải không? Cứ việc nói thầy nghe để thầy giúp cho. Thầy không nghĩ là con học dở đâu. Cứ theo học bạ thì biết, các môn khác con đều lấy điểm khá. Tháng đầu mới khai giảng học rất được. Vậy sao từ tháng mười trở đi, lại xuống quá sức, nghỉ học nhiều. Môn toán cứ *zéro* hoài, là sao?"

Tôi không nói được lời nào. Giọng nói thân mật và tình cảm của ông hiệu trưởng làm tôi mềm lòng, tôi đứng đó mà khóc. Thầy Tân đánh tôi nhiều đòn tôi chỉ nghĩ rằng không kêu la hay nhỏ một giọt nước mắt. Chỉ có



những lời chứa chan tình cảm của vị hiệu trưởng già này mới thực sự làm xúc động và thay đổi tôi mà thôi.

Thấy tôi chỉ biết khóc chứ không giải thích được vì sao, ông hiệu trưởng an ủi dặn dò trước khi cho tôi về lớp:

“Thôi được, thầy sẽ mời ba con đến đây để bàn về chuyện học của con. Con về lớp tiếp tục học, nhớ siêng năng, đừng trốn học nữa. Thầy cũng sẽ xin các giáo sư lưu tâm đến con. Nếu bị trở ngại gì con cứ lên đây gặp thầy mà thưa chuyện, thầy sẽ giúp cho.”

Vậy là với tấm giấy chứng nhận của ông hiệu trưởng, tôi có thể trở lại lớp bình thường thay vì bị đuổi học. Hình như nghỉ một tuần liên tiếp không có giấy phép là đã bị đuổi rồi. Tôi đã nghĩ quá số ngày nói trên. Tôi cố gắng lấy lại các bài học bị thiếu. Vất vả lắm. Cuối cùng cũng qua được lớp đệ thất. Không lấy được điểm cao, đứng hạng gần chót, nhưng cũng được lên lớp. Ở mức trung học, tôi là đứa con đầu tiên và duy nhất trong gia đình có học lực tệ như vậy.

Nhìn học ba thấy tôi xếp hạng thấp mà đặc biệt là môn toán bị yếu, ba mẹ tôi gửi tôi đi Phan Rang mấy tháng hè để người em họ (rể của cậu tôi) là giáo sư toán dạy kèm cho tôi tại nhà. Chẳng hai tháng thì người em họ này đưa tôi về lại Nha Trang, nói rằng tôi học như vậy đủ rồi. Rồi người em họ này nói với ba mẹ tôi: “Anh (tức là tôi) đâu có dở toán đâu. Chắc tại không chịu học thôi.” Mẹ tôi nói: “Ừ, bác cũng chẳng hiểu sao. Lúc ở tiểu học, nó là thằng đứng đầu mọi môn trong lớp, trong trường, năm nào cũng lãnh phần thưởng hạng nhất, lại được cả phần thưởng hạnh kiểm nữa.”

Mùa hè hãy còn khi tôi trở về Nha Trang. Biển Nha Trang vào mùa này thật lặng và đẹp. Nước biển trong vắt, bước chân xuống nước có thể nhìn thấy đáy. Tôi đi tắm biển hàng ngày. Tôi mê mãi trầm mình trong dòng nước

mát. Rồi cũng ngồi trên bãi cát như thiên hạ để ngắm trời cao đất rộng. Nhưng thiên hạ chỉ ngắm sơ thôi, rồi tắm, rồi về. Còn tôi, tôi không muốn rời biển. Tôi bị mê hoặc trước cái bao la vô tận của biển trời. Tôi quên đói, quên khát. Cứ tắm rồi lên ngồi trên bãi ngắm cảnh, rồi lại nhảy xuống tắm. Đôi khi mẹ tôi phải sai anh hay chị tôi xuống bãi tìm tôi, kêu về.

Hình như không ai có thể cưỡng được sự đam mê thích thú trước cái gì cao vời và sâu rộng. Nếu họ đã đắm mình vào đó rồi thì khi từ bỏ nó, sự từ bỏ cũng chỉ là miễn cưỡng.

Ngày tựu trường đến rồi mà tôi vẫn cứ đắm mình trong những mộng tưởng và nỗi đam mê được ngồi chơi dưới bãi biển. Tôi không thích đi học nữa. Trường lớp với thầy cô giáo, bạn bè, bảng đen, bàn ghế và bụi giảng, tập vở và sách học... tất cả đều không còn chút hấp dẫn nào đối với tôi. Tôi thích ngắm những cánh bướm xa lênh đênh ngoài dặm khơi hơn là nghe thầy giảng về những eo biển, những quần đảo, những rừng núi chỉ thấy trên trang sách. Tôi thích ngắm mình hoặc nằm ngửa ra trên mặt nước biển để nhìn những cánh chim, những cuộn mây cùng trôi qua trên nền trời xanh biếc hơn là ngồi ghi chép về cách cấu tạo của mây hay bộ phận tiêu hóa của loài chim và những động vật tương cận. Học đường không còn một chút ý nghĩa gì đối với tôi nữa. Tôi sợ những thầy giáo. Tôi chán những bài học, bài tập. Tôi đến trường đến lớp một cách uể oải; lăm lăm nhìn bạn bè cùng lớp vui đùa hoặc khoe nhau những hình vẽ rất đẹp cho các môn học. Tôi muốn vĩnh viễn từ giã tất cả những ngôi trường trên thế gian. Nhưng tôi không dám. Tôi hãy còn quá bé nhỏ, làm sao có thể quyết định được chuyện nghỉ học để không làm gì hết, chỉ rong chơi và ngồi chơi dưới bãi biển! Mỗi chiều về nhà, tôi hãy còn lăm lăm lết lết tránh đôi mắt dò xét của các anh chị trong nhà. Từ khi biết tôi học rất dở ở lớp đệ thất, các anh chị nghe lời ba mẹ tôi, theo dõi chuyện học của tôi rất kỹ. Bài tập, bài học của tôi đều bị kiểm soát, dò lại trước khi tôi rời nhà để đến trường. Tôi cố gắng thanh toán bài vở mà không có chút sinh thú nào. Thường khi thì tôi len lén rời khỏi nhà để đến

trường, không muốn bị kiểm soát bài vở. Và đôi khi tôi bị đánh đòn vì không làm hết bài tập của mình.

Tôi nhớ rất rõ một buổi trưa trước giờ đi học, đang ngồi soạn mấy cuốn tập để chuẩn bị đi học, tôi bỗng thấy chán nản kinh khủng. Sự chán nản đi học lúc ấy tưởng như không còn sức nào để chịu đựng được nữa. Tôi muốn nguyên rủa thế giới khủng điên này tại sao phải bày ra chuyện học. Tại sao không sống hồn nhiên như những cụm mây, những cánh chim, những con bướm bay lượn trên ngàn hoa nội cỏ? Tôi ngồi lẳng người thật lâu mà chẳng biết phải làm gì. Bỗng nghe người chị nhắc nhở chuyện đi học, tôi giật mình, ôm tập đứng dậy. Nhưng tôi không muốn đi. Tôi ớn đến tận xương tủy của mình cái việc đi học này. Tôi lăm lăm bước xuống nhà dưới. Anh chị tôi đều đã đi làm đi học. Ba mẹ tôi đi vắng. Tôi lấy con dao cắt bút-tết thật nhọn, bén, kẹp vào trong cuốn tập. Rồi tôi bước lên nhà trên, vào góc bàn thờ rất tối. Cầm chắc chuôi dao vào bụng, tôi lại dao hướng vào bụng—không biết chỗ nào là chỗ yếu, cứ nhắm vào bụng sao cho thuận tay là được rồi. Để có thể mạnh dạn hơn trong việc đẩy lưỡi dao vào bụng, tôi lại nghĩ đến chuyện đi học, vào lớp bị thầy giáo gọi tên, hỏi bài, hỏi lý do tại sao trốn học tuần trước. Nỗi chán chường lại tỏa ra, dâng lên. Hình như sự chịu đựng đến đây là đã quá mức rồi. Tôi thích làm con chim, không thích làm một thằng học sinh vui đầu vào sách vở nữa. Cứ bắt tôi phải đi học hằng ngày như vậy thì thì chết quách xong một đời vô nghĩa. Tại sao bên ngoài có vòm trời bao la, có đại dương xanh biếc mà không hưởng thụ, không vui chơi cho thỏa chí tang bồng lại chui vào những căn phòng vuông vức phép tắc và những bài học nhai đi nhai lại trong sách vở! Tôi chán lắm! Tôi không thể chịu đựng được nữa. Tôi phải từ giã trần gian mê muội vô nghĩa này!

Tôi run run cầm dao hướng vào bụng, nhưng một phút trôi qua rồi mà vẫn chưa dám đẩy mạnh vào. Tôi ôm mãi chuôi dao rồi khóc rưng rức một mình. Cuối cùng, tôi bỏ dao xuống. Tôi sẽ không đi học ngày hôm nay, và có thể ngày mai, có thể mãi mãi. Nhưng tôi vẫn còn muốn sống.

(Đón đọc số sau: Chương 1, kỳ 2)